|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: |  |

**Chương VI: MỘT SÔ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT**

**TIẾT 43 + 44 + 45. § 1: THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI DỮ LIỆU**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:*

– Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, *Internet*; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...).

– Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo,...).

– Thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.

– Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...).

– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng số liệu, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép.

– Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS biết đọc và phân loại thành thạo các dữ liệu

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để thu thập và phân loại dữ liệu, tính hợp lí của dữ liệu, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày dạy:

**Tiết 43**

**A. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh xác định được sự cần thiết của việc thu thập dữ liệu, gợi trí tò mò và dẫn dắt học sinh vào bài mới.

- Cho học sinh thấy được nhu cầu phải thực hiện thu thập và phân loại dữ liệu trong tình huống thực tế.

**b) Nội dung:**

GV yêu cầu học sinh về nhà thảo luận nhóm 1, 2 thu thập thông tin về số HS có kết quả học tập xếp loại Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt của các bạn trong tổ.

Nhóm 3, 4 thu thập thông tin về điểm kiểm tra cuối HK II môn Toán của mỗi bạn ở trong tổ của mình.

**c) Sản phẩm:** Kết quả điều tra của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập:  GV yêu cầu học sinh về nhà nhóm 1, 2 thu thập thông tin về số HS có kết quả học tập xếp loại Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt của các bạn trong tổ.  Nhóm 3, 4 thu thập thông tin về điểm kiểm tra cuối HK II môn Toán của mỗi bạn ở trong tổ của mình.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs thảo luận nhóm  \* Báo cáo, thảo luận:  Đại diện các nhóm nộp sản phẩm.  Đại diện nhóm khác nhận xét.  \* Kết luận, nhận định:  GV chiếu sản phẩm các nhóm. Đặt vấn đề vào bài mới: Ở chương trình lớp 7 các em đã biết cách thu thập và phân loại dữ liệu. Vậy có những cách nào để thu thập dữ liệu và trong các dữ liệu thu thập được, ta sẽ phân loại chúng như thế nào? |  |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)**

**Hoạt động 1: Thu thập dữ liệu (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh biết thu thập dữ liệu.

**b) Nội dung:**

- HS đọc HĐ1 SGK trang 3 từ đó rút ra kiến thức trọng tâm; làm ví dụ 1 SGK trang 3.

**c) Sản phẩm: K**ết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Hoạt động nhóm đôi nghiên cứu HĐ1 SGK trang 3 và trả lời câu hỏi: Trong HĐ1 các bạn lớp 8A có thể thu thập những thông tin đó bằng cách nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS thảo luận nhóm đôi nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  Đại diện nhóm đứng tại chỗ trả lời.  Hs cả lớp lắng nghe và đại diện nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV kết luận lại trong HĐ1 từ đó rút ra kiến thức trọng tâm.  Các bạn lớp 8A có thể thu thập những thông tin về số lượng huy chương đạt được của Đoàn thể thao Việt Nam tại SEA Games 30 từ trang web http://vietnamnet.vn  Có nhiều cách để thu thập dữ liệu, chẳng hạn: quan sát, lập phiếu điều tra (phiếu hỏi), tiến hành phỏng vấn,…hoặc thu thập từ những nguồn có sẵn như sách, báo, trang web, các phương tiện thông tin đại chúng,…. | **1. Thu thập dữ liệu**  **a) Hoạt động 1: (SGK trang 3)**  **Kiến thức trọng tậm:** Có nhiều cách để thu thập dữ liệu, chẳng hạn: quan sát, lập phiếu điều tra (phiếu hỏi), tiến hành phỏng vấn,…hoặc thu thập từ những nguồn có sẵn như sách, báo, trang web, các phương tiện thông tin đại chúng,…. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV chiếu ví dụ 1 SGK trang 3 yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  Bạn lớp trưởng lớp 8 C có thể thu thập những thông tin bằng cách nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  Hs hoạt động cá nhân thực hiện nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  Gv gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi trên.  Hs khác lắng nghe nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  GV chính xác hóa câu trả lời của học sinh và nhấn mạnh lại: Bạn lớp trưởng lớp 8C có thể thu thập những thông tin bằng cách lập phiếu hỏi | **b) Ví dụ 1 (SGK trang 3)**  **Giải:**  Bạn lớp trưởng lớp 8C có thể thu thập những thông tin bằng cách lập phiếu hỏi theo mẫu sau (Bảng 1):   |  |  | | --- | --- | | Môn thể thao | Ưa thích | | Bóng đá |  | | Cầu lông |  | | Bóng rổ |  | | ……. |  |   **Bảng 1** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  Yêu cầu HS làm luyện tập 1:  **LT1.** Một cửa hàng bán kem muốn tìm hiểu về các loại kem yêu thích của 40 khách hàng trong sáng Chủ nhật. Theo em, cửa hàng có thể thu thập những thông tin đó bằng cách nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  HS thực hiện yêu cầu trên theo nhóm 4 HS  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày,  - Cả lớp quan sát và nhận xét  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **c)Áp dụng**  **Luyện tập 1.**  **Giải:**  **Cách 1:** Lập phiếu điều tra theo mẫu.   |  |  | | --- | --- | | Khách hàng 1 | Loại kem yêu thích | | Khách hàng 2 |  | | ……… |  |   **Cách 2:** Dựa vào số lượng các loại kem bán được trong sáng Chủ nhật. |

**2. Hoạt động 2: Phân loại và tổ chức dữ liệu** (20 phút)

**a) Mục tiêu:** HS cần đạt được các yêu cầu sau:

– Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, *Internet*; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...).

– Thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** Học sinh được yêu cầu hoàn thành câu hỏi hoạt động 2; ví dụ 2; LT1/SGK.tr5

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV trình chiếu **HĐ2/GSK** tr4, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trong các dữ liệu thông kê thu thập được, dữ liệu thống kê nào là số liệu), dữ liệu thống kê nào không phải là số?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HĐ cá nhân trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - Gv đánh giá, nhận xét và chốt kiến thức phần và giới thiệu: Dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng. | **II. Phân loại và tổ chức dữ liệu**  **\* HĐ2/SGK4:**  - Dãy dữ liệu thứ nhất không phải là số liệu  - Dãy dữ liệu thứ hai là số liệu.  **\*Kiến thức trọng tâm:** Việc sắp xếp thông tin theo những tiêu chí nhất định gọi là phân loại dữ liệu.  \* Phân loại các dữ liệu thành 2 loại:  - Dữ liệu định lượng được biểu diễn bằng số thực.  - Dữ liệu định tính được biểu diễn bằng từ, chữ cái, kí hiệu,…. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2 :**  - HS thực hiện làm **Ví dụ 2** (SGK trang 5) theo hình thức cá nhân  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các câu hỏi của Ví dụ 2.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Lời giải ví dụ 1.  - Học sinh trả lời vấn đáp.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **\* Ví dụ 1.**  a) Có 20 mặt hàng được khách hàng dự định mua  b) Nhóm 1**:** gạo, mì ăn liền, thịt, cá, rau củ, trứng, hoa quả;  Nhóm 2: sữa tươi, nước khoáng, nước giải khát, nước sinh tố;  Nhóm 3: xà phòng, kem đánh răng, bột giặt, xoong nồi, bát đĩa, áo quần;  Nhóm 4: bút viết, vở học sinh, cặp sách; |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV trình chiếu **LT2/GSK.** **Tr5**, yêu cầu HS hoạt động cặp đôi và trả lời câu hỏi của bài ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Hoạt động cặp đôi làm LT2**/GSK.** **Tr5**  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - GV hỗ trợ, hướng dẫn HS khi khó khăn.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Học sinh đại diện cặp đôi trả lời vấn đáp.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá, chính xác hóa kết quả.  - GV khắc sâu kiến thức: Phân loại dữ liệu thống kê phụ thuộc vào những tiêu chí đưa ra, hay nói cách khác, phụ thuộc vào mục đích phân loại. | **\*Luyện tập 2/SGK. Tr 5:**  Cá: cá rô đồng, cá chép, cá thu,  Lưỡng cư: Ếch, nhái, cóc;  Bò sát: Rắn hổ mang, thằn lằn, cá sấu;  Chim: gà Đông Tảo, chim ưng, chim bồ câu;  Động vật có vú: Trâu, mèo, sư tử;  \* Nhận xét (sgk/5) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (8 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học để giải quyết một số bài toán trên phiếu học tập

**b) Nội dung:** Bài tập trên phiếu học tập .

**Bài 1:** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là dữ liệu định tính

1. Điểm kiểm tra môn toán của các bạn học sinh lớp 8A.
2. Loại quả yêu thích nhất của các bạn học sinh lớp 8A.
3. Cân nặng của các bạn học sinh lớp 8A (đơn vị là kg).
4. Môn thể thao các các bạn học sinh lớp 8A thích nhất.

**Bài 2:** Lớp 8A có 40 học sinh. Để chuẩn bị cho buổi tổng kết cuối năm giáo viên chủ nhiệm yêu cầu nêu các loại thức ăn mà các bạn yêu thích gồm: xúc xích bò, bánh kem, bánh cốm, phở gà, bún giò, cơm hến.

1. Có bao nhiêu loại thức ăn được các bạn yêu thích?
2. Hãy xếp các loại thức ăn đó theo các nhóm sau:

Nhóm 1: Thức ăn ngọt.

Nhóm 2: Thức ăn mặn.

**c) Sản phẩm:** Lời giải của bài toán trên phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - HS làm BT trên phiếu học tập theo nhóm nhỏ cùng bàn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu của bài toán theo nhóm nhỏ cùng bàn.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - đại diện nhóm trả lời vấn đáp.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá, nhận xét HĐ của các nhóm  - GV trình chiếu đáp án và củng cố kiến thức bài . | **Bài 1:** Đáp án B, D  **Bài 2:**  a) Có 5 loại thức ăn được các bạn yêu thích.  b) Nhóm 1: Bánh kem, bánh cốm.  Nhóm 2: xúc xích bò, bún giò, phở gà, cơm hến. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (03 phút )

**a) Mục tiêu:** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với kiến thức đã được học.

**b) Nội dung:** Học sinh được yêu cầu hoàn thành bài tập sau:

Hoàn thiện vào bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loài** | **Môi trường sống** | **Thức ăn** | **Hình thức sinh sản** |
| Cá chép |  |  |  |
| Chim bồ câu |  |  |  |
| Sư tử |  |  |  |

Các dãy dữ liệu em thu thập thuộc loại nào?

**c) Sản phẩm:** Lời giải và kết quả của bài toán.

**d) Tổ chức thực hiện**: (HS thực hiện ở nhà)

\* GV hướng dẫn HS cách tìm hiểu thông tin cần thu thập ở trên mạng để làm bài tập phần nội dung.

\* GV Hướng dẫn tự học ở nhà :

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Phân loại dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng

- Đọc trước mục III. Tính hợp lí của dữ liệu

Ngày dạy:

**Tiết 44:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (5 phút)

**a) Mục tiêu :**

- HS được biết sau khi thu thập, tổ chức, phân loại dữ liệu có thể dựa trên những tiêu chí toán học đơn

giản để chỉ ra được những dữ liệu không hợp lí.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu: Trả lời được câu hỏi phần khởi động.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Ở lớp 6, các em đã làm quen với việc mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ ( GV trình chiếu)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Điểm** |  |  |  |  |  | | **Số thập phân** |  |  |  |  |  |     -Hãy cho biết biểu diễn dữ liệu được cho ở những dạng nào?  - Nhờ biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ, em ta có thể biết được tính hợp lí của dữ liệu đó hay không?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện HS trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học hôm nay chúng ta sẽ biết được dữ liệu trên các bảng, biểu đồ, có tính hợp lí hay không? | \*Biểu diễn dữ liệu dưới dạng:   * Bảng. * Biểu đồ tranh * Biểu đồ cột |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (25 phút)

**II.Tính hợp lí của dữ liệu.**

**a) Mục tiêu:**

- HS được biết sau khi thu thập, tổ chức, phân loại dữ liệu có thể dựa trên những tiêu chí toán học đơn giản để chỉ ra được những dữ liệu không hợp lí.

**b) Nội dung:**

-HS đọc HĐ 3, 4 SGK trang 5, 6.

-Làm ví dụ 3, ví dụ 4 SGK trang 5, 6.

-Làm bài tập áp dụng trong trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**HS đọc HĐ3 SGK trang 5 và trả lời câu hỏi:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ3.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ 3, kết quả HĐ 3 nhấn mạnh nội dung nhận xét. | **III.Tính hợp lí của dữ liệu.**  HĐ 3 (SGK trang 4)  \*Nhận xét (sgk/6) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Hs đọc ví dụ 3 SGK trang 6 và trả lời câu hỏi:  Công ty may đưa ra kết luận như thế có hợp lí không? Vì sao?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  Đại diện HS trả lời.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa kết quả, nhấn mạnh lại các kiến thức đã học. | **Ví dụ 3: (sgk/6)**  Kết luận mà công ty may nêu ra là không hợp lí vì đối tượng hỏi ý kiến chỉ là những học sinh lớp 6 không đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ học sinh của trường trung học cơ sở (ở các khối lớp 6,7,8,9). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  Hs đọc HĐ4 SGK trang 6 và trả lời câu hỏi:  Những số liệu mà bạn Châu nêu ra trong biểu đồ hình quạt tròn ở hình 1 đã chính xác chưa? Vì sao?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  Đại diện HS trả lời.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả, nhấn mạnh:  Để đánh giá tính hợp lí của dữ liệu, ta có thể dựa vào mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu | **HĐ4: (sgk/6)**  Những số liệu mà bạn Châu nêu ra trong biểu đồ hình quạt tròn ở hình 1 chưa chính xác. Vì tổng tỉ lệ phần trăm các loại sách trong thư viện không đủ  \* Kết luận: Để đánh giá tính hợp lí của dữ liệu, ta có thể dựa vào mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  Hs đọc ví dụ 4 SGK trang 6 và thực hiện.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  Đại diện HS trả lời.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV chính xác hóa kết quả, | **Ví dụ 4: (sgk/6)** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng được các kiến thức đã học để Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản.

**b) Nội dung:** Luyện tập 3/sgk 7

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của HS (lời giải, câu trả lời bài tập trên).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV trình chiếu **LT3/sgk 7**, yêu cầu HS trả lời câu hỏi của bài?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Hoạt động cá nhân làm LT 3**/sgk 7.**  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - GV hỗ trợ, hướng dẫn HS khi khó khăn.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Học sinh đại diện cặp đôi trả lời vấn đáp.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV đánh giá, chính xác hóa kết quả. | **\*Luyện tập 3/sgk 7**  Những số liệu mà quản lí cửa hàng nêu ra chưa chính xác . Vì quản lí thống kê 6+6+6+5= 17 nhân viên mà cửa hàng chỉ có 16 nhân viên. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học để giải quyết một số bài toán trên phiếu học tập

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm BT sau:

**Bài tập:** Nêu nhận xét về tính hợp lí của các dữ liệu sau trong bảng thống kê sau:

**Thống kê số HS lớp 8 A tham gia các câu lạc bộ thể thao (mỗi học sinh chỉ tham gia một câu lạc bộ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu lạc bộ | Bóng đá | Bóng chuyền | Cầu lông | Đá cầu |
| Số học sinh | **12** | **34** | **Cả tổ 2** | **27** |

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập:**  GV trình chiếu BT phần nội dung yêu cầu HS đọc đề và trả lời các câu hỏi  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh thực hiện yêu cầu của GV theo nhóm nhỏ cùng bàn.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Học sinh đại diện nhóm bàn trả lời vấn đáp.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét và chốt kiến thức | **Bài tập:**  **Bài tập:** Nêu nhận xét về tính hợp lí của các dữ liệu sau trong bảng thống kê sau:   |  |  | | --- | --- | | **Thống kê số HS lớp 8A tham gia các câu lạc bộ thể thao (mỗi học sinh chỉ tham gia một câu lạc bộ)** | | | Câu lạc bộ | Số học sinh | | Bóng đá | 12 | | Bóng chuyền | 34 | | Cầu lông | Cả tổ 2 | | Đá cầu | 27 |   **Giải:**  Dữ liệu trong bảng thống kê không hợp lí vì số học sinh lớp 8A quá nhiều hơn 70 HS là quá quy định. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà (3 phút):**

- Đọc lại các bài toán đã làm trong 2 tiết học trước

- Làm BTVN 1, 2, 3, 4, 5/sgk 7-8.

Ngày dạy:

**Tiết 45:**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (30 phút)

**a) Mục tiêu:** **:** HS vận dụng được các kiến thức đã học về thu thập, phân loại biểu diễn dữ liệu để làm bài tập thống kê. HS được củng cố kiến thức thông qua trò chơi

**b) Nội dung:** Bài tập1 (Bài 1 SGK trang 7); Bài tập 2; Bài tập 3 (Bài 2 SGK trang 7, 8); Bài tập 4 (Bài 3 SGK trang 8).

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của HS (lời giải các bài tập trên).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Yêu cầu cá nhận HS làm bài 1 SGK trang 7.  ? Trong hai loại dữ liệu thống kê thu thập được ở trên, dữ liệu thống kê nào là là dữ liệu định tính ? Dữ liệu thống kê nào là dữ liệu định lượng?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HĐ cá nhân làm bài GV yêu cầu.  GV hỗ trợ; giúp đỡ HS khi khó khăn.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - Đại diện HS trình bày.  HS khác nhận xét; bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 1:** GV đánh giá, nhận xét HĐ của HS | **Dạng1 : Xác định và phân loại dữ liệu.**  **Bài tập 1 (Bài 1 SGK trang 7):**  **Giải:**  - Dãy dữ liệu thứ nhất là tên các đại dương trên Trái Đất là dữ liệu định tính.  - Dãy dữ liệu thứ hai là diện tích của các đại dương trên Trái Đất là dữ liệu định lượng. |
| **GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu HS làm bài 2 bằng hoạt động nhóm đôi trong 4 phút.  - Lập bảng dữ liệu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HĐ nhóm làm bài GV yêu cầu.  GV hỗ trợ; giúp đỡ HS khi khó khăn.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - Đại diện nhóm trình bày.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 2:** GV đánh giá, nhận xét hoạt động của HS.  **GV:** chốt, nhấn mạnh lại khi phân nhóm ta phải dựa theo các tiêu chí đưa ra. | **Bài tập 2**. **(Bài 2 SGK trang 7)**  **Giải**   |  |  | | --- | --- | | Truyện | Dế mèn phiêu lưu kí (Tô Hoài).  Đất rừng phương Nam (Đoàn Giỏi).  Hoàng tử bé (Sant-Exupêry).  Hai vạn dặm dưới đáy biển (J.Verne). | | Thơ | Mời trầu ( Hồ Xuân Hương).  Qua đèo ngang (Bà Huyện Thanh Quan).  Nắng mới (Lưu Trọng Lư).  Đường về quê mẹ (Đoàn Văn Cừ). | | Kí | Đồng Tháp Mười mùa nước nổi (Văn Công Hùng).  Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng). | | Kịch | Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục (trích Trường giả học làm sang Moliêre).  Đổi tên cho xã (trích Bệnh sĩ của Lưu Quang Vũ). | |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS làm bài tập 2 SGK trang 8 bằng hoạt động nhóm bàn 3 – 4 hs trong 5 phút.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  - HS HĐ nhóm 5 phút làm bài GV yêu cầu.  GV hỗ trợ, giúp đỡ HS khi khó khăn.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - Đại diện nhóm HS trình bày.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 3**  - GV đánh giá, nhận xét HĐ của HS. | **Dạng 2: Tính hợp lí của dữ liệu**  **Bài tập 3 ( Bài 3 SGK trang 8).**  Tỉ số người chọn xe màu đen là:  Tỉ số người chọn xe màu trắng là:  Vậy: Hãng sản xuất đưa ra kết luận là đúng |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 4:**  GV yêu cầu HS hoạt động theo 4 nhóm :  Điền vào các cột và trả lời các câu hỏi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - Thảo luận nhóm viết các kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả .  - HS quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. | **Bài tập 4 (Bài 4 SGK trang 8).**  Kế toán đã ghi nhầm số liệu của kho 4  Vì mỗi kho có 50 tấn hàng mà kế toán ghi kho 4 chỉ có  (tấn hàng) |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hái xoài cho thỏ” theo hình thức cá nhân

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hái xoài cho thỏ” theo hình thức cá nhân

**Luật chơi**

HS chọn 1 trái xoài, GV ấn vào trái xoài có số tương ứng sẽ đưa đến một câu hỏi.

Sau khi HS chọn được đáp án đúng, GV ấn vào biểu tượng con thỏ góc dưới bên phải Slide, sẽ quay về silde cây xoài ban đầu sau, GV ấn vào trái xoài có số ban đầu HS chọn, trái xoài sẽ rơi xuống

**Câu 1**: Nhiệt độ trung bình hàng tháng trong một năm của một địa phương được ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Em hãy chọn đáp án đúng:

A. Dữ liệu trên là dữ định lượng. B. Dữ liệu là dữ liệu định tính **Đáp án**: A

**Câu 2**: Quan sát biểu đồ sau và kể tên  quốc gia đạt số huy chương vàng nhiều nhất?

1. Philippines, Việt Nam, Thái Lan.
2. Philippines, Việt Nam, Indonesia
3. Indonesia, Việt Nam, Thái Lan

**Đáp án**: C

**Câu 3:**  Một cửa hàng thống kê thống kê số lượng đôi giày thể thao bán được của cửa hàng trong 4 năm gần đây, kế toán thông báo tổng số giày bán được trong 4 năm là 1700 đôi. Em hãy cho biết thông báo của kế toán đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai **Đáp án**: B

**\* HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS HĐ cá nhân để trả lời câu hỏi.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện 1HS trả lời. Thư ký ghi điểm của HS

- HS cả lớp quan sát cổ vũ, nhận định kết quả

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

GV chính xác hóa kết quả của câu 1, 2, 3 ,4

**⏩ Giao nhiệm vụ về nhà** (2 phút)

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Làm các bài tập SBT

- Chuẩn bị bài: Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.

Ký duyệt:

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: |  |

**TIẾT 46 + 47 + 48+ 49.**

**§ 2. MÔ TẢ VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU TRÊN CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ**

**Thời gian thực hiện: 4 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Về Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thông kê, biểu đồ dạng cột/ cột kép; biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn); biểu đồ đoạn thẳng.

– So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.

– Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển được các năng lực toán học.

*2. Về Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS biết đọc các dữ liệu ở dạng bảng số liệu, biểu đồ cột/ cột kép; biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn); biểu đồ đoạn thẳng.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: Thực hiện được các thao tác lựa chọn và biểu diễn được vào bảng, biểu đồ thích hợp, chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. Vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, hình ảnh, Phiếu học tập.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày dạy:

**Tiết 46**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

Học sinh nhớ lại các bước thu thập, phân loại dữ liệu và xét tính hợp lí của dữ liệu thu được.

**b) Nội dung:**

GV yêu cầu học sinh về nhà học nhóm thu thập thông tin và trả lời các câu hỏi.

Nhóm 1; 2 thu thập thông tin về ngày, tháng sinh của các bạn trong lớp.

Nhóm 3; 4 thu thập thông tin về màu áo yêu thích của các bạn trong lớp.

a) Nêu cách thu thập dữ liệu các bạn trong lớp.

b) Dữ liệu thu được là dữ liệu định lượng hay dữ liệu định tính.

Nhóm 1; 2 sắp xếp thông tin thu được theo nhóm các quý trong năm.

Nhóm 3; 4 sắp xếp thông tin thu được theo nhóm các bạn thích màu xanh, các bạn thích màu đỏ, các bạn thích màu vàng, các bạn thích màu trắng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả điều tra của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu học sinh về nhà học nhóm.  Nhóm 1;2 thu thập thông tin về tháng sinh của các bạn trong lớp.  Nhóm 3; 4 thu thập thông tin về màu áo yêu thích của các bạn trong lớp.  a) Nêu cách thu thập dữ liệu các bạn trong lớp.  b) Dữ liệu thu được là dữ liệu định lượng hay dữ liệu định tính.  Nhóm 1; 2 sắp xếp thông tin thu được theo nhóm các quý trong năm.  Nhóm 3; 4 sắp xếp thông tin thu được theo nhóm các bạn thích màu xanh, các bạn thích màu đỏ, các bạn thích màu vàng, các bạn thích màu trắng.  GV nêu các cách biểu diễn dữ liệu đã được học ở chương trình lớp 6,7?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh thực hiện ở nhà.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện các nhóm nộp sản phẩm đã học nhóm ở nhà.  Đại diện nhóm khác nhận xét  Hs trả lời câu hỏi của giáo viên.  **\* Kết luận, nhận định:**  Gv chiếu sản phẩm các nhóm. Đặt vấn đề vào bài mới:  Ở lớp 6 và lớp 7 chúng ta đã làm quen với việc mô tả và biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ cột/cột kép; biểu đồ đoạn thẳng; biểu đồ hình quạt tròn. Vậy bài ngày hôm nay chúng ta sẽ đi lựa chọn và biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp. |  |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 25 phút)**

**Hoạt động: Một số dạng bảng, biểu đồ thống kê. (25 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh hình thành cách xác định các số liệu từ biểu đồ thống kê trong một số trường hợp đơn giản.

**b) Nội dung:**

- HS đọc và trả lời câu hỏi ở HĐ1 SGK trang 9.

- Làm VD 1, 2, 3, 4 SGK trang 9, 10, 11.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:  Trong HĐ1: Hãy cho biết ta có thể mô tả và biểu diễn dữ liệu vào những dạng bảng, biểu đồ thống kê nào.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS làm việc suy nghĩ và trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  Một HS trả lời, Học sinh khác nhận xét câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV kết luận lại trong HĐ1 Chúng ta có thể mô tả và biểu diễn dữ liệu vào dạng bảng thông kê, biểu đồ tranh, biểu đồ dạng cột/ cột kép; biểu đồ hình quạt tròn; biểu đồ đoạn thẳng. Trong tiết hôm nay chúng ta sẽ đi quan sát các biểu đồ qua các VD để xác định số liệu từ các biểu đồ thống kê. | **I. Biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ thống kê.**  **Hoạt động 1:**  **1. Một số dạng bảng, biểu đồ thống kê.**  Ta có thể mô tả và biểu diễn dữ liệu vào dạng bảng thông kê, biểu đồ tranh, biểu đồ dạng cột/ cột kép; biểu đồ hình quạt tròn; biểu đồ đoạn thẳng. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV chiếu ví dụ , 2 SGK trang , 10:  Ví Dụ : Biểu đồ cột ở *Hình 3* cho biết kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong các năm ,,,  . Ở đây, kim ngạch xuất khẩu một loại hàng hóa là số tiền thu được khi xuất khẩu loại hàng hóa đó.  Nêu cách xác định kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm  Ví Dụ 2: Biểu đồ cột kép ở *Hình 4* thống kê tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá hiện hành của Việt Nam và Singapore trong năm ,,,.  Nêu cách xác định tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam và Singapore trong năm  .    GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nghiệm vụ.  Nhóm 1, 2 làm VD 1  Nhóm 3, 4 làm VD 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  Hs thảo luận hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  Đại diện nhóm đứng trả lời  Hs cả lớp lắng nghe và đại diện nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  GV chính xác hóa câu trả lời của học sinh. GV nhấn mạnh cách xác định số liệu từ biểu đồ cột/ cột kép. Học sinh chú ý đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng.  Biểu đồ cột kép biểu thị tốt tính trực quan khi so sánh tổng sản phẩm (GDP) của Việt Nam và Singapore trong năm . | **Ví dụ 1 (SGK trang 9)**  Nhìn vào cột biểu thị kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm , ta thấy trên đỉnh cột đó ghi số và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện của Việt Nam trong năm là  (tỉ đô la Mỹ).  **Ví dụ 2 (SGK trang 9, 10)**  Nhìn vào cột (màu xanh) biểu thị GDP củaViệt Nam trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Việt Nam trong năm là  (tỉ đô la Mỹ).  Nhìn vào cột (màu cam) biểu thị GDP của Singapore trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Singapore trong năm là  (tỉ đô la Mỹ). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  GV chiếu Vận dụng 1 SGK trang 10 yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  Trong *Ví dụ 2*, nêu cách xác định tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam và Singapore lần lượt trong các năm ,,.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  Hs hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  Từng bạn đứng lên trả lời  Hs cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  GV chính xác hóa câu trả lời của học sinh. | **Vận dụng 1:**  **Năm**  Nhìn vào cột (màu xanh) biểu thị GDP củaViệt Nam trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Việt Nam trong năm  là  (tỉ đô la Mỹ).  Nhìn vào cột (màu cam) biểu thị GDP của Singapore trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Singapore trong năm là  (tỉ đô la Mỹ).  **Năm**  Nhìn vào cột (màu xanh) biểu thị GDP củaViệt Nam trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Việt Nam trong năm  là  (tỉ đô la Mỹ).  Nhìn vào cột (màu cam) biểu thị GDP của Singapore trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Singapore trong năm là  (tỉ đô la Mỹ).  **Năm**  Nhìn vào cột (màu xanh) biểu thị GDP củaViệt Nam trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Việt Nam trong năm  là  (tỉ đô la Mỹ).  Nhìn vào cột (màu cam) biểu thị GDP của Singapore trong năm , ta thấy trên đỉnh đó ghi số  và đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng là tỉ đô la Mỹ.  Vậy GDP của Singapore trong năm là  (tỉ đô la Mỹ). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  GV chiếu ví dụ 3 SGK trang 10 yêu cầu học sinh hoạt động nhóm trả lời câu hỏi:  Ví Dụ 3: Biểu đồ đoạn thẳng trong *Hình 5* biểu diễn nhiệt độ tại một số thời điểm trong ngày  ở Huế.  Nêu nhiệt độ ở Huế lúc h  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  Hs thảo luận hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  Đại diện nhóm đứng trả lời  Hs cả lớp lắng nghe và đại diện nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  GV chính xác hóa câu trả lời của học sinh. Đánh giá mức độ hoàn thành của học sinh  GV nhấn mạnh cách xác định số liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. Học sinh chú ý đơn vị tính ghi trên trục thẳng đứng. | **Ví dụ 3 (SGK trang 10)**  Để biết nhiệt độ ở Huế lúc h ta làm như sau:  - Từ điểm  trên trục nằm ngang, dóng theo chiều thẳng đứng tới đầu mút của đoạn thẳng thuộc đường gấp khúc;  - Đi tiếp theo chiều ngang về bên trái cho đến khi gặp trục thẳng đứng;  - Đọc số chỉ trên trục thẳng đứng.  Ta có nhiệt độ ở Huế lúc h là  (oC) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  GV chiếu ví dụ 4 SGK trang 11 yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  Ví Dụ 4: Biểu đồ hình quạt tròn ở *Hình 6* biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) diện tích của châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Nam Cực so với tổng diện tích của cả sáu châu lục đó.  Hỏi châu Á chiếm bao nhiêu phần trăm tổng diện tích của cả sáu châu lục đó.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  Hs hoạt động theo cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  Hs cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 5:**  GV chính xác hóa câu trả lời của học sinh. GV nhấn mạnh cách xác định số liệu từ biểu đồ hình quạt tròn. Đơn vị tính là % | **Ví dụ 4 (SGK trang 11)**  Tỉ số phần trăm của diện tích châu Á so với tổng diện tích của cả sáu châu lục đó là |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP. (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh thực hành, củng cố cách tìm dữ liệu từ biểu đồ.

**b) Nội dung:**

- .Làm bài tập áp dụng trong trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh qua trò chơi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 2 đội, chơi trò chơi “Giải cứu đại dương” xem đội nào câu được nhiều cá hơn.  + Mỗi câu có 1 đáp án đúng, có tổng 5 câu hỏi.  + Đội nào giơ ta nhanh hơn sẽ được trả lời, sai thì sẽ chuyển cho đội kia trả lời, bao giờ có kết quả đúng thì thôi.  + Mỗi câu trả lời đúng sẽ cứu được một con vật ở đại dương. Đội nào trả lời đúng nhiều sẽ dành chiến thắng  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS chơi trò chơi theo yêu cầu trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện nhóm trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  Gv chính xác hóa kết quả, ghi nhận đội thắng cuộc, nhấn mạnh lại kiến thức đã học. | Trò chơi :  *Biểu đồ sau cho biết cân nặng thai nhi chuẩn tại một thời điểm trong thai kì.*    **Câu 1 :** Nêu cân nặng của thai nhi ở tuần thứ .  **Đáp án:**  (gam)  **Câu 2 :** Nêu cân nặng của thai nhi ở tuần thứ .  **Đáp án:**  (gam)  *Biểu đồ sau cho biết số cơn bão hằng năm trên toàn cầu từ năm*  *đến năm* *.*  **Câu 3** : Nêu số cơn bão toàn cầu năm **.**  **Đáp án:**  (cơn bão)  **Câu 4** : Nêu số cơn bão toàn cầu năm .  **Đáp án:**  (cơn bão)  *Biểu đồ sau cho biết tỉ lệ mỗi loại quả bán được của một cửa hàng.*  Câu 5 : Tỉ lệ phần trăm số táo bán được của cửa hàng.  **Đáp án:** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Giải quyết một số vấn đề gắn với kiến thức đã được học.

**b) Nội dung:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Học sinh được yêu cầu hoàn thành bài tập sau:  - Học sinh làm bài tập sau.  *Biểu đồ sau cho biết cân nặng thai nhi chuẩn tại một thời điểm trong thai kì.* |  |

1. Nêu cân nặng của thai nhi ở tuần thứ .
2. Cân nặng của thai nhi ở tuần 40 nặng hơn ở tuần 32 bao nhiêu gam.

Cân nặng của thai nhi ở tuần 16 nặng hơn ở tuần 8 bao nhiêu gam.

**c) Sản phẩm:** Lời giải và kết quả của bài toán.

**d) Tổ chức thực hiện**: (HS thực hiện ở nhà)

\* GV Hướng dẫn tự học ở nhà :

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm bài tập đã giao ở trên.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

Ngày dạy:

**Tiết 47**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

Học sinh nhớ lại được kiến thức đã học về cách tìm dữ liệu từ biểu đồ. Tạo cho HS sự tự tin khi vào tiết học.

**b) Nội dung:** Bài tập về nhà:

*Biểu đồ sau cho biết cân nặng thai nhi chuẩn tại một thời điểm trong thai kì.*

a) Nêu cân nặng của thai nhi ở tuần thứ .

b) Cân nặng của thai nhi ở tuần 40 nặng hơn ở tuần 32 bao nhiêu gam.

Cân nặng của thai nhi ở tuần 16 nặng hơn ở tuần 8 bao nhiêu gam.

**c) Sản phẩm:**

Kết quả đúng học sinh sửa ở bài về nhà.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  *GV chiếu nội dung bài tập trên màn hình yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:*  *Biểu đồ sau cho biết cân nặng thai nhi chuẩn tại một thời điểm trong thai kì.*   1. Nêu cân nặng của thai nhi ở tuần thứ . 2. Cân nặng của thai nhi ở tuần 40 nặng hơn ở   tuần 32 bao nhiêu gam. Cân nặng của thai nhi ở tuần 16 nặng hơn ở tuần 8 bao nhiêu gam.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  Học sinh kiểm tra lại bài.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  Một học sinh lên bảng thực hiện học sinh khác kiểm tra lại.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: bài trước chúng ta đã biết được cách tìm dữ liệu trên biểu đồ.  Vậy làm sao để lựa chọn và biểu diễn dữ liệu vào bảng hay biểu đồ thích hợp chúng ta tìm hiểu trong tiết hôm nay. | **Bài tập:**  a) Cân nặng của thai nhi chuẩn ở tuần thứ  là:  (gam)  Cân nặng của thai nhi chuẩn ở tuần thứ  là:  (gam)  Cân nặng của thai nhi chuẩn ở tuần thứ  là:  (gam)  b) Cân nặng của thai nhi ở tuần thứ 40 nặng hơn ở tuần 32 số gam là  (gam)  Cân nặng của thai nhi ở tuần thứ 16 nặng hơn ở tuần 8 số gam là  (gam) |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (25 phút)

**Hoạt động: Lựa chọn và biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp.**(25 phút)

**a) Mục tiêu:**

– Học sinh biết cách lựa chọn và biểu diễn được vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thông kê, biểu đồ dạng cột/ cột kép; biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn); biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:**

-HS đọc và thực hiện HĐ 2 SGK trang 11.

-Làm ví dụ 5, ví dụ 6, ví dụ 7 SGK trang 12, 13,

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV chiếu HĐ 2 SGK trang 11 lên máy chiếu yêu cầu học sinh làm bài sau.  Một công ty taxi tuyển lái xe cho  ca làm việc trong ngày: ca  từ  đến  ca  từ  đến  ca  từ đến . Kết quả tuyển chọn lái xe của công ty như sau: người cho ca ; 31 người cho ca ; 14 người cho ca  a) Hãy lựa chọn biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu trên.  b) Hãy hoàn thiện biểu đồ ở *Hình 7* để nhận được biểu đồ cột biểu diễn kết quả tuyển chọn trên.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  Hs hoạt động cá nhân dưới sự gợi ý của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  Học sinh đứng lên trả lời  Hs cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV chính xác hóa câu trả lời của học sinh.  GV kết luận lại trong HĐ 2  - Để biểu diễn dữ liệu thống kê, ta cần lựa chọn bảng, biểu đồ thích hợp.  - Để có thể hoàn thiện được biểu đồ thống kê (hoặc bảng thống kê) đã lựa chọn, ta cần biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ (hoặc bảng) đó. Muốn vậy, ta cần biết cách xác định mỗi yếu tố của biểu đồ (hoặc bảng) thống kê đó. | **2. Lựa chọn và biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp.**  **Hoạt động 2:**  a) Ta lựa chọn biểu đồ cột để biểu diễn dữ liệu.  b)  **Nhận xét:**  - Để biểu diễn dữ liệu thống kê, ta lựa chọn bảng, biểu đồ thích hợp.  - Để có thể hoàn thiện được biểu đồ thống kê (hoặc bảng thống kê) đã lựa chọn, ta cần biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ (hoặc bảng) đó. Muốn vậy, ta cần biết cách xác định mỗi yếu tố của biểu đồ (hoặc bảng) thống kê đó. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV chiếu nội dung ví dụ 5, ví dụ 6 SGK trang 12lên màn hình.  Ví Dụ 5 SGK trang 12  Số lượng học sinh ở hai lớp 8A và 8B đăng kí tham gia: câu lạc bộ (CLB) bóng đá lần lượt là  và  (học sinh); CLB bóng rổ lần lượt là  và  (học sinh)  a) Hãy lựa chọn biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu trên.  b) Hãy hoàn thiện biểu đồ ở *Hình 8* để nhận được biểu đồ cột kép thống kê số lượng học sinh của hai lớp 8A và 8B đăng kí tham gia câu lạc bộ trên.  Ví Dụ 6 SGK trang 12  Người phụ trách một câu lạc bộ thống kê số lượng thành viên có mặt tại câu lạc bộ từ thứ Hai đến thứ Sáu lần lượt như sau:  (người).  a) Hãy lựa chọn biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu trên.  b) Hãy hoàn thiện biểu đồ ở *Hình 10*  để nhận được biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn số thành viên có mặt tại câu lạc bộ trong những ngày đã nêu.  - GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện yêu cầu.  Nhóm 1; 2 làm Ví dụ 5  Nhóm 3; 4 làm Ví dụ 6  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức hoạt động nhóm làm trên bảng nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Các nhóm treo bảng phụ sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác quan sát và đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | **Ví Dụ 5 SGK trang 12**  a) Ta lựa chọn biểu đồ cột kép để biểu diễn dữ liệu trên.  b)  **Ví Dụ 6 SGK trang 12**  a) Ta lựa chọn biểu đồ đoạn thẳng để biểu diễn dữ liệu trên.  b) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  GV chiếu nội dung ví dụ 7 SGK trang 13lên màn hình.  Một đội sản xuất bình xét thi đua cho mỗi thành viên theo bốn mức: Tốt, Khá, Trung bình, Chưa đạt. Sau khi bình xét, tỉ lệ xếp loại thi đua theo bốn mức: Tốt, Khá, Trung bình, Chưa đạt lần lượt là ; ; ; .  a) Hãy lựa chọn biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu trên.  b) Hãy hoàn thiện biểu đồ ở *Hình 12*  để nhận được biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn các dữ liệu thống kê trên. Biết rằng hình tròn biểu diễn dữ liệu ở *Hình 12* đã được chia sẵn thành các hình quạt, mỗi hình quạt ứng với .  - GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện yêu cầu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức hoạt động nhóm làm trên bảng nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Các nhóm treo bảng phụ sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác quan sát và đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | **Ví Dụ 7 SGK trang 13**  a) Ta lựa chọn biểu đồ hình quạt tròn để biểu diễn dữ liệu trên.  b) Do tỉ lệ xếp loại Tốt là  nên ta tô cùng màu cho ba hình quạt chia sẵn liền nhau để biểu diễn tỉ lệ xếp loại Tốt. Ta cũng làm tương tự với các tỉ lệ xếp loại còn lại. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP. (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh thực hành, củng cố lựa chọn và biểu diễn dữ liệu vào bảng hoặc biểu đồ thích hợp.

**b) Nội dung:**

Vận dụng 2 SGK trang 12.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV chiếu nội dung vận dụng 2 SGK trang 12lên màn hình và yêu cầu học sinh thực hiện.  Thống kê số sản phẩm bán được trong các tháng  của một cửa hàng lần lượt là:  (đơn vị: chiếc).  a) Hãy lựa chọn bảng thống kê thích hợp để biểu diễn dữ liệu trên.  b) Hãy hoàn thiện *Bảng 1* để nhận được bảng thống kê biểu diễn dữ liệu trên.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tháng |  |  |  | | Số sản phẩm bán được  (đơn vị: chiếc) | ? | ? | ? |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  HS làm việc suy nghĩ thực hiện vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Một HS lên bảng làm, Học sinh khác nhận xét câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả bài làm của học sinh.  GV nhấn mạnh lại cách chọn và biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp. | **Vận dụng 2 SGK trang 12**  a) Ta lựa chọn bảng thống kê để biểu diễn dữ liệu trên.  b)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tháng |  |  |  | | Số sản phẩm bán được  (đơn vị: chiếc) |  |  |  | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Giải quyết một số vấn đề gắn với kiến thức đã được học.

**b) Nội dung:** Học sinh được yêu cầu hoàn thành bài tập sau:

Bài 1 ý a SGK trang 17, Bài 3 ý a SGK trang 18.

Bài tập: Một nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 1000 người trẻ tuổi về số cuốn sách đã đọc trong tháng trước thu được kết quả sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số cuốn sách |  |  | trên |
| Số người |  |  |  |

a) Nếu ta muốn biểu diễn tỉ lệ người trẻ tuổi trong tổng số  người được hỏi theo số cuốn sách họ đã đọc trong tháng trước thì nên dùng biểu đồ nào?

b) Tính tỉ lệ phần trăm người trẻ tuổi theo số cuốn sách đã đọc trong tháng trước, vẽ lại và hoàn thiện biểu đồ sau vào vở.

**c) Sản phẩm:** Lời giải và kết quả của bài toán.

**d) Tổ chức thực hiện**: (HS thực hiện ở nhà)

\* GV Hướng dẫn tự học ở nhà :

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm bài tập đã giao ở trên.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

Ngày dạy:

**Tiết 48**

1. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

Học sinh nhớ lại được kiến thức đã học về cách tìm dữ liệu từ biểu đồ, cách lựa chọn và biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp.

**b) Nội dung:** Bài tập:

Thống kê số huy chương của bốn quốc gia dẫn đầu SEA Games 31 được cho như sau:

Việt Nam có  huy chương vàng. Thái Lan có  huy chương.

Indonesia có  huy chương vàng. Philippines có  huy chương vàng và  huy chương.

a) Hãy lựa chọn biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu trên.

b) Dựa vào biểu đồ hãy cho biết Việt Nam có tổng bao nhiêu huy chương, Thái Lan có bao nhiêu huy chương vàng, Indonesia có tổng bao nhiêu huy chương.

c) Hãy hoàn thiện biểu đồ trên để nhận được biểu cột kép biểu diễn dữ liệu trên.

**c) Sản phẩm:**

Kết quả làm bài trên bảng và trong vở của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  *GV chiếu nội dung bài tập lên màn hình yêu cầu học sinh làm bài tập sau:*  Thống kê số huy chương của bốn quốc gia dẫn đầu SEA Games 31 được cho như sau:  Việt Nam có  huy chương vàng.  Thái Lan có  huy chương vàng.  Indonesia có  huy chương vàng.  Philippines có  huy chương vàng và  huy chương.  a) Hãy lựa chọn biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu trên.  b) Dựa vào biểu đồ cho biết Việt Nam có tổng bao nhiêu huy chương, Thái Lan có bao nhiêu huy chương vàng, Indonesia có tổng bao nhiêu huy chương.  c) Hãy hoàn thiện biểu đồ trên để nhận được biểu cột kép biểu diễn dữ liệu trên. | **Bài tập:**  **a)** Ta lựa chọn biểu đồ cột kép để biểu diễn dữ liệu trên.  **b)**  Việt Nam có tổng  (Huy chương)  Thái Lan có  (Huy chương vàng)  Indonesia có tổng  (Huy chương)  **c)** |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  Học sinh làm bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  Một học sinh lên bảng thực hiện học sinh khác kiểm tra và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: bài trước chúng ta đã biết được cách tìm dữ liệu trên biểu đồ và cách lựa chọn biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp.  Hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu về cách biểu diễn một tập dữ liệu theo những cách khác nhau. |  |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (25 phút)

**Hoạt động 1: Biểu diễn một tập dữ liệu theo những cách khác nhau.**(25 phút)

**a) Mục tiêu:**

– Học sinh biết so sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.

– Học sinh biết mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển được các năng lực toán học.

**b) Nội dung:**

-HS đọc và làm HĐ 3 SGK trang 13.

- HS làm Ví dụ 8, 9, 10, 11 SGK trang 14, 15, 16.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV chiếu HĐ 3 SGK trang 13 lên máy chiếu yêu cầu học sinh làm HĐ:  Số xi măng bán được của một cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng trong các tháng  lần lượt là: ; ; ;  (đơn vị: tấn)  a) Lập bảng số liệu thống kê số xi măng bán được của cửa hàng đó trong các tháng  theo mẫu sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tháng |  |  |  |  | | Số tấn đã bán | ? | ? | ? | ? |   b) Hãy hoàn thiện biểu đồ để nhận được biểu đồ cột biểu diễn số tấn xi măng bán được của cửa hàng đó trong các tháng trên.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  Hs hoạt động cá nhân dưới sự gợi ý của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  Học sinh đứng lên trả lời  Hs cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV chính xác hóa câu trả lời của học sinh.  GV kết luận lại trong HĐ 2  - Đối với một tập dữ liệu, ta có thể:  + Biểu diễn tập dữ liệu đó theo những cách khác nhau vào bảng, biểu đồ thích hợp.  +Chuyển tập dữ liệu đó từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. | **II. Biểu diễn một tập dữ liệu theo những cách khác nhau.**  **Hoạt động 3:**  a)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tháng |  |  |  |  | | Số ấn đã bán |  |  |  |  |     b)  **Nhận xét:**  - Đối với một tập dữ liệu, ta có thể:  + Biểu diễn tập dữ liệu đó theo những cách khác nhau vào bảng, biểu đồ thích hợp.  +Chuyển tập dữ liệu đó từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV chiếu nội dung ví dụ 8, ví dụ 9 SGK trang 14, trang 15lên màn hình yêu cầu HS làm VD sau theo nhóm.  - GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện yêu cầu.  Nhóm 1; 2 làm Ví dụ 8  Nhóm 3; 4 làm Ví dụ 9  Ví Dụ 8 SGK trang 14.  Thống kê số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong các năm , , , , , ,  khoảng là ; ; ; ; ; ;  (đơn vị: nghìn lượt khách)  a) Lập bảng thống kê số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong các năm trên theo mẫu sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm |  |  |  |  |  |  |  | | Số lượt khách (nghìn lượt) | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? |   b) Hãy hoàn thiện biều đồ để nhận được biểu đồ cột biểu diễn các dữ liệu thống kê số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong các năm trên.  Ví Dụ 9 SGK trang 15  Như đã nêu trong Ví dụ 2, tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá hiện hành của Việt Nam trong các năm , , ,  lần lượt là: ; ; ;  (đơn vị: tỉ đô la Mỹ).  a) Lập bảng số liệu thống kê GDP của Việt Nam trong các năm trên theo mẫu sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm |  |  |  |  | | GDP  (tỉ đô la Mỹ) | ? | ? | ? | ? |   b) Hãy hoàn thiện biểu đồ để nhận được biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn GDP của Việt Nam trong các năm trên.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức hoạt động nhóm làm trên bảng nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Các nhóm treo bảng phụ sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác quan sát và đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.  Qua ví dụ trên ta biết cách biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ cột, biểu đồ đoạn thẳng. | **Ví Dụ 8 SGK trang 14**  a) Bảng biểu diễn số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong các năm trên.   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | |  | |  | |  |  | | Số lượt khách (nghìn lượt) | |  | |  | |  |  | |  |  | |  | | |  |  | |  | |   b) Biểu đồ cột biểu diễn số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong các năm trên :  **Ví Dụ 9 SGK trang 15**  a) Ta có bảng số liệu thống kê GDP của Việt Nam trong các năm đã nêu là :   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm |  |  |  |  | | GDP  (tỉ đô la Mỹ) |  |  |  |  |   .  b) Biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn GDP của Việt Nam trong các năm trên . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  GV chiếu nội dung ví dụ 10 SGK trang 15lên màn hình yêu cầu học sinh làm VD theo cặp đôi.  Biểu đồ cột kép *Hình 19* biểu diễn tổng sản phẩm trong nước của lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng, trong các năm , , . Lập bảng số liệu tổng sản phẩm trong nước của hai lĩnh vực trên trong các năm , ,  theo mẫu sau (đơn vị: nghìn tỉ đồng):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Năm**  **Lĩnh vực** |  |  |  | | Nông, lâm nghiệp và thủy sản | **?** | **?** | **?** | | Công nghiệp và xây dựng | **?** | **?** | **?** |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức hoạt động cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - 1 học sinh lên bảng trả lời học sinh khác quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | **Ví Dụ 10 SGK trang 15**  Bảng số liệu thống kê sản phẩm trong nước của hai lĩnh vực trên trong các năm , ,  như sau (đơn vị: nghìn tỉ đồng)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Năm**  **Lĩnh vực** |  |  |  | | Nông, lâm nghiệp và thủy sản |  |  |  | | Công nghiệp và xây dựng |  |  |  | |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  GV chiếu nội dung Ví dụ 11 SGK trang 16lên màn hình yêu cầu HS làm VD.  Biểu đồ cột ở Hình 20 biểu diễn tỉ lệ phần trăm sản phẩm bán được của một doanh nghiệp trong bốn quý của năm . Hãy hoàn thiện biểu đồ ở Hình 21 để nhận được biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn các dữ liệu thống kê trên. Biết rằng hình tròn biểu diễn dữ liệu ở Hình 21 đã được chia sẵn thành các hình quạt, mỗi hình quạt ứng với .  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  HS làm việc suy nghĩ thực hiện vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  Một HS lên bảng làm, Học sinh khác nhận xét câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV chính xác hóa kết quả bài làm của học sinh.  GV nhấn mạnh lại chuyển các dữ liệu từ dạng biểu đồ cột sang biểu đồ hình quạt tròn. | **Ví Dụ 11 SGK trang 16**  **Do tỉ lệ phần trăm sản phẩm bán được trong Quý I là**  nên ta tô cùng màu cho ba hình quạt chia sẵn liền nhau để biểu diễn tỉ lệ đó. Ta cũng làm tương tự đối với các tỉ lệ phần trăm sản phẩm bán được trong các quý còn lại. Biểu đồ hình quạt tròn ở *Hình 22* biểu diễn các dữ liệu thống kê đã cho. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP. (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh thực hành, củng cố cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển được các năng lực toán học .

**b) Nội dung:**

-Làm bài tập 4 SGK trang 18.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  GV chiếu nội dung bài 4 SGK trang 18lên màn hình và yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân làm bài sau.  Biểu đồ đoạn thẳng ở *Hình 26* thống kê số lượng tivi và tủ lạnh bán được trong tháng , tháng , tháng , tháng  của một cửa hàng kinh doanh. Hãy hoàn thiện biểu đồ cột kép ở *Hình 27* để nhận được biểu đồ biểu diễn các dữ liệu trong biểu đồ đoạn thẳng ở *Hình 26.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  HS làm việc suy nghĩ thực hiện vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  Một HS lên bảng làm, Học sinh khác nhận xét câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV chính xác hóa kết quả bài làm của HS  GV nhấn mạnh lại cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. | **Bài 4 SGK trang 18** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Giải quyết một số vấn đề gắn với kiến thức đã được học.

**b) Nội dung:** Học sinh được yêu cầu hoàn thành bài tập sau:

Bài 1 ý b SGK trang 17, Bài 3 ý b SGK trang 18, Bài 2 SGK trang 18, bài 5 SGK trang 18.

**c) Sản phẩm:** Lời giải và kết quả của bài toán.

**d) Tổ chức thực hiện**: (HS thực hiện ở nhà)

\* GV Hướng dẫn tự học ở nhà :

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm bài tập đã giao ở trên.

Ngày dạy:

**Tiết 49**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (10 phút)

**a) Mục tiêu:**

Học sinh củng cố lại cách xác định các số liệu từ biểu đồ thống kê trong một số trường hợp đơn giản. tạo hứng thú cho học sinh vào bài mới

**b) Nội dung:** Kiểm tra bài cũ thông qua trò chơi.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi. Đáp án của câu hỏi trong trò chơi*.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  GV chia lớp thành 2 đội, chơi trò chơi “Giải cứu đại dương” xem đội nào câu được nhiều cá hơn.  + Mỗi câu có 1 đáp án đúng, có tổng 5 câu hỏi.  + Đội nào giơ ta nhanh hơn sẽ được trả lời, sai thì sẽ chuyển cho đội kia trả lời, bao giờ có kết quả đúng thì thôi.  + Mỗi câu trả lời đúng sẽ cứu được một con vật ở đại dương. Đội nào trả lời đúng nhiều sẽ dành chiến thắng  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  HS chơi trò chơi theo yêu cầu trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện nhóm trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  Gv chính xác hóa kết quả, ghi nhận đội thắng cuộc, nhấn mạnh lại kiến thức đã học. | Biểu đồ đoạn thẳng thống kê số lượng máy điều hòa nhiệt độ và máy sưởi bán được trong bốn tháng đầu năm của một cửa hàng kinh doanh.  **Câu 1**: Sốđiều hòa nhiệt độ bán được trong tháng  là:  Đáp án:  (chiếc)  **Câu 2:** Sốmáy sưởi bán được trong tháng  là:  Đáp án:  (chiếc)  **Câu 3:** Tổng sốđiều hòa nhiệt độ bán được trong  tháng là:  Đáp án:  (chiếc)  **Câu 4:** Tổng sốmáy sưởi bán được trong  tháng là:  Đáp án:  (chiếc)  **Câu 5:** Trong tháng  bán được bao nhiêu chiếc điều hòa và máy sưởi:  Đáp án:  (chiếc)  **Câu 5:** Trong tháng  bán được bao nhiêu chiếc điều hòa và máy sưởi:  Đáp án:  (chiếc) |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (30 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố cách lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thông kê, biểu đồ dạng cột/ cột kép; biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn); biểu đồ đoạn thẳng, so sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu, mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển được các năng lực toán học

**b) Nội dung:** Cho HS làm bài 2, 3, 5 SGK trang 17, 18.

**c) Sản phẩm:** Đáp án, lời giải của bài 2, 3, 5 SGK trang 17, 18.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV chiếu nội dung bài 2 SGK trang 17lên màn hình và yêu cầu học sinh thực hiện theo cặp đôi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  Học sinh thực hiện theo cặp đôi  HS suy nghĩ làm bài.  GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**Gọi HS đại diện trình bày bài, HS khác nhận xét bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV nhận xét và sửa bài | **Bài 2 SGK trang 17** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV chiếu nội dung bài 3 SGK trang 18lên màn hình và yêu cầu học sinh thực hiện theo nhóm vào phiếu bài tập.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  HS suy nghĩ làm bài. GV phát phiếu bài tập và theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**Gọi HS đại diện trình bày bài, HS khác nhận xét bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  GV nhận xét và sửa bài | **Bài 3 SGK trang 18**  a)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Mức vé | A | B | C | D | | Tỉ lệ vé (%) | % | % | % | % |   b) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  GV chiếu nội dung bài 5 SGK trang 18lên màn hình và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  HS suy nghĩ làm bài.  GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**Gọi HS đại diện trình bày bài, HS khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  GV nhận xét và sửa bài | **Bài 5 SGK trang 18**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Lớp động vật có xương sống | Cá | Lưỡng cư | Bò sát | Chim | Động vật có vú | | Tỉ lệ mẫu vt (%) | % | % | % | % | % | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Giải quyết một số vấn đề gắn với kiến thức đã được học.

**b) Nội dung:** Học sinh được yêu cầu hoàn thành bài tập sau:

**Bài 1:** Chọn biểu đồ phù hợp nhất để biểu diễn về tuổi thọ trung bình ở mỗi quốc gia Đông Nam Á năm . Hoàn thành biểu đồ cột sau.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quốc gia | Indonesia | Myanmar | Thái Lan | Timor - Leste | Việt Nam |
| Tuổi thọ trung bình (năm) |  |  |  |  |  |

**Bài 2:** Cho biểu đồ sau

Hãy lập bảng thống kê biểu diễn số lượng huy chương các loại của đoàn thể thao Mỹ.

**c) Sản phẩm:** Lời giải và kết quả của bài toán.

**d) Tổ chức thực hiện**: (HS thực hiện ở nhà)

\* GV Hướng dẫn tự học ở nhà :

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm bài tập đã giao ở trên.

- Chuẩn bị bài 3 chương VI.

Ký duyệt:

Ngày soạn:

# TIẾT 50 + 51 + 52: §3. PHÂN TÍCH VÀ XỬ LÍ DỮ LIỆU THU ĐƯỢC

# Ở DẠNG BẢNG, BIỂU ĐỒ

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức**:

- Học sinh phát hiện vấn đề dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

- Học sinh biết giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

**2. Về năng lực**:

***\* Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: Học sinh tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

***\* Năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực tư duy: được rèn luyện qua các thao tác phân tích và xử lý dữ liệu đưa ra dưới dạng biểu đồ.

- Năng lực lập luận toán học: thông qua kết quả phân tích dữ liệu hs thực hiện những tính toán và suy luận trên cơ sở mối liên hệ toán học giữa các số liệu.

- Năng lực giao tiếp toán học: học sinh được rèn luyện thông qua quá trình hợp tác làm việc nhóm, phản biện về một vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV

- Thước kẻ, biểu đồ, bảng thống kê hình ảnh hoặc video liên quan đến biểu đồ cột đơn trên powerpoint để minh họa cho bài học được sinh động.

**2. Học sinh**

- SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đọc trước bài mới, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày dạy:

**Tiết 50**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)** (Khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh xác định được sự cần thiết của việc phân tích và xử lý dữ liệu, gợi trí tò mò và dẫn dắt học sinh vào bài mới.

- Cho học sinh thấy được nhu cầu phải thực hiện phân tích và xử lý dữ liệu trong tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** Giáo viên đưa ra tình huống đầu bài từ đó khơi gợi nhu cầu của học sinh.

**c) Sản phẩm:** Hứng thú tìm tòi kiến thức mới của học sinh..

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV chiếu bảng 1: cho biết tiền lãi của một cửa hàng trong Quý I năm 2022. Yêu cầu học sinh quan sát bảng và trả lời câu hỏi ở đề bài.    **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Phương thức hoạt động: Học sinh hoạt động cá nhân. HS quan sát bảng trong SGK, suy nghĩ trả lời các câu hỏi của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận:** HS đứng tại chỗ trả lời đáp án của mình. Đại diện nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:** GV chốt kiến thức: Trong thực tế sau khi thu thập, tổ chức phân loại, biểu diễn dữ liệu bằng bảng hoặc biểu đồ ta cần phân tích và xử lí các dữ liệu để tìm ra những thông tin hữu ích và rút ra kết luận.  GV giới thiệu bài mới: Tiết học hôm nay chúng ta tiếp tục “Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng” | a) Tổng tiền lãi của cửa hàng trong các tháng của Quý I năm 2022 là:  (triệu đồng)  b) Tiền lãi trong tháng 2 gấp số lần tiễn lãi của cả hai tháng còn lại của Quý I là:  (lần)  **\*Kiến thức trọng tâm: sgk/19** |

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (khoảng 20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS ôn lại một số kiến thức về cách xem bảng, biểu đồ cột, biểu đồ hình quạt tròn và xác định một số thông tin liên quan

- Phân tích và xử lí được số liệu thống kê theo yêu cầu của câu hỏi.

**b) Nội dung:**

HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Nhiệm vụ 1: thực hiện ví dụ 1**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và hoàn thành Ví dụ 1 vào vở.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Hoạt động nhóm: Các nhóm treo bảng, đại diện các nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung.  - Cá nhân: giơ tay phát biểu trình bày  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS  - GV giải thích nội dung: phân tích và xử lí dữ liệu để tìm ra thông tin hữu ích, cần thiết.  **Nhiệm vụ 2: thực hiện ví dụ 2**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi nêu các cách xác định thông tin được mô tả trong biểu đồ đoạn thẳng.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và hoàn thành Ví dụ 2 vào vở.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS đọc thông tin SGK, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện nhóm phát biểu trình bày  **\* Kết luận, nhận định 2**:  - GV chú ý: *Theo dõi biên độ nhiệt trung bình tháng của một khu vực trong khoảng thời gian đủ dài thì ta có thể nhận biết được những nét đặc trưng khí hậu của khu vực đó.*  - GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS  **Nhiệm vụ 3: thực hiện ví dụ 3**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 3:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 HS nêu các cách xác định thông tin được mô tả trong biểu đồ quạt tròn.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và hoàn thành Ví dụ 3 vào vở.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS đọc thông tin SGK, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Đại diện nhóm phát biểu trình bày  **\* Kết luận, nhận định 3**:  - GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS  - GV giải thích nội dung: phân tích và xử lí dữ liệu để tìm ra thông tin hữu ích, cần thiết. | **I. Phát hiện vấn đề dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.**  Ví dụ 1:    a) Lớp 8A có tất cả bao nhiêu học sinh?  b) Trong buổi sơ kết cuối Học kì I, giáo viên chủ nhiệm lớp 8A thông báo: Tỉ lệ học sinh đạt kết quả học tập Học kì I được đánh giá ở mức Tốt và Khá so với cả lớp là 67%. Thông báo đó của giáo viên chủ nhiệm có đúng không?  **Giải:**  a) Số học sinh lớp 8A là:  (học sinh)  b) Số học sinh đạt kết quả học tập Học kì I được đánh giá ở mức Tốt và Khá của lớp 8A là:  (học sinh)  So với cả lớp 8A, tỉ lệ học sinh đạt kết quả học tập Học kì I được đánh giá ở mức Tốt và Khá là:    Vậy thông báo đó của giáo viên chủ nhiệm là đúng.  **Ví dụ 2**  **Giải:**  a) Từ biểu đồ đoạn thẳng ở *Hình 29*, ta thấy biên độ nhiệt trung bình của tháng 3 là cao nhất, tháng 10 là thấp nhất.  b) Ta có các nhận xét sau :  - Biên độ nhiệt trung bình tháng tăng trong các khoảng thời gian: tháng 1 đến tháng 3; tháng 10 đến tháng 11.  - Biên độ nhiệt trung bình tháng giảm trong các khoảng thời gian: tháng 3 đến tháng 10; tháng 11 đến tháng 12.  **Ví dụ 3:**  Giải:  a) Khoản chi tiêu hàng tháng dành cho ăn uống của gia đình bác Hạnh là lớn nhất.  b) Do  nên số tiền chi tiêu hàng tháng của gia đình bác Hạnh dành cho ăn uống gấp  lần số tiền dành cho tiết kiệm.  c) Số tiền gia đình bác Hạnh tiết kiệm hàng tháng theo kế hoạch là:  (triệu đồng) |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (khoảng 8 phút)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua bài luyện tập 1.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm bài luyện tập 1.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài luyện tập 1 trong SGK trang 20

- HS thảo luận hoàn thành bài toán dưới sự hướng dẫn của GV:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* **GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Thực hiện luyện tập 1 trong SGK trang 20  - HS hoạt động nhóm  \* **HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  \* **Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS dán bảng nhóm trình bày kết quả thực hiện.  - Lời giải bài luyện tập 1  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.  \* **Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét và chốt kiến thức cho học sinh | **Luyện tập 1: SGK (T20)**  Giải:  Số nhân viên của tổ sản xuất là: (nhân viên)  Tỉ lệ nhân viên xếp loại ở mức Xuất sắc so với cả tổ là:    Vậy thông báo đó của tổ trưởng là đúng. |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (8 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức được học bài vào tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Phần đánh giá chính xác kết quả của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV mời 1 HS cho các bạn tham gia trò chơi

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV chia lớp thành 4 đội chơi trò chơi “Câu cá” xem đội nào câu được nhiều cá hơn.  - GV mời 1 HS điều khiển các nhóm tham gia trò chơi và qui định thể lệ chơi.  + Ban đầu cho biết biểu đồ hình quạt tròn.  + Có tất cả 5 câu hỏi.  + Các đội có thời gian suy nghĩ và viết đáp án vào bảng phụ là 40 giây, sau 40 giây các đội giơ bảng có viết câu trả lời của đội mình.  + Mỗi câu trả lời đúng được ghi nhận 1 con cá. Đội nào trả lời được nhiều câu hơn sẽ dành chiến thắng.  + Trong trường hợp có nhóm trả lời sai, GV mời nhóm trả lời đúng trình bày câu trả lời của mình (nếu không có đội nào có câu trả lời đúng, GV sẽ chữa bài).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chơi trò chơi trên theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV ghi nhận và nhận xét từng câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả, ghi nhận đội thắng cuộc, nhấn mạnh lại các kiến thức đã học. | Giới thiệu biểu đồ hình quạt - Hoc24  Biểu đồ hình quạt tròn trên biểu diễn kết quả thống kê hình thức di chuyển (đi bộ, xe máy, ô tô, xe đạp) của người dân trong một thị trấn.  **Câu 1:** Hình thức di chuyển nào có nhiều người sử dụng nhất?  **Đáp án:** Đi xe đạp  **Câu 2:** Hình thức di chuyển nào có ít người sử dụng nhất?  **Đáp án:** Đi ô tô  **Câu 3:** Số người đi xe máy bằng bao nhiêu lần số người đi bộ?  **Đáp án:** 0,5 lần  **Câu 4:** Số người sử dụng xe máy và xe đạp gấp bao nhiêu lần số người đi ô tô?  **Đáp án:** 6 lần  **Câu 5:** Giả sử người ta điều tra 1500 người. Hỏi có bao nhiêu người trong số những người được điều tra đi xe đạp?  **Đáp án:** 675 |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (4 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Xem tiếp nội dung bài học: II. **Giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.**

Ngày dạy:

**Tiết 51. Giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:** giúp học sinh xác định được sự cần thiết của việc phân tích và xử lý dữ liệu, gợi trí tò mò và dẫn dắt học sinh vào bài mới.

- Cho học sinh thấy được nhu cầu phải thực hiện phân tích và xử lý dữ liệu trong tình huống thực tế.

**b) Nội dung:** Giáo viên đưa ra tình huống từ đó khơi gợi nhu cầu của học sinh.

**c) Sản phẩm:** Hứng thú tìm tòi kiến thức mới của học sinh..

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  Giáo viên đưa ra tình huống hoạt động 2: Để chuẩn bị đưa ra thị trường mẫu sản phẩm mới, một hãng sản xuất đồ nội thất tiến hành thăm dò màu sơn mà người mua yêu thích. Hãng sản xuất đó đã hỏi ý kiến của 100 người mua hàng và nhận được kết quả là 65 người thích màu nâu, 20 người thích màu cam, 15 người thích màu xanh. Theo em, hãng đó nên sản xuất nhiều hơn mẫu sản phẩm với màu sơn nào?  - GV yêu cầu học sinh thực hiện hoạt động 2.  \* **GV giao nhiệm vụ học tập 1.**  Trả lời câu hỏi ở phần hoạt động 1  \* **HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Phương thức hoạt động: Học sinh hoạt động cá nhân thời gian 2 phút  \* **Báo cáo, thảo luận 1:**  HS trình bày kết quả và nhận xét, bổ sung.  \* **Kết luận, nhận định 1:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV dẫn đến phần hình thành kiến thức: Để xác định được tính hợp lí đúng đắn hay kết luận không chính xác chúng ta có thể dựa vào các tiêu chí đơn giản hoặc dựa trên tính toán và suy luận toán học. | **Hoạt động 2:** (SGK trang 22)  Giải:  Theo em, hãng đó nên sản xuất nhiều hơn mẫu sản phẩm với sơn màu nâu vì có 65 người thích chiếm tỉ lệ cao là |

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (17 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS phát hiện được vấn đề (hoặc quy luật đơn giản) dựa trên phân tích và xử lí số liệu thu được, HS giải quyết những vấn đề đó nhằm rút ra những kết luận hữu ích.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và hoàn thành Ví dụ 4 vào vở.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS đọc thông tin SGK, thảo luận, trao đổi và hoàn thành yêu cầu ví dụ 4.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Đại diện nhóm phát biểu trình bày  **\* Kết luận, nhận định 1**:  GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS  ***GV chốt: Để giải quyết vấn đề đã được phát hiện (dựa trên phân tích và xử lí số liệu thu được), ta cần thực hiện những tính toán và suy luận trên cơ sở mối liên hệ toán học giữa các số liệu đó.***  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - Giáo viên đưa ra ví dụ 5 (SGK trang 22)  - GV chia cả lớp thành 4 nhóm, thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ, mỗi nhóm thực hiện hết các nhiệm vụ sau:  + Nhiệm vụ 1: Thực hiện VD5 câu a  + Nhiệm vụ 2: Thực hiện VD5 câu b  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS theo dõi SGK, hoạt động nhóm hoàn thành các yêu cầu của GV giao.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm:  Để xác định được tính hợp lí đúng đắn của kết luận thống kê và giúp HS có thể bác bỏ kết luận không chính xác thì hs có thể dựa vào các tiêu chí đơn giản hoặc dựa trên tính toán và suy luận toán học. | **II. Giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ**  **Ví dụ 4:** (SGK trang 22)    Giải: (SGK trang 22)  **Ví dụ 5:** (SGK trang 22) |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (khoảng 8 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức được học vào giải các bài tập.

**b) Nội dung:** trả lời câu hỏi ở phần luyện tập 2 trong sách giáo khoa trang 23.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* **GV giao nhiệm vụ học tập 1.**  Trả lời câu hỏi ở phần luyện tập 2 sách giáo khoa trang 23  \* **HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Phương thức hoạt động: Học sinh hoạt động nhóm | **Luyện tập 2 trang 23 sgk.**  **Giải:**  Tổng số cây trong vườn nhà bác Mai là:  (cây)  Số cây vải chiếm số phần trăm tổng số cây trong vườn là: |
| \* **Báo cáo, thảo luận 1:** Mỗi nhóm lần lượt trình bày kết quả và nhận xét chéo lẫn nhau  \* **Kết luận, nhận định 1:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - ***GV chốt lại kiến thức: Dựa vào phân tích, xử lí dữ liệu thông qua tính toán và suy luận giúp chúng ta đưa ra các kết luận hữu ích.*** |  |

**4. VẬN DỤNG** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng các kiến thức vừa học làm bài tập

**b) Nội dung:**

GV cho học sinh chơi trò chơi bằng cách trả lời các câu hỏi

**Bài tập:** Để chuẩn bị cho hoạt động trang trí lớp, lớp trưởng làm bảng hỏi về các màu sắc yêu thích của các bạn trong lớp và được kết quả sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Màu sắc** | **Số bạn** |
| Xanh |  |
| Đỏ |  |
| Tím |  |
| Vàng |  |

**Câu 1:** Số học sinh của lớp là: A. B.  C.  D. 

Số bạn thích màu vàng là: A. B.  C.  D. 

**Câu 2:** Số bạn thích màu xanh hơn số bạn thích màu đỏ là:

1. 6 lần B. 0,5 lần C. 2 lần D. 2 bạn

**Câu 3:** Số bạn thích màu đỏ hơn số bạn thích màu tím là:

1. 6 lần B. 0,5 lần C. 2 lần D. 2

**Câu 4:** Số bạn thích màu đỏ chiếm bao nhiêu phần trăm đối với cả lớp.

A. B. C. D.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| GV trình chiếu từng câu hỏi cho học sinh trả lời  **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  \* **HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  \* **Báo cáo, thảo luận:**  **-** Học sinh trả lời câu hỏi  \* **Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét và chốt kiến thức cho học sinh  GV nhận xét về hoạt động của các nhóm  Chốt lại: | Câu 1: C  Câu 2: D  Câu 3: D  Câu 4: C |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (5 phút)

- Học lại bài học theo SGK và vở ghi.

-Làm bài tập số 1 đến 3 trang 23, 24, 25 sgk.

Ngày dạy:

**Tiết 52. LUYỆN TẬP**

Trò chơi: “Ai nhanh hơn?” gồm 4 phần thi:

KHỞI ĐỘNG – VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT – TĂNG TỐC – VỀ ĐÍCH

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (khoảng 5 phút) – PHẦN THI KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Học sinh được củng cố kĩ năng làm tròn số, kĩ năng tính toán.

b) Nội dung:

Học sinh được yêu cầu: Làm tròn số, tính toán theo yêu cầu bài ra.

c) Sản phẩm: Hoàn thành được các câu trả lời một cách chính xác. Mỗi câu trả lời chính xác được 10 điểm.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập:  GV đưa ra bài tập 1: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu sau:  Câu 1: Làm tròn số 6,255 đến hàng phần trăm được kết quả là:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 6,2 | B. 6,3 | C. 6,25 | D. 6,26 |   Câu 2: Làm tròn số 25,7806 đến hàng phần mười được kết quả là:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 25,781 | B. 30 | C. 25,8 | D. 25,7 |   Câu 3: Tỉ số của hai số 55647 và 2097 (làm tròn đến hàng phần mười) là:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 26,54 | B. 27 | C. 26,53 | D. 26,5 |   Câu 4: Bác A bán rau củ quả trong hai ngày lễ thu được 3,5 triệu đồng. Số lượng củ quả bán được chiếm 25% số rau củ quả. Số tiền bác thu được khi bán củ quả là bao nhiêu?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 87 500đ | B. 875 000đ | C. 14 000đ | D. 140 000đ |   \* HS thực hiện nhiệm vụ:  Các nhóm giơ đáp án  \* Kết luận, nhận định:  - GV đưa ra kết quả, các nhóm soi đáp án, thư kí mỗi nhóm ghi điểm của nhóm bạn mà nhóm mình được giao theo dõi. | Câu 1: D  Câu 2: C  Câu 3: C  Câu 4: B |

2. LUYỆN TẬP (khoảng 7 phút) – PHẦN THI VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT

a) Mục tiêu: Học sinh được rèn năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

b) Nội dung:

Học sinh được yêu cầu: Đọc số liệu và tính toán theo yêu cầu bài ra.

c) Sản phẩm: Hoàn thành được các câu trả lời một cách chính xác.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập:  GV đưa ra bài tập 1: Biểu đồ cột kép ở hình 33 thống kê thu nhập bình quân đầu người/năm của Việt Nam và Singapore trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020    Tính tỉ số thu nhập bình quân đầu người/năm của Singapore và thu nhập bình quân đầu người/năm của Việt Nam của mỗi năm (viết kết quả ở dạng số thập phân và làm tròn đến hàng phần mười).  \* HS thực hiện nhiệm vụ:  3 đội chơi bốc chọn 2 trong 6 năm và tính toán và ghi nhanh vào bảng.  Đội nào đúng và nhanh nhất dành chiến thắng, số điểm mỗi phần thi dành cho các đội nhất, nhì, ba lần lượt là 15, 10, 5  \* Kết luận, nhận định:  - GV đưa ra kết quả, các nhóm soi đáp án, thư kí mỗi nhóm ghi điểm của nhóm bạn mà nhóm mình được giao theo dõi. | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | Tỉ số thu nhập bình quân đầu người/năm của Singapore và thu nhập bình quân đầu người/năm của Việt Nam | 26,5 | 25,8 | 25,8 | 25,9 | 24 | 21,5 | |

3. LUYỆN TẬP CỦNG CỐ (khoảng 10 phút) - PHẦN THI TĂNG TỐC

a) Mục tiêu: Học sinh được rèn năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

b) Nội dung: Học sinh được yêu cầu: hoàn thành bài tập 2.

c) Sản phẩm: Nhận xét về sự thay đổi tỉ số ở bảng 3 – SGK trang 24.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập:  Đưa đề bài bài 2: Quan sát bảng tỉ số thu nhập bình quân đầu người/năm của Singapore và thu nhập bình quân đầu người/năm của Việt Nam, em hãy:  - Nhận xét về sự thay đổi tỉ số.  - Mỗi nhóm đề xuất 3 giải pháp để tăng thu nhập bình quân đầu người/năm của Việt Nam?  \* HS thực hiện nhiệm vụ:  - Hs thực hiện cá nhân, sau đó nhóm thống nhất chọn câu trả lời.  \* Báo cáo, thảo luận  3 hs đại diện cho nhóm lên đọc câu trả lời (chú ý các giải pháp chất lượng).  Đại diện các nhóm nhận xét và thống nhất thứ hạng nhất, nhì, ba.  \* Kết luận, nhận định:  - GV khẳng định và chốt điểm của từng nhóm theo thứ hạng nhất, nhì, ba. Hạng nhất 60 điểm, hạng nhì 40 điểm, hạng ba 20 điểm. | Nhận xét về sự thay đổi tỉ số: giảm dần  Một số giải pháp để tăng thu nhập bình quân đầu người/năm của Việt Nam:  -Tăng cường sức khỏe.  -Nâng cao tri thức.  -Chọn nghề theo đúng năng lực, sở trường.  -... |

4. VẬN DỤNG (khoảng 15 phút) – PHẦN THI VỀ ĐÍCH

a) Mục tiêu: Học sinh được rèn năng lực phát hiện vàgiải quyết những vấn đề đơn giản dựa trên phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

b) Nội dung: Học sinh được yêu cầu: hoàn thành bài tập 3 - SGK

c) Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thị trường xuất khẩu | Trung Quốc | ASEAN | Mỹ | EU | Hàn Quốc | Nhật Bản |
| Kim ngạch xuất khẩu rau quả (triệu đô la Mỹ) | 1841 | 288,8 | 170 | 147,2 | 143,9 | 127,5 |

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập:  Đưa đề bài 3 - SGK  \* HS thực hiện nhiệm vụ:  - Hs thực hiện cá nhân vào phiếu học tập  \* Báo cáo, thảo luận:  HS trong nhóm đổi chéo bài kiểm tra -> cả nhóm cùng nộp.  Thư kí mỗi nhóm được rút thăm một bài đại diện của một nhóm để nhóm mình kiểm tra và cho điểm.  \* Kết luận, nhận định:  - GV chiếu bài đại diện của từng nhóm, khẳng định lại kết quả và chốt điểm của từng nhóm theo thứ hạng nhất, nhì, ba. Hạng nhất 60 điểm, hạng nhì 40 điểm, hạng ba 20 điểm.  GV: Chốt lại kiến thức và xếp hạng các đội chơi. | Tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả từ Việt Nam sang các thị trường (không tính Trung Quốc) là: 3270 – 1841 = 1429 (triệu đô la Mỹ)  Tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc nhiều hơn tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang các thị trường còn lại là: 1841 – 1429 = 412 (triệu đô la Mỹ) |

⏩ **Hướng dẫn tự học ở nhà** (7 phút)

Làm bài tập 4 (SGK trang 25), bài ..... ( SBT trang ...)

GV chọn bài hướng dẫn cho HS.

Ký duyệt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: |  |  |

**TIẾT 53 + 54 + 55: §4. XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN**

**TRONG MỘT SỐ TRÒ CHƠI ĐƠN GIẢN**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài học, học sinh sẽ:

**1. Về kiến thức:**

* Nêu được kết quả có thể xảy ra, kết quả thuận lợi của biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.
* Tìm được xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.
* Vận dụng được ông thức tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi gieo xúc xắc, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.

**2. Về năng lực:**

*\* Năng lực chung:* Góp phần tạo cơ hội để học sinh phát triển một số năng lực toán học như:

* Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập tại lớp.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* *Năng lực chuyên biệt*:

* Năng lực tư duy và lập luận toán học: Từ kiến thức về xác suất của biến cố ngẫu nhiên nêu được các kết quả có thể xảy ra, những kết quả thuận lợi của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Tính được xác suất của biến cố bằng tỉ số giữa kết quả thuận lợi trên số kết quả có thể trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.
* Năng lực mô hình hóa toán học: Xác định được mô hình toán học (các trò chơi tung đồng xu trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng, ...) và giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình đã được thiết lập.
* Năng lực giao tiếp toán học: Sử dụng các ngôn ngữ toán học (biến cố ngẫu nhiên, xác suất) kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày và lý giải được các kết quả, giải pháp toán học với người khác.

**3. Về phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.
* Trung thực: Có ý thức báo cáo kết quả chính xác.
* Nhân ái: Giúp đỡ bạn bè tìm ra hướng giải bài toán, tôn trọng ý kiến của các bạn trong lớp.
* Trách nhiệm: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác; có ý thức hỗ trợ các bạn khi giải bài tập, giữ trật tự trong giờ học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Giáo viên: SGK, kế hoạch bài dạy, phiếu bài tập, bảng phụ, phấn màu, máy chiếu, máy chiếu đa vật thể.

2. Học sinh: đồng xu, SGK, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 53:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

* Thu hút sự chú ý của HS vào bài học.

**b) Nội dung:**GV cho HS thực hành trải nghiệm tung đồng xu và đặt câu hỏi vấn đáp để HS trả lời miệng*.*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS*.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV cho HS thực hành cặp đôi tung đồng xu 1 lần, yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi sau (GV chiếu câu hỏi trên ppt).  1) Gieo ngẫu nhiên đồng xu 1 lần. Liệt kê các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu.  2) Linh và My chơi tung đồng xu 1 lần. Nếu mặt xuất hiện là mặt ngửa thì Linh thắng. Nếu mặt xuất hiện là mặt sấp thì My thắng. Theo em, bạn nào có khả năng giành phần thắng cao hơn?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 3 HS đại diện 3 cặp đôi đứng tại chỗ trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Để biết được khả năng xảy ra của một biến cố ngẫu nhiên, ta phải tính xác suất của biến cố đó. Trong bài ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu và học cách tính xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng. | 1) Các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu khi gieo ngẫu nhiên đồng xu 1 lần là: mặt ngửa, mặt sấp.  2) HS dự đoán khả năng giành phần thắng của 2 bạn là như nhau. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (20 phút)

**Hoạt động 1: Xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu** (10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm và các kết quả có thể xảy ra trong trò chơi tung đồng xu.

- Nêu được khái niệm và những kết quả thuận lợi của biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi tung đồng xu.

- Tính được xác suất của biến cố bằng tỉ số giữa kết quả thuận lợi trên số kết quả có thể trong trò chơi tung đồng xu.

**b) Nội dung:** HS thực hiện hoạt động 1, bài tập 1.

**c) Sản phẩm:** Kết quả làm bài của HS được trình bày vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV cho HS thực hiện cặp đôi hoạt động 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  **-** HS thực hiện hoạt động 1 theo cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS lắng nghe, nhận xét bài.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  - GV giới thiệu tỉ số vừa tính là xác suất của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ” trong trò chơi trên và đưa ra khái niệm.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 1 vào vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS làm việc cá nhân, trình bày bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - 1 HS lên bảng làm bài, GV chấm vở một số HS khác trong lớp.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  **GV chốt chú ý.** | **1. Xác suất của biết cố trong trò chơi tung đồng xu**  **Hoạt động 1 (SGK/26)**  **Khái niệm (SGK/26)**  **Công thức tính xác suất của biến cố (SGK/27)**  **Bài tập 1:** Tung đồng xu một lần.  Tính xác suất của các biến cố sau:  a) *“Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N”.*  b) *“Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt S”.*  Kết quả:  a) Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố *“Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N”*.  Vì thế xác suất của biến cố đó là  .  b) Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố *“Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt S”*.  Vì thế xác suất của biến cố đó là  . |

**Hoạt động 2: Xác suất của biến cố trong trò chơi vòng quay số** (10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm và các kết quả có thể xảy ra trong trò chơi vòng quay số.

- Nêu được khái niệm và những kết quả thuận lợi của biến cố ngẫu nhiên trò chơi vòng quay số.

- Tính được xác suất của biến cố bằng tỉ số giữa kết quả thuận lợi trên số kết quả có thể trong trò chơi vòng quay số.

**b) Nội dung:** HS thực hiện hoạt động 2, ví dụ 1, bài tập 2.

**c) Sản phẩm:** Kết quả làm bài của HS được trình bày vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm hoạt động 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện hoạt động 2 theo nhóm đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS lắng nghe, nhận xét bài.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  - GV giới thiệu tỉ số vừa tính là xác suất của biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt tròn là số lẻ” trong trò chơi trên và đưa ra khái niệm.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời ví dụ 1.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS suy nghĩ và phát biểu.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2 vào vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm việc cá nhân, trình bày bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - 1 HS lên bảng làm bài, GV chấm vở một số HS khác trong lớp.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt). | **2. Xác suất của biến cố trong trò chơi vòng quay số**  **Hoạt động 2 (SGK/27)**  **Khái niệm (SGK/27)**  **Ví dụ 1 (SGK/27)**  **Bài tập 2:** Hình bên mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8. Chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa. Quay đĩa tròn một lần.  Tính xác suất của các biến cố sau:  a) *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 3”.*  b) *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 5”.*  c) *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là ước của 6”.*    a) Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 3”* đó là 1;2  Vì thế xác suất của biến cố đó là  .  b) Có 4 kết quả thuận lợi cho biến cố *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 5”* đó là 1;2; 3; 4.  Vì thế xác suất của biến cố đó là  .  c) Có 4 kết quả thuận lợi cho biến cố *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là ước của 6”* đó là 1;2; 3; 6.  Vì thế xác suất của biến cố đó là  . |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (13 phút)

**a) Mục tiêu:** Tính được xác suất của biến cố bằng tỉ số giữa kết quả thuận lợi trên số kết quả có thể trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số*.*

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Plickes để luyện tập, củng cố kiến thức.

**c) Sản phẩm:** Đáp án, lời giải của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Plickes.  Luật chơi:  Mỗi HS được phát 1 mã code riêng. Sau khi câu hỏi được chiếu lên, mỗi HS có 1 phút để suy nghĩ và đưa ra đáp án. Sau đó GV sẽ sử dụng phần mềm Plickes để quét đáp án của từng HS trong lớp và chiếu lên số lượng HS chọn từng đáp án của từng câu. Tiếp đó sẽ gọi 1 HS bất kì trong lớp lên trình bày chi tiết.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS giơ đáp án.  - GV gọi bất kì HS lên bảng trình bày.  **\* Kết luận, nhận định 1** | **Câu 1:** Tung ngẫu nhiên đồng xu một lần. Xác suất của biến cố: “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt sấp” là:  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** .  **Câu 2:** Hình bên mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số 1; 12; 18; 22; 27; 69; 96; 99. Chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa. Quay đĩa tròn một lần. Tính xác suất của biến cố *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là số chia hết cho 3”.*  Description: Vòng quay trúng thưởng - Teaching resources  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** .  **Câu 3:** *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của* *”*  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** .  **Câu 4:** *“Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của* ”  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** . |

**D. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, HƯỚNG DẪN HỌC TẬP TẠI NHÀ** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** HS tổng hợp được các kiến thức về tính xác suất của biến cố bằng tỉ số giữa kết quả thuận lợi trên số kết quả có thể trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số*.*

**b) Nội dung:** GV chốt lại kiến thức và hướng dẫn HS học tập tại nhà.

- GV yêu cầu HS làm bài tập về nhà trên ứng dụng Azota.

- GV yêu cầu HS phản hồi về nội dung bài học, đưa những thắc mắc cần giải đáp lên Mentimeter.

**c) Sản phẩm:**

- Bài tập về nhà của HS.

- Phản hồi trên ứng dụng Mentimeter.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV chốt lại kiến thức  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS tổng kết kiến thức  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh, ghi nhận và tổng hợp kết quả. |  |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

Xem lại lý thuyết và toàn bộ bài tập đã học.

Ngày dạy:

**Tiết 54:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (10 phút)

- GV kiểm tra bài cũ bằng trò chơi thông qua 4 câu hỏi trắc nghiệm (sử dụng máy chiếu).

**a) Mục tiêu:**

- Đánh giá mức độ nắm bắt kiến thức và ý thức chuẩn bị bài ở nhà của HS.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Trả lời 4 câu hỏi trắc nghiệm trong thời gian quy định

**c) Sản phẩm:** Kết quả trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - HS tham gia trò chơi “Ong non học việc” bằng cách trả lời 4 câu hỏi trắc nghiệm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV trình chiếu lại toàn bộ 4 câu hỏi và gọi HS trả lời bất kì, yêu cầu giải thích.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài: Thông qua các ví dụ của tiết học lí thuyết trước và phần câu hỏi trắc nghiệm các con vừa giải quyết. chúng ta đã biết cách tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi tung đồng xu và trò chơi quay số. Vậy trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đỗi tượng thì cách tính xác suất như thế nào?  Ta cùng tìm hiểu trong bài ngày hôm nay. | Một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm 12 phần bằng nhau và ghi các số 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12, chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa.  **Câu 1:** Trong trò chơi trên, xác suất của biến cố: “Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số chẵn” là:  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** .  **Câu 2:** Trong trò chơi trên, xác suất của biến cố: “Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số nguyên tố” là:  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** .  **Câu 3:** Trong trò chơi trên, xác suất của biến cố: “Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số có hai chữ số” là:  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** .  **Câu 4:** Trong trò chơi trên, xác suất của biến cố: “Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số chia hết cho 3” là:  **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** . |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (10 phút)

**Hoạt động 1: Xác xuất của biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.**

**a) Mục tiêu:**

+) Nêu được các kết quả có thể xảy ra trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng

+) Nêu được các kết quả thuận lợi của biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng

**b) Nội dung:** HS làm hoạt động 3, ví dụ 2

**c) Sản phẩm:**Kết quả làm bài của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV yêu cầu học sinh đọc và thực hiện hoạt động 3 theo nhóm đôi  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS làm hoạt động 3 theo nhóm đôi  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  HS cả lớp lắng nghe, nhận xét  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án  - Giới thiệu tỉ số vừa tìm được là xác suất của biến cố “ Trên viên bị lấy ra viết tên một loài động vật”  Vậy bạn nào xác định được các bước để tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng?  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV yêu cầu học sinh đọc và thực hiện ví dụ 2 vào vở  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS làm ví dụ 2 cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  HS cả lớp lắng nghe, nhận xét  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án | **3. Xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng**  Hoạt động 3 (SGK/28)  Khái niệm (SGK/28)  Các bước tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng  Bước 1. Tìm số các kết quả có thể xảy ra đối với đối tượng được chọn  Bước 2.Tìm số kết quả thuận lợi cho một biến cố cần tính.  Bước 3. Lấy tỉ số giữa kết quả thuận lợi của biến cố trong bước 2, chia cho số các kết quả có thể xảy ra trong bước 1. Ta được giá trị cần tìm.  **d) Ví dụ 2**  +) Số kết quả thuận lợi cho biến cố “Trên viên bị lấy ra viết tên một loài thực vật” là: 4  Vì thế, xác suất của biến cố đó là:  +) Số kết quả thuận lợi cho biến cố “ Trên viên bị lấy ra viết tên một loài động vật ăn thịt” là: 3  Vì thế, xác suất của biến cố đó là: |

**Hoạt động 2: Các bước tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một mô hình trò chơi**

**a) Mục tiêu:** HS biết cách tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một mô hình trò chơi.

**b) Nội dung:HS được yêu cầu:**

+) Phát biểu các bước tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một mô hình trò chơi.

+) Ghi lại kiến thức hình thành mới vào vở, sau khi GV chốt và chính xác hóa các bước làm.

**c) Sản phẩm:**Xây dựng được các bước tính.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  Bạn nào xác định được các bước để tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong các mô hình trò chơi đưa ra?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  GV gọi HS phát biểu  HS cả lớp lắng nghe, nhận xét  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. | **\* Các bước tính xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một mô hình trò chơi**  Bước 1. Tìm số các kết quả có thể xảy ra của một sự kiện.  Bước 2.Tìm số kết quả thuận lợi cho một biến cố cần tính.  Bước 3. Lấy tỉ số giữa kết quả thuận lợi của biến cố trong bước 2, chia cho tổng số các kết quả có thể xảy ra trong bước 1. Ta được giá trị cần tìm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS được rèn luyện cách tính xác suất của biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các ví dụ 3, ví dụ 4/29

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1: ví dụ 3**  - HS xác định các kết quả có thể xảy ra đối với đội thanh niên tình nguyện đến từ các tỉnh/thành phố  - HS chỉ ra các kết quả thuận lợi cho biến cố “Thành viên được chọn ra đến từ vùng Đồng bằng sông Hồng”  - HS chỉ ra các kết quả thuận lợi cho biến cố “Thành viên được chọn ra đến từ vùng Đồng bằng sông Cửu Long”  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong 7 phút.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  Sau thời gian GV quy định, HS báo cáo kết quả tìm được.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV lắng nghe, góp ý để có lời giải hoàn chỉnh  GV có thể đặt thêm câu hỏi: Nếu không cho tổng số thành viên của đội thanh niên tình nguyện là 25 người thì có tính được xác suất của biến cố “Thành viên được chọn ra đến từ vùng Đồng bằng sông Hồng” không? | **Ví dụ 3 (SGK/29)**  Các kết quả có thể xảy ra đối với đội thanh niên tình nguyện đến từ các tỉnh/thành phố là 25.  a) Có 6 kết quả thuận lợi cho biến cố “Thành viên được chọn ra đến từ vùng Đồng bằng sông Hồng” là Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.  Vì thế, xác suất của biến cố trên là:  b) Có 13 kết quả thuận lợi cho biến cố “Thành viên được chọn ra đến từ vùng Đồng bằng sông Cửu Long”  Vì thế, xác suất của biến cố trên là: . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2: ví dụ 4**  - Hoạt động nhóm 2 làm ví dụ 4 SGK/29.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS các nhóm đôi thực hiện các yêu cầu được giao  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV mời đại diện 2 nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày ví dụ 4 SGK/29.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu của bài 4/sgk/tr29.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét và chính xác hóa kết quả của ví dụ 4 SGK/29. | **Ví dụ 4 (SGK/29)**  a) Tập hợp  các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên có hai chữ số có thể xảy ra là:    Số phần tử của tập hợp  là  b)  - Trong  số tự nhiên có hai chữ số thì số tự nhiên chia hết cho  là:  Vậy có  kết quả thuận lợi cho biến cố “Số tự nhiên được viết ra là bội của .  Vì thế, xác suất của biến cố là . |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (8 phút)

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học và năng lực giải quyết vấn đề thông qua vận dụng kiến thức, kĩ năng vào bài toán thực tiễn.

**b) Nội dung:**

HS được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được yêu cầu trong phiếu (làm nhóm).

**c) Sản phẩm:** Kết quả HS báo cáo theo nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1: Luyện tập 2 (SGK/29)**  **-** GV chiếu bài cho HS quan sát  Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có hai chữ số  a. Tính xác suất của biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số chia cho dư ”  - Yêu cầu HS thảo luận bài theo nhóm.  - GV đặt thêm các câu hỏi:  b. Tính xác suất của biến cố “Số tự nhiên được chọn nhỏ hơn ”  c. Tính xác suất của biến cố “Số tự nhiên được chọn là số chính phương”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên vào bảng nhóm theo nhóm đôi  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả  - HS quan sát, theo dõi nhận xét bài chéo  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét, chính xác hóa kết quả, chốt kiến thức bài học. | **Luyện tập 2 (SGK/29)**  a) Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên có hai chữ số có thể xảy ra là:    Số phần tử của tập hợp là  - Trong  số tự nhiên có hai chữ số thì số tự nhiên chia hết cho  dư  có dạng là với nên các số đó là  Vậy có  kết quả thuận lợi cho biến cố “Số tự nhiên được viết ra số chia cho dư ”  Vì thế, xác suất của biến cố là .  b) Các kết quả thuận lợi cho biến cố “Số tự nhiên được chọn nhỏ hơn 20” là . Do đó có kết quả thuận cho biến cố đó. Vì thế, xác suát của biến cố đó là .  c) Các kết quả thuận lợi cho biến cố “Số tự nhiên được chọn là số chính phương” là . Do đó có  kết quả thuận cho biến cố đó. Vì thế, xác suát của biến cố đó là . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  **-** GV chiếu bài cho HS quan sát: Trò chơi “Ai nhanh nhất”  Một hộp đựng 36 tấm thẻ giống nhau được đánh số . Bạn Nam rút ngẫu nhiên một tấm thẻ trong hộp. Em hãy đặt đề bài phù hợp để tính xác suất của biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên 1 tấm thẻ trong hộp.  - Yêu cầu HS thảo luận bài theo nhóm 4 bạn trong 5 phút. Nhóm nào liệt kê nhiều nhất và tính đúng xác suất của các câu hỏi thì nhóm đó chiến thắng”  - GV đặt ví dụ các câu hỏi tham khảo:  a. Tính xác suất của biến cố “Rút được tấm thẻ ghi số chia hết cho ”  b. Tính xác suất của biến cố “Rút được tấm thẻ ghi số là bội của ”  c. Tính xác suất của biến cố “Rút được tấm thẻ ghi số là bội của  hoặc ”  d. Tính xác suất của biến cố “Rút được tấm thẻ ghi số nguyên tố”  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm 4  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả  - HS quan sát, theo dõi nhận xét bài chéo  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét, chính xác hóa kết quả, chốt kiến thức bài học. | Có 36 kết quả có thể, đó là .  a) Có  kết quả thuận lợi cho biến cố số chia hết cho  là .  Xác suất là .  Tương tự cho các ý còn lại. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

* Xem lại toàn bộ bài học.
* Làm bài tập trong sách bài tập:….

Ngày dạy:

**Tiết 55:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại các kiến thức về xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản thông qua các câu hỏi trắc nghiệm.

**b) Nội dung:** HS tham gia trò chơi để củng cố lại kiến thức của 2 tiết học trước.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện trò chơi của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “Ếch con về nhà”.  - GV phổ biến luật chơi: Lớp được chia thành  đội. Để giúp ếch con về nhà, các đội phải trả lời đúng các câu hỏi. Đội nào giơ tay nhanh nhất được quyền trả lời. Nếu trả lời sai, nhường lại quyền trả lời cho đội khác. Tổng kết sau các câu hỏi, đội nào trả lời đúng nhiều câu hơn sẽ là đội giành chiến thắng.  - GV chiếu nội dung các câu hỏi trên ppt  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia đội và tham gia trò chơi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS trả lời các câu hỏi: Câu 1 – ; Câu 2 – ; Câu 3 – ; Câu 4 – ; Câu 5 –  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV tổng kết lại điểm số của các đội chơi, nhận xét tinh thần tham gia trò chơi của HS và tuyên bố đội thắng cuộc. | **Câu 1:** Tung đồng xu một lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu là:    **Câu 2:** Một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số ; ; ; ; ; ; ; , chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa. Trong trò chơi vòng quay số này, nếu  là số kết quả thuận lợi cho một biến cố thì xác suất của biến cố là:    **Câu 3:** Chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong nhận xét sau: “Trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng, xác suất của một biến cố bằng … của kết quả thuận lợi cho biến cố và số các kết quả có thể xảy ra đối với đối tượng được chọn ra.”  tổng  hiệu  tích  tỉ số  **Câu 4:** Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có một chữ số. Số phần tử của tập hợp gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên được viết ra là: A. 7 B. 8 C. 9 D. 10  **Câu 5:** Một hộp có  chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số ;; ;…;; , hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp. Kết quả thuận lợi cho biến cố “Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số bé hơn 10” là:  ; ; ; ; ; ; ;  ; ; ; ; ; ; ; ;  ; ; ; ; ; ; ; ; ;  ; ; ; ; ; ; ; ; |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (30 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức đã học thông qua các dạng bài tập*.*

**b) Nội dung:** HS làm các bài tập 1, 2, 3, 4 trong phiếu học tập

**c) Sản phẩm:** Lời giải của các bài tập trong phiếu học tập*.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1: Bài 1 (PHT)**  - HS tính xác suất của các biến cố sau:  + “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”.  + “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo hình thức cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 1: Xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu.**  **Bài 1:**  a) Xét biến cố *“*Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”.  + Có  kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: mặt  + Xác suất của biến cố trên là: .  b) Xét biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”.  + Có  kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: mặt  + Xác suất của biến cố trên là: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2: Bài 2 (PHT)**  - HS xác định các kết quả thuận lợi của biến cố và tính xác suất của các biến cố sau:  + “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số lớn hơn ”.  + “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số lẻ”  + “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của ”. | **Dạng 2: Xác suất của biến cố trong trò chơi vòng quay số.**  **Bài 2:**  a) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số lớn hơn 3”  + Có  kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: ; ; ; ;  + Xác suất của biến cố trên là: . |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo hình thức cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | b) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số lẻ”  + Có 4 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: ; ; ;  + Xác suất của biến cố trên là:  .  c) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của ”  + Có 4 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: ; ; ; .  + Xác suất của biến cố trên là:  . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3: Bài 3 (PHT)**  - HS xác định các kết quả thuận lợi của biến cố và tính xác suất của các biến cố sau:  + “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là hợp số”.  + “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là số chính phương”  + “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là chia hết cho ”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo hình thức cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 3:**  a) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là hợp số”  + Có 3 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: ; ;  + Xác suất của biến cố trên là:  .  b) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là số chính phương”  + Có 3 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: ; ;  + Xác suất của biến cố trên là:  .  c) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là số chia hết cho ”  + Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: ;  + Xác suất của biến cố trên là:  . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4: Bài 4 (PHT)**  - HS chỉ ra số cách viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có ba chữ số.  - HS viết các số tự nhiên có ba chữ số là lập phương của một số tự nhiên.  - HS tính xác suất của biến cố “Số tự nhiên được viết ra là lập phương của một số tự nhiên”  - HS viết các số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho 10  - HS tính xác suất của biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho 10”  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS làm việc cá nhân dưới sự định hướng của GV và trình bày bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - 1 HS trả lời miệng ý a  - 2 HS lên bảng làm ý b, GV chấm vở một số HS khác trong lớp  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV nhận xét, chính xác hóa kết quả và chữa bài cho HS. | **Dạng 3: Tính xác suất của biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.**  **Bài 4:**  a) Số cách viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có ba chữ số là:  999 – 100 + 1 = 900 (cách)  b)  - Xét biến cố “Số tự nhiên được viết ra là lập phương của một số tự nhiên”  + Có 5 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: 125; 216; 343; 512; 729  + Xác suất của biến cố trên là:  - Xét biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho 10”  + Có: (990 – 100):10 + 1 = 90 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: 100; 110; 120; 130; …; 990  + Xác suất của biến cố trên là: |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (8 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Phát triển năng lực mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học và năng lực giải quyết vấn đề thông qua vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết bài toán thực tiễn.

- HS sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ gắn liền với thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu thực hiện bài 5 trong phiếu học tập theo nhóm đôi

**c) Sản phẩm:** Kết quả HS báo cáo theo nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1: Bài 5 (PHT)**  - GV yêu cầu HS đọc bài 5 và thực hiện:  + Viết tập hợp  gồm các kết quả có thể xảy ra đối với biển được chọn. Tính số phần tử của tập hợp .  + Xác định các kết quả thuận lợi của biến cố và tính xác suất của các biến cố:  - “Biển được chọn thuộc châu Âu”;  - “Biển được chọn thuộc châu Á”;  - “Biển được chọn thuộc châu Phi”;  - “Biển được chọn thuộc châu Úc”;  - “Biển được chọn thuộc châu Nam cực”;  - “Biển được chọn thuộc châu Mỹ”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện yêu cầu theo hình thức nhóm đôi  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Sau thời gian GV quy định, đại diện HS báo cáo kết quả của nhóm.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **4. Vận dụng:**  **Bài 5:**  a) Tập hợp gồm các kết quả có thể xảy ra đối với biển được chọn là:  = {Hạ Long; Phuket; Marasusa Tropea; Cala Macarella; Ifaty; Lamu; Ipanema; Cancun; Bondi; Scotia}.  Tập hợp E có 10 phần tử.  b) – Xét biến cố “Biển được chọn thuộc châu Âu”  + Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: Marasusa Tropea; Cala Macarella.  + Xác suất của biến cố trên là: .   - Xét biến cố “Biển được chọn thuộc châu Á”  + Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: Hạ Long; Phuket.  + Xác suất của biến cố trên là: .   - Xét biến cố “Biển được chọn thuộc châu Phi”  + Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: Ifaty; Lamu.  + Xác suất của biến cố trên là: .  - Xét biến cố “Biển được chọn thuộc châu Úc”  + Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: Bondi.  + Xác suất của biến cố trên là: .  - Xét biến cố “Biển được chọn thuộc châu Nam cực”  + Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: Scotia.  + Xác suất của biến cố trên là: .   - Xét biến cố “Biển được chọn thuộc châu Mỹ”  + Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: Ipanema; Cancun.  + Xác suất của biến cố trên là: . |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

* Hoàn thiện phiếu học tập.
* Xem và giải lại toàn bộ các bài tập đã làm trong tiết học
* Làm các bài tập trong sách bài tập:…
* Soạn trước bài mới.

Ký duyệt:

**PHIẾU HỌC TẬP**

**BÀI 4: XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN**

**TRONG MỘT SỐ TRÒ CHƠI ĐƠN GIẢN**

**Dạng 1: Xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu.**

**Bài 1:** Trong trò chơi tung đồng xu, ta quy ước đồng xu là cân đối và đồng chất.Tung đồng xu một lần. Tính xác suất của các biến cố sau:

a) “ Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”;

b) “ Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”.

**Dạng 2: Xác suất của biến cố trong trò chơi vòng quay số.**

**Bài 2:**

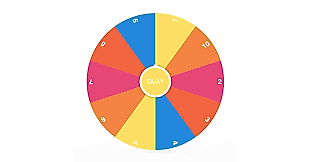
Hình bên mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số; ; ; ; ; ; ; . Chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa. Quay đĩa tròn một lần.

Tính xác suất của các biến cố sau:

a) “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số lớn hơn ”;

b) “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số lẻ”;

c) “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của ”.

**Bài 3:**

Hình bên mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số; ; ; ; ; ; ; ; ; . Chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa. Quay đĩa tròn một lần.

Tính xác suất của các biến cố sau:

a) “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là hợp số”;

b) “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là số chính phương”;

c) “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là chia hết cho ”.

**Dạng 3: Tính xác suất của biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.**

**Bài 4:** Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có ba chữ số.

a) Có bao nhiêu cách viết ngẫu nhiên một số tự nhiên như vậy?

b) Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

- “Số tự nhiên được viết ra là lập phương của một số tự nhiên”;

- “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho 10”.

Ngày soạn:

**TIẾT 56 + 57 + 58. §5: XÁC SUẤT THỰC NGHIỆM CỦA MỘT BIẾN CỐ**

**TRONG MỘT SỐ TRÒ CHƠI ĐƠN GIẢN**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài học, học sinh sẽ:

1. Về kiến thức:

* Nêu được công thức tính xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi tung đồng xu, trong trò chơi gieo xúc xắc, trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.
* Vận dụng tính xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi tung đồng xu, trong trò chơi gieo xúc xắc, trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.
* Tìm được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn trong trò chơi gieo xúc xắc, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.

2. Về năng lực:

*\* Năng lực chung:*

*-* Góp phần tạo cơ hội để học sinh phát triển một số năng lực toán học như:

* Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập tại lớp.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* *Năng lực chuyên biệt*:

* Năng lực tư duy và lập luận toán học: Từ kiến thức về xác suất của biến cố ngẫu nhiên nêu được các kết quả có thể xảy ra, những kết quả thuận lợi của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Tính được xác suất thực nghiệm của biến cố bằng tỉ số giữa số lần xuất hiện (được chọn ra)và tổng số lần xuất hiện (được chọn ra) của đối tượng trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.

Tìm được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn trong trò chơi gieo xúc xắc, trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.

* Năng lực mô hình hóa toán học: Xác định được mô hình toán học (các trò chơi tung đồng xu trò chơi vòng quay số và một số trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng, ...) và giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình đã được thiết lập.
* Năng lực giao tiếp toán học: Sử dụng các ngôn ngữ toán học (xác suất, xác suất thực nghiệm, xác suất của biến cố) kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày và lý giải được các kết quả, giải pháp toán học với người khác.

3. Về phẩm chất:

* Chăm chỉ: Tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.
* Trung thực: Có ý thức báo cáo kết quả chính xác.
* Nhân ái: Giúp đỡ bạn bè tìm ra hướng giải bài toán, tôn trọng ý kiến của các bạn trong lớp.
* Trách nhiệm: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác; có ý thức hỗ trợ các bạn khi giải bài tập, giữ trật tự trong giờ học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Giáo viên:

SGK, kế hoạch bài dạy, phiếu bài tập, bảng phụ, phấn màu, máy chiếu, máy chiếu.

2. Học sinh: đồng xu, SGK, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày dạy:

**Tiết 56:**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5 phút)

a) Mục tiêu:

- Thu hút sự chú ý của HS vào bài học.

b) Nội dung:GV cho HS thực hành trải nghiệm tung đồng xu và đặt câu hỏi vấn đáp để HS trả lời miệng*.*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS*.*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV cho HS thực hành cặp đôi tung đồng xu 1 lần, yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi sau (GV chiếu câu hỏi trên ppt).  Sau khi tung một đồng xu 15 lần liên tiếp, bạn Thảo kiểm đếm được mặt N xuất hiện 8 lần.  \*) Xác suất thực nghiệm của biến cố ngẫu nhiên “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” là bao nhiêu?  \*) Xác suất thực nghiệm đó có mỗi liên hệ gì với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trên?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 3 HS đại diện 3 cặp đôi đứng tại chỗ trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới. | 1) Học sinh dự đoán xác suất thực nghiệm của biến cố ngẫu nhiên “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N”  2) HS dự đoán mối liên hệ của xác suất thực nghiệm và xác suất của biến cố ngẫu nhiên. |

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20 phút)

Hoạt động 1: Xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu, mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn. (10 phút)

a) Mục tiêu:

- Tính được xác suất thực nghiệm của biến cố bằng tỉ số giữa số lần xuất hiện mặt N và tổng số lần tung đồng xu trong trò chơi tung đồng xu.

- Biết được công thức tính xác suất thực nghiệm của biến cố:

+ Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” khi tung đồng xu nhiều lần bằng:

+ Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt S” khi tung đồng xu nhiều lần bằng

+ Tìm mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn.

b) Nội dung: HS thực hiện hoạt động 1, ví dụ 1, luyện tập 1, hoạt động 2, ví dụ 2.

c) Sản phẩm: Kết quả làm bài của HS được trình bày vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV cho HS thực hiện cặp đôi hoạt động 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  **-** HS thực hiện hoạt động 1 theo cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS lắng nghe, nhận xét bài.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  - GV giới thiệu tỉ số vừa tính là xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ” trong trò chơi trên và đưa ra định nghĩa.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS đọc ví dụ 1 và làm luyện tập 1 vào vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS làm việc cá nhân, trình bày bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - 1 HS lên bảng làm bài, GV chấm vở một số HS khác trong lớp.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 và làm ví dụ 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm việc cá nhân, trình bày bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - 1 HS lên bảng làm bài, GV chấm vở một số HS khác trong lớp.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  **GV chốt chú ý.** | **1. Khái niệm**  Hoạt động 1 (SGK/31)  Nhận xét (SGK/31)  Công thức tính xác suất của biến cố (SGK/31)  Luyện tập 1:  Số lần xuất hiện mặt S là:  Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt S” là:  **2. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn.**  Hoạt động 2: (sgk/32).  Ví dụ 2: (sgk/33). |

Hoạt động 2: Xác suất của biến cố trong trò chơi gieo xúc xắc, mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn. (10 phút)

a) Mục tiêu:

- Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt k chấm”

(  ) khi gieo xúc xắc nhiều lần bằng

- Tìm mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn.

b) Nội dung: HS thực hiện hoạt động 3, ví dụ 3, bài tập 2, ví dụ 4.

c) Sản phẩm: Kết quả làm bài của HS được trình bày vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm hoạt động 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện hoạt động 3 theo nhóm đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS lắng nghe, nhận xét bài.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  - GV đưa ra tỉ số  cũng còn gọi là xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm”.  Từ đó đưa ra định nghĩa  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS quan sát đọc ví dụ 3 và trả lời hoạt động 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS suy nghĩ và phát biểu.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS đọc và làm ví dụ 4 vào vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm việc cá nhân, trình bày bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - 1 HS lên bảng làm bài, GV chấm vở một số HS khác trong lớp.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt). | **2. Định nghĩa**  Hoạt động 3 (SGK/33)  Khái niệm (SGK/33)  Ví dụ 3 (SGK/33)  Bài tập 2: Gieo xúc xắc 30 lần liên tiếp, có 4 lần xuất hiện mặt 2 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 2 chấm”.  Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 2 chấm” là:  **2. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó khi số lần thực hiện rất lớn.**  Ví dụ 4 (SGK/34) |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15 phút)

a) Mục tiêu:

+ Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” khi tung đồng xu nhiều lần bằng:

+ Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt S” khi tung đồng xu nhiều lần bằng

+ Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt k chấm”

(  ) khi gieo xúc xắc nhiều lần bằng

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi để luyện tập, củng cố kiến thức.

c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.  Luật chơi:  Học sinh sẽ được phát 4 đáp án A, B, C, D. Giáo viên chiếu câu hỏi và học sinh giơ đáp án lựa chọn. Tiếp đó sẽ gọi 1 HS bất kì trong lớp lên trình bày chi tiết cách làm của mình.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS giơ đáp án.  - GV gọi bất kì HS lên bảng trình bày.  **\* Kết luận, nhận định 1** | **Câu 1:** Description: Tung Đồng Xu Tiền Tay - Ảnh miễn phí trên Pixabay Xác suất thực nghiệm của biến cố “ Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” trong trường hợp : Tung một đồng xu 32 lần liên tiếp , có 12 lần xuất hiện mặt N là :  **A**.. **B**.  . **C**. . **D**.  **Câu 2:** Xác suất thực nghiệm của biến cố “ Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” trong trường hợp : Tung một đồng xu 49 lần liên tiếp , có 21 lần xuất hiện mặt S là :  **A**.. **B**.  . **C**. . **D**. .  **Câu 3:** Gieo một con xúc xắc 27 lần liên tiếp, có 9 lần xuất hiện mặt 4 chấm. Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 4 chấm”* là :  **A**.. **B**.  . **C**. . **D**.  **Câu 4:** Gieo một con xúc xắc 77 lần liên tiếp, có 11 lần xuất hiện mặt 5 chấm. Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 5 chấm”* là :  **A**.. **B**.  . **C**. . **D**.. |

D. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, HƯỚNG DẪN HỌC TẬP TẠI NHÀ (5 phút)

a) Mục tiêu: HS tổng hợp được các kiến thức về tính xác suất của biến cố bằng tỉ số giữa kết quả thuận lợi trên số kết quả có thể trong trò chơi tung đồng xu, trò chơi vòng quay số*.*

b) Nội dung: GV chốt lại kiến thức và hướng dẫn HS học tập tại nhà Bài 1,2,3 (sgk/36), trả lời câu hỏi đầu bài.

Đọc trước phần III sách giáo khoa trang 34.

Ngày dạy:

**Tiết 57:**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5 phút)

a) Mục tiêu: Ôn tập lại cách tính xác suất thực nghiệm khi bút lấy ra là bút màu xanh, lấy ra bút màu đỏ sau 50 lần lần bóng.

b) Nội dung: GV cho HS trả lời nhanh, để nhận điểm thưởng.

c) Sản phẩm: Kết quả làm bài của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Trong hộp có một bút màu xanh và một bút màu đỏ, lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả theo bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Loại bút | Bút màu xanh | Bút màu đỏ | | Số lần | *42* | *8* |   a/ Tính xác suất thực nghiệm của biến cố  *“ Bút lấy ra là bút màu xanh”.*  b/ Tính xác suất của thực nghiệm của biến cố *“ Bút lấy ra là bút màu đỏ”.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Một vài HS đứng tại chỗ trả lời miệng.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Tiết trước chúng ta đã tìm hiểu và học cách tính xác suất thực nghiệm của biến cố trong trò chơi tung đồng xu và trong trò chơi gieo xúc xắc. Trong tiết hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu cách tính xác suất thực nghiệm của biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhón đối tượng. Từ đó sẽ giúp chúng ta giải quyết câu hỏi của tình huống mở đầu. |  |

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)

Hoạt động 1: Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng, mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của một biến cố đó khi số lần thực nghiệm rất lớn.

a) Mục tiêu:

- Vận dụng tính được: Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong trò chơi chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng.

- Xác suất thực nghiệm của biến cố “ Đối tượng A được chọn ra ” khi chọn đối tượng nhiều lần bằng

- Khi số lần lấy ra ngẫu nhiên một đối tượng ngày càng lớn thì xác suất thực nghiệm của biến cố “ Đối tượng lấy ra là đối tượng A” ngày càng gần với xác suất của biến cố đó.

b) Nội dung:HS làm hoạt động 4, ví dụ 5, luyện tập 3, ví dụ 6.

c) Sản phẩm:Kết quả làm bài của HS được trình bày vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu học sinh thực hiện hoạt động 4.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV.  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Bốc thăm 2 nhóm treo bảng phụ lên bảng và đại diện thuyết trình.  - HS còn lại theo dõi và nhận xét, bổ sung, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét, chấm điểm và chính xác kết quả (chiếu ppt).  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS quan sát đọc ví dụ 5 và trả lời hoạt động 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS suy nghĩ và phát biểu.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt).  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - HS đọc và làm ví dụ 6  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm việc cá nhân, trình bày bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - 1 HS lên bảng làm bài, GV chấm vở một số HS khác trong lớp.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét và chính xác kết quả (chiếu ppt). | **1. Khái niệm**  **Hoạt động 4 (SGK/34)**  **Khái niệm (SGK/35)**  **Ví dụ 5 (SGK/35)**  **Luyện tập 3 (SGK/35)**  Xác suất thực nghiệm của biến cố “Thẻ lấy ra ghi số 1” trong trò chơi trên là: .  **Ví dụ 6 (sgk/35).** |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (8 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố các kiến thức vừa học.

b) Nội dung: HS trả lời 4 câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi.

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập: Trò chơi câu hỏi trắc nghiệm**  - HS trả lời 4 câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi (chiếu ppt),  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Các cặp đôi giơ phiếu chọn đáp án hoặc ký hiệu tay để chọn đáp án sau khi thống nhất.  - GV chọn HS có các đáp án khác giải thích vì sao chọn đáp án đó.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án:  Câu 1: **D;** Câu 2: A; Câu 3: **D**; Câu 4: **C**. | **Câu 1:**  Tỉ số là :  **A**. Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Đối tượng A không được chọn ra”.*  **B**. Số kết quả thuận lợi của biến cố*“Đối tượng A được chọn”.* .  **C**. Số kết quả không thuận lợi của biến cố *“Đối tượng A được chọn”.* .  **D**. Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Đối tượng A được chọn ra”.*  **Câu 2:** Một hộp có *1 quả bóng cam, 1 quả bóng vàng và 1 quả bóng xanh dương;* các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau . Mỗi lần lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng trong hộp, ghi lại màu của quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Trong *30* lần lấy bóng liên tiếp, quả bóng cam xuất hiện  *10* lần; quả bóng vàng xuất hiện *8* lần.  a/ Xác suất thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu cam*”.  **A**. . **B**.  . **C**.  . **D**.  **Câu 3:** Một hộp có 15 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số nguyên dương không vượt quá 15, hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Lấy ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ lấy ra và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 35 lần lấy thẻ liên tiếp, thẻ ghi số 7 được lấy ra 5 lần. thẻ ghi số 4 xuất hiện 7 lần. Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Thẻ rút ra ghi số 7”* là :  **A**. . **B**.  . **C**.  . **D**.  **Câu 4:** Một hộp có 30 thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số *1; 2; 3; 4; 5;…..; 29; 30;* hai thẻ khác nhau thì ghi số khác nhau.  Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp.  a. Xác suất của biến cố *“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số chia hết cho 5”* là :  **A**.  **B**.  . **C**.  . **D**.  . |

D. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- HS ôn tập kiến thức đã học và xem lại các ví dụ đã chữa, hoàn thành bài 4 (sgk/36).

Ngày dạy:

**Tiết 58:**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố lại các kiến thức về xác suất thực nghiệm của biến cố ngẫu nhiên trong trò chơi tung đồng xu, gieo xúc xắc, chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng thông qua các câu hỏi trắc nghiệm.

b) Nội dung: HS tham gia trả lời các câu hỏi trong trò chơi để củng cố lại kiến thức của 2 tiết học trước.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện trò chơi của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi.  - GV phổ biến luật chơi: Lớp được chia thành 3 đội. Đội nào giơ tay nhanh nhất được quyền trả lời. Nếu trả lời sai, nhường lại quyền trả lời cho đội khác. Tổng kết sau các câu hỏi, đội nào trả lời đúng nhiều câu hơn sẽ là đội giành chiến thắng.  - GV chiếu nội dung các câu hỏi trên ppt.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia đội và tham gia trò chơi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời các câu hỏi: Câu 1 – A; Câu 2 – D ; Câu 3 – B ; Câu 4 – D ; Câu 5 – B.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV tổng kết lại điểm số của các đội chơi, nhận xét tinh thần tham gia trò chơi của HS và tuyên bố đội thắng cuộc. | **Câu 1:** Tỉ số  là :  A. Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt k chấm”.*  B. Số kết quả thuận lợi của biến cố*“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt k chấm”.* .  C. Số kết quả không thuận lợi của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt k chấm”.* .  D. Cả A; B; C đều đúng.  **Câu 2:** Xác suất thực nghiệm của biến cố *“ Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N”* trong trường hợp : *Tung một đồng xu 10 lần liên tiếp , có 6 lần xuất hiện mặt N* là :  A. . B.  . C.  . D.  .  Description: C:\Users\ASUS\Pictures\Screenshots\Screenshot (76).png**Câu 3:** Hình bên mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số *1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8*. Chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa . Quay đĩa tròn một lần.  Nêu k là số kết quả thuận lợi cho biến cố thì xác suất của biến cố đó là  A. . B.  . C.  . D.  **Câu 4:** Hình bên mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số *1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8*. Chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa . Quay đĩa tròn một lần.  b/ Xác suất của biến cố *“ Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số chẵn”* là :  A. . B.  . C.  . D.  **Câu 5:** Một hộp có *1 quả bóng cam, 1 quả bóng vàng và 1 quả bóng xanh dương;* các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau . Mỗi lần lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng trong hộp, ghi lại màu của quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Trong *30* lần lấy bóng liên tiếp, quả bóng cam xuất hiện  *10* lần; quả bóng vàng xuất hiện *8* lần. Xác suất thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu vàng*”.  A. . B.  . C.  . D. |

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (30 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố các kiến thức đã học thông qua các dạng bài tập*.*

b) Nội dung: HS làm các bài tập 1, 2, 3 trong phiếu học tập

c) Sản phẩm: Lời giải của các bài tập trong phiếu học tập*.*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1: Bài 1 (PHT)**  - HS tính xác suất thực nghiệm của các biến cố sau:  + “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo hình thức cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 1: Xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu.**  **Bài 1:**  Description: Tung Đồng Xu Tiền Tay - Ảnh miễn phí trên PixabayTính xác suất thực nghiệm của biến cố *“ Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N”* trong mỗi trường hợp sau :  a/ Tung một đồng xu 25 lần liên tiếp, có 10 lần xuất hiện mặt N.  b/ Tung một đồng xu 18 lần liên tiếp , có 12 lần xuất hiện mặt S.  a) Xét biến cố *“*Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt ”.  + Có  kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: mặt  + Xác suất thực nghiệm của biến cố trên là: .  b) Xét biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N”.  + Số lần xuất hiện mặt ngửa là:  + Có  kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: mặt N.  + Xác suất thực nghiệm của biến cố trên là: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2: Bài 2 (PHT)**  - HS xác định các kết quả thuận lợi của biến cố và tính xác suất của các biến cố sau:  + “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm”.  + “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 4 chấm”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo hình thức cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 2:** | **Bài 2:**  Description: Hình ảnh Trò Chơi Súc Sắc Minh Họa Hoạt Hình Minh Họa Bảng điều Khiển Trò  Chơi Chơi Trò Chơi PNG , Clip Xúc Xắc, Trò Chơi Súc Sắc, Phim Hoạt Hìnha/ Gieo một con xúc xắc 45 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt 1 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm”.*  b/ Gieo một con xúc xắc 28 lần liên tiếp, có 16 lần xuất hiện mặt 4 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 4 chấm” .* |
| - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài làm**  + Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm”* là:  + Xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 4 chấm”* là: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3: Bài 3 (PHT)**  - HS xác định các kết quả thuận lợi của biến cố và tính xác suất thực nghiệm của các biến cố sau:  a/ *“ Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 4”.*  b/ *“ Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của 2”.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo hình thức cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 3:** Hình bên mô tả một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm tám phần bằng nhau và ghi các số 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8. Chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa . Quay đĩa tròn một lần. Tính xác suất thực nghiệm của các biến cố sau :  a/ *“ Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 4”.*  b/ *“ Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của 2”.*  Description: C:\Users\ASUS\Pictures\Screenshots\Screenshot (76).png**Bài làm**  a) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 4”  + Có 4 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: 1;2;3;4  + Xác suất thực nghiệm của biến cố trên là:  .  b) Xét biến cố “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số là bội của 2”  + Có 4 kết quả thuận lợi cho biến cố trên là:  2;4;6;8.  + Xác suất thực nghiệm của biến cố trên là:  . |

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (8 phút)

a) Mục tiêu: - HS sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất thực nghiệm của một biến cố ngẫu nhiên trong bài toán.

b) Nội dung: HS được yêu cầu thực hiện bài 5 trong phiếu học tập theo cặp.

c) Sản phẩm: Kết quả HS báo cáo theo cặp.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1: Bài 5 (PHT)**  - GV yêu cầu HS đọc bài 5 và thực hiện:  a/ Có bao nhiêu cách viết ngẫu nhiên một số tự nhiên như vậy ?  b/ Tính xác suất của mỗi biến cố sau :   * “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ” * “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho cả 2 và 5” * “Số tự nhiên được viết ra là bình phương của một số tự nhiên”.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện yêu cầu theo hình thức cặp đôi,  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Sau thời gian GV quy định, đại diện HS báo cáo kết quả.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **4. Vận dụng:**  **Bài 5:**  Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có hai chữ số nhỏ hơn 150.  a/ Có bao nhiêu cách viết ngẫu nhiên một số tự nhiên như vậy ?  b/ Tính xác suất thực nghiệm của mỗi biến cố sau :  -“Số tự nhiên được viết ra là số lẻ”  -“Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho cả 2 và 5”  -“Số tự nhiên được viết ra là bình phương của một số tự nhiên”.  **Bài làm**  a) Các số tự nhiên có 2 chữ số nhỏ hơn 150 là: .  Vậy số cách viết 1 số tự nhiên có hai chữ số nhỏ hơn 150 là:  b) Xét biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ”.  + Có kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: 11;13;15;…;97;99.  Xác suất thực nghiệm của biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ”:  Xét biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho cả 2 và 5”.  + Có kết quả thuận lợi cho biến cố trên là: 10;20;30;…;80;90.  Xác suất thực nghiệm của biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho cả 2 và 5” là:  Xét biến cố “Số tự nhiên được viết ra là bình phương của một số tự nhiên”.  Ta có:  + Có 6 kết quả thuận lợi cho biến cố trên.  Xác suất **thực nghiệm** của biến cố “Số tự nhiên được viết ra là bình phương của một số tự nhiên” là: |

D. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, HƯỚNG DẪN HỌC TẬP TẠI NHÀ (2 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh tổng hợp được các kiến thức về tính xác suất của biến cố trong trò chơi tung đồng xu, gieo xúc xắc, chọn ngẫu nhiên một đối tượng từ một nhóm đối tượng; mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của một biến cố đó khi số lần thực nghiệm rất lớn.

b) Nội dung: GV chốt kiến thức và hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ về nhà bài 2,6 trong phiếu bài tập, làm các bài tập trong sách bài tập, soạn trước bài mới.

* Hoàn thiện phiếu học tập.
* Xem và giải lại toàn bộ các bài tập đã làm trong tiết học.
* Hoàn thành bài 2,6 trong PBT.
* Làm các bài tập trong sách bài tập:…
* Soạn trước bài mới.

Ký duyệt:

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: |  |

**TIẾT 59 + 60. BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VI**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được ôn tập các kiến thức về:

- Một số yêu tố thống kê và xác suất gồm: Thu thập, phân loại. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên. Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản.

- Vận dụng kiến thức đã học về thống kê và xác suất để làm các bài toán thực tiễn đơn giản.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS hiểu được vấn đề cần giải quyết trong mỗi bài tập, thực hiện được việc trình bày, diễn đạt nội dung các bài tập, sử dụng tốt ngôn ngữ toán học để diễn đat; thể hiện sự tự tin khi trình bày bài tập trước lớp.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực sử dụng công cụ , phương tiện toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bảng phụ, máy chiếu, phiếu học tập, máy tính cầm tay.

**2. Học sinh:** Bảng nhóm, máy tính cầm tay.

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày dạy: /3/2024

**Tiết 59**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (khoảng 3 phút)

**a) Mục tiêu :**

- Giúp HS ôn tập lại kiến thức bằng trò chơi trắc nghiệm đơn giản.

- Tạo cho HS sự tự tin, không khí phấn khởi để bước vào tiết học.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu trò chơi trắc nghiệm: AI NHANH HƠN.

**Thời gian chơi**: 3 phút

**Luật chơi**: Học sinh cả lớp cùng chơi. Sau khi đưa ra câu hỏi trên máy chiếu, các học sinh chọn đáp án đúng của mình. Sau 5 giây giơ đáp án lên. Học sinh nào đưa ra đáp án đúng thì đứng tại chỗ. Học sinh đưa ra đáp án sai hoặc phạm luật thì không được điểm. Học sinh nào trả lời đúng hết các đáp án mỗi câu hỏi đc 10 điểm.

Cộng lại cả cuộc chơi thì là người thắng cuộc sẽ giành được giải thưởng là quà của GV.

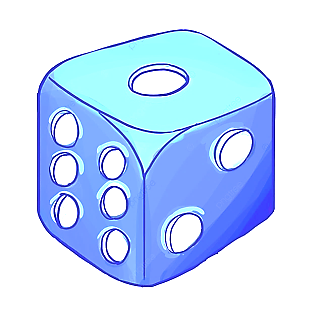
**Câu 1:** Các món ăn yêu thích của học sinh lớp 8A ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Món ăn ưa thích | Gà rán | Xúc xích | Chân gà | Bánh mì que |
| Số bạn yêu thích | 5 | 8 | 15 | 2 |

Dữ liệu định lượng trong bảng là:

**A**. Món ăn ưa thích: Gà rán, xúc xích, chân gà, Bánh mì que.

**B**. Số bạn yêu thích: .

**C**. Gà rán, xúc xích, chân gà, bánh mì que: .

**D**. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 2:**

a/ Gieo một con xúc xắc 45 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt 1 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố *“Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm”.*

A. B. C. D. Đáp án khác A, B, C

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 3:**  Một công ty kinh doanh vật liệu xây dựng có bốn kho hàng có 50 tấn hàng. Kế toán của công ty lập biểu đồ cột kép ở hình bên biểu diễn số lượng vật liệu đã xuất bán và số lượng vật liệu còn tồn lại trong mỗi kho sau tuần lễ kinh doanh đầu tiên.  Kế toán đã ghi nhầm số liệu của một kho trong biểu đồ cột kép đó. Theo em, kế toán đã ghi nhầm số liệu ở kho nào ?  **A**.Kho 1. **B**.Kho 2 và kho 4  **C**.Kho 1 và kho 3. **D**.Kho 4. |  |

**Câu 4.**

Gieo ngẫu nhiên xúc xắc một lần. Tính xác suất của các biến cố sau :

*“ Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia hết cho* *”.*

A. 1 B. 2 **C.** 3. D. 4

**c) Sản phẩm:** Đáp án:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 |
| B | B | D | C |

**d)Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:*** *GV chiếu nội dung bài tập lên màn hình và yêu cầu học sinh:* Thực hiện theo yêu cầu.

***\* HS thực hiện nhiệm vụ :*** Thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân.

***\* Báo cáo, thảo luận:***HS giơ tay phát biểu cá nhân.

- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.

**Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh:** Thông qua quá trình trải nghiệm, quan sát, phân loại, lựa chọn từ đó góp phần phát triển năng lực: *tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.*

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (khoảng 35 phút)

**1. Hoạt động 1: Ôn tập về thống kê** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs ôn tập được các kiến thức về thống kê thông qua việc làm các bài tập

- Vận dụng kiến thức đã học về thống kê để làm các bài toán thực tiễn đơn giản.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu làm theo nhóm các bài tập 1; 2 trong PHT SỐ 1; SỐ 2

**c) Sản phẩm:**  Lời giải các bài tập1, 2 trong PHT SỐ 1; SỐ 2 của học sinh được ghi vào BP.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:***GV chiếu nội dung bài tập 1trong PHT SỐ 1 lên màn hình và yêu cầu học sinh:(phiếu học tập dưới phụ lục)* |  |
| Làm bài tập 1; 2 theo nhóm vào BP:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thảo luận, thống nhất với các bạn cách làm và làm vào BP.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hai nhóm làm cùng một bài đổi chéo cho nhau để kiểm tra và chấm điểm theo biểu điểm giáo viên đưa ra (sau khi HS đã kiểm tra xong)  - GV chọn mỗi bài một nhóm có điểm cao treo lên bảng.  **\* Kết luận, nhận định:**  Là các kết luận trong phiếu học tập | **PHT SỐ 1**  **Bài tập 1**:Điền vào chỗ (...) hoàn thành các câu sau:   1. Quan sát, lập phiếu điều tra (phiếu hỏi), tiến hành phỏng vấn,… 2. Những tiêu chí đưa ra 3. Những tiêu chí đưa ra 4. Bảng, biểu đồ thích hợp 5. Bảng, biểu đồ thích hợp 6. Tập dữ liệu 7. Liên hệ toán học đơn giản 8. Tính toán và suy luận toán học 9. Mối liên hệ toán học giữa các số liệu đó.   **PHT SỐ 2**  **Bài tập 2**  **Bài 4 (Trang 38 – Sgk)**  a) Các kết quả thuận lợi cho biến cố "Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số chia cho 4 dư 3" là 3; 7. Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố đó. Vậy xác suất của biến cố là: 2/8 =1/4.  b) Các kết quả thuận lợi cho biến cố "Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số chỉ có đúng một ước nguyên tố" là 2; 3; 4; 5; 7; 8. Có 6 kết quả thuận lợi cho biến cố đó. Vậy xác suất của biến cố là: 6/8 = 3/4 |
| **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh:** Thông qua việc xác định được tình huống, cách thức, nhận xét, sử dụng các phép toán, máy tính cầm tay để làm các bài tập. Từ đó góp phần phát triển năng lực: *tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học.* | |

**2 Hoạt động 2: Ôn tập về xác suất** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs ôn tập được các kiến thức về xác suất thông qua việc làm các bài tập;

- Vận dụng kiến thức đã học về xác suất để làm các bài toán thực tiễn đơn giản.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu làm theo nhóm bàn các bài tập 3 trong PHT SỐ 3

**BÀI TẬP 3.** Mẹ Lan làm nghề bán bún chả, do dịch Côvid xảy ra ngày càng trầm trọng địa phương yêu cầu bán hàng đem về. Số lượng bát bún bán được trong tuần ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | Hai | Ba | Tư | Năm | Sáu | Bảy | Chủ nhật |
| **Số lượng bát** | 30 | 35 | 28 | 40 | 37 | 48 | 50 |

a) Tính tổng số lượng bát bún mẹ Lan bán được trong một tuần? Ngày mẹ bán được nhiều bát bún nhất là ngày nào, bao nhiêu bát?

b) Vẽ biểu đồ thể hiện số lượng bát bún mẹ Lan bán được trong một tuần.

c) Tính số tiền mẹ thu được trong một tuần nhờ việc bán bún biết mỗi bát có giá  đ?

**Nội dung**:

**c) Sản phẩm:**  Lời giải các bài tập 2 trong PHT SỐ 2 của học sinh được ghi vào BP.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**  *GV chiếu nội dung bài tập 3 trong PHT SỐ 3 lên màn hình và yêu cầu học sinh:(phiếu học tập dưới phụ lục)*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thảo luận, thống nhất với các bạn cách làm và làm vào BP.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hai nhóm làm cùng một bài đổi chéo cho nhau để kiểm tra và chấm điểm theo biểu điểm giáo viên đưa ra( sau khi HS đã kiểm tra xong)  - GV chọn mỗi bài một nhóm có điểm cao treo lên bảng.  **\* Kết luận, nhận định:**  Là các kết luận trong phiếu học tập số 3 | **PHT Số 3**  **Bài tập 3**  a) Tổng số lượng bát bún mẹ Lan bán được trong một tuần là:  (bát)  Ngày chủ nhật mẹ bán được nhiều bát bún nhất, là  bát.  c) Số tiền mẹ thu được trong một tuần nhờ việc bán bún là:  (đồng) |
| **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh:** Thông qua việc xác định được tình huống, cách thức, nhận xét để làm các bài tập. Từ đó góp phần phát triển năng lực: *tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.* | |

b) Vẽ biểu đồ thể hiện số lượng bát bún mẹ Lan bán được trong một tuần.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (khoảng 8 phút):

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về thống kê và sắc xuất để tính toán trong thực tế

**b) Nội dung:** HS vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học trong chương thực hiện các bài tập GV giao.

**c) Sản phẩm:** HS thực hiện hoàn thành đúng kết quả các bài tập được giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**+ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập

**Bài 5** (SGK – tr38).

**+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV.

- GV dẫn dắt, hướng dẫn, hỗ trợ các HS.

**+ Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hoạt động cặp đôi: Đại diện hai học sinh trình bày bảng.

- Hoạt động nhóm: Các thành viên tích cực tham gia thảo luận hoàn thành yêu cầu; đại diện các nhóm trình bày kết quả của nhóm.

**Kết quả:**

**Bài 5 (Trang 38 – Sgk)**

a) Khi số lần lấy thẻ càng lớn thì xác suất thực nghiệm của biến cố "Thẻ lấy ra ghi số chẵn" ngày càng gần xác suất của biến cố đó.

Khi số lần lấy thẻ càng lớn thì xác suất thực nghiệm của biến cố "Thẻ lấy ra ghi số lẻ" ngày càng gần xác suất của biến cố đó.

b) Các kết quả thuận lợi cho biến cố "Thẻ lấy ra ghi số chẵn" là 2, 4. Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố. Do đó, xác suất của biến cố đó là: 25.

**+ Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và đánh giá mức độ tích cực tham gia hoạt động nhóm của HS.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn lại toàn bộ kiến thức trong chương.

- Hoàn thành các bài tập SBT.

Ngày dạy: /3/2024

**Tiết 60**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu :**

- Giúp HS ôn tập lại kiến thức bằng trò chơi trắc nghiệm đơn giản:

LẬT MẢNH GHÉP

**Thời gian chơi**: 5 phút

**Quản trò**: Giáo viên

**Trọng tài**: Lớp trưởng

**Luật chơi**: Học sinh cả lớp cùng chơi. Sau khi đưa ra câu hỏi trên máy chiếu, các học sinh chọn đáp án đúng của mình. Sau 5 giây giơ đáp án lên. Học sinh nào đưa ra đáp án đúng thì được thưởng 10 điểm. Học sinh đưa ra đáp án sai hoặc phạm luật thì không được cộng điểm và nhường câu TL cho HS khác. Tổ nào trả lời được nhiều điểm nhất thì là tổ thắng cuộc sẽ giành được giải thưởng.

GV cuối cuộc chơi sẽ lật mảnh ghép.

- Tạo cho HS sự tự tin, không khí phấn khởi để bước vào tiết học.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu trò chơi trắc nghiệm

**Câu 1:** Cho bảng thống kê tỉ lệ các loại mẫu vật trong bảo tàng sinh vật của môi trường đại học về những lớp động vật có xương sống : *Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Động vật có vú.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp động vật | Cá | Lưỡng cư | Bò sát | Chim | Động vật có vú | Tổng |
| Tỉ lệ mẫu vật (%) | 15% | 10% | 20% | 25% | 30% | 101% |

Giá trị chưa hợp lí trong bảng dữ liệu là :

**A**. Dữ liệu về tên các lớp động vật. **B**. Dữ liệu tỉ lệ mẫu vật.

**C**.A & B đều đúng. **D**. A & B đều sai.

**Câu 2:** Trong các dữ liệu sau dữ liệu nào là dữ liệu định tính?

**A**. Số huy chương vàng mà các động viên đã đạt được.

**B**. Danh sách các động viên tham dự Olympic 2021: *Nguyễn Văn Hoàng,……*

**C**. Số học sinh nữ của các tổ trong lớp 7A.

**D**. Năm sinh của các thành viên trong gia đình em.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 3:**  Bạn Châu vẽ biểu đồ hình quạt tròn như hình bên để biểu diễn tỉ lệ các loại sách trong thư viện : *Khoa học (KH), Kĩ thuật và công nghệ (KT & CN), Văn học và Nghệ thuật (VH – NT); Sách khác.* Những dữ liệu mà bạn Châu nêu ra trong biểu đồ hình quạt tròn dữ liệu nào chưa hợp lí ? |  |

**A**.Sách khác. **B**.KH. **C**.KT - CN. **D**.VH – NT

**Câu 4**. Gieo một xúc xắc 30 lần liên tiếp, bạn Vinh đếm được mặt 2 chấm xuất hiện 4 lần. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố: “ Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 2 chấm” **A**. 2/5 **B**. 14  **C**. 15/2 **D**. 1/30

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 5.**  Một công ty kinh doanh  vật liệu xây dựng có 5 kho hàng,  mỗi kho có 100 tấn hàng. Kế toán  đã lập biểu đồ cột kép biểu diễn  số lượng vật liệu đã xuất và số  lượng vật liệu tồn kho sau một  tuần kinh doanh. Kế toán đã ghi  nhầm số liệu của kho nào trong  biểu đồ cột kép?  **A**. Kho 1 **B**. Kho 2 và 4  **C.** Kho 4 **D.** Kho 1 và 3 |  |

**Câu 6:** Một hộp có 1 quả bóng màu xanh, 1 quả bóng màu đỏ, 1 quả bóng màu vàng, các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần bạn Lan lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng trong hộp và ghi lại màu của quả bóng lấy ra. Trong 45 lần lấy bóng liên tiếp, quả bóng màu xanh xuất hiện 15 lần, quả bóng màu đỏ xuất hiện 20 lần. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố: “Quả bóng lấy ra là bóng màu vàng” trong trò chơi trên:

**A**. 2/9 **B**. 3/9  **C**. 4/9 **D**. 1/3

**c) Sản phẩm:** Đáp án:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 |
| B | B | A | A | C | A |

**d)Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:*** *GV chiếu nội dung bài tập lên màn hình và yêu cầu học sinh:* Thực hiện theo yêu cầu.

***\* HS thực hiện nhiệm vụ :*** Thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân.

***\* Báo cáo, thảo luận:***HS giơ tay phát biểu cá nhân.

- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (khoảng 35 phút)

**1. Hoạt động 1: Ôn tập về thống kê** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs ôn tập được các kiến thức về thống kê thông qua việc làm các bài tập

- Vận dụng kiến thức đã học về thống kê để làm các bài toán thực tiễn đơn giản.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu làm theo nhóm các bài tập 1 trong PHT SỐ 1

**Bài tập 1**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Biểu đồ cột biểu diễn số học sinh chọn các loại nước trong buổi liên hoan để uống gồm : nước cam, nước dừa, nước chanh, nước mía, mỗi học sinh đều đã uống đúng một loại nước. Nêu cách xác định số người chọn loại nước là nước chanh? |  |

2. Biểu đồ cột ở hình vẽ bên biểu diễn tỉ lệ về giá trị đạt được của khoáng sản xuất khẩu nước ngoài của nước ta *(tính theo tỉ số phần trăm)*.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| a/ Lập bảng thống kê tỉ lệ về giá trị đạt được của khoáng sản xuất khẩu nước ngoài của nước ta theo mẫu sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Khoáng sản** | **Dầu** | **Than đá** | **Sắt** | **Vàng** | | **Tỉ lệ phần trăm (%)** |  |  |  |  | |  |

b/ Khoáng sản nào có tỉ lệ phần trăm xuất khẩu nước ngoài cao nhất ? thấp nhất ?

c/ Dựa vào biểu đồ trên người ta có một nhận

định cho rằng tỉ lệ than đá xuất khẩu nước ngoài gấp 5 lần so với vàng . Theo em nhận đó đúng không ? Vì sao?

**c) Sản phẩm:**  Lời giải các bài tập1 trong PHT SỐ 1của học sinh được ghi vào BP.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  *GV chiếu nội dung bài tập 1 trong PHT SỐ 1 lên màn hình và yêu cầu học sinh: (phiếu học tập dưới phụ lục)*  Làm bài tập 1 theo nhóm vào BP:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thảo luận, thống nhất với các bạn cách làm và làm vào BP.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm trình bày sp của mình  Các nhóm nhận xét chéo cho nhau để kiểm tra và chấm điểm theo biểu điểm giáo viên đưa ra (sau khi HS đã kiểm tra xong)  - GV chọn mỗi bài một nhóm có điểm cao treo lên bảng.  **\* Kết luận, nhận định:**  Là các kết luận trong phiếu học tập  GV: Chốt kiến thức liên quan | **PHT SỐ 1**  **Bài tập 1**:  1. Nhìn vào biểu đồ cột biểu diễn số học sinh chọn các loại nước trong buổi liên hoan, ta thấy cột nước chanh có số ghi trên đầu cột là 11.Vậy số người chọn loại nước là nước chanh là 11 người.  2. a/ Lập bảng thống kê tỉ lệ về giá trị đạt được của khoáng sản xuất khẩu nước ngoài của nước ta   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Khoáng sản | Dầu | Than đá | Sắt | Vàng | | Tỉ lệ phần trăm (%) | 60 | 25 | 10 | 5 |   b/ Khoáng sản có tỉ lệ phần trăm xuất khẩu nước ngoài cao nhất là dầu và thấp nhất là vàng.  c/ Dựa vào biểu đồ trên người ta có một nhận định cho rằng tỉ lệ than đá xuất khẩu nước ngoài gấp 5 lần so với vàng là đúng vì: than đá xuất khẩu đi là 25% còn vàng là 5%. Ta có:  (lần) |

**2. Hoạt động 2: Ôn tập về xác suất** (khoảng 13 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs ôn tập được các kiến thức về sắc xuất thông qua việc làm các bài tập;

- Vận dụng kiến thức đã học về xác suất để làm các bài toán thực tiễn đơn giản.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu làm theo nhóm các bài tập 2

**Bài tập 2.**

**2.1.** Một hộp có 20 thẻ cùng loại , mỗi thẻ được ghi một trong các số 1; 2; 3; .....;20 hai thẻ khác nhau thì ghi số khác nhau.

Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp. Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

a/ *“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số có chữ số tận cùng là 2 ”*

b/ *“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số có một chữ số”*

c/ *“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số có hai chữ số với tích các chữ số bằng 4 ”*

**2.2.** a/ Gieo một con xúc xắc 40 lần liên tiếp, có 18 lần xuất hiện mặt 6 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 6 chấm”

b/ Gieo một con xúc xắc 20 lần liên tiếp, có 8 lần xuất hiện mặt 1 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm”

**Nội dung**:

**c) Sản phẩm:**  Lời giải các bài tập 2 của học sinh được ghi vào BP.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Học sinh làm việc cặp đôi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Học sinh làm việc cặp đôi trong thời gian quy định và làm vào BP.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hai học sinh cùng bàn bài kiểm tra kết quả  - GV chọn đại diện 1 bài một học sinh chiếu lên bảng chữa mẫu.  Các bàn khác tự NX bài của mình hoặc NX chéo.  **\* Kết luận, nhận định:**  Là các kết luận trong phiếu học tập  GV: Chốt kiến thức liên quan | **Bài tập 2**  **2.1***.*a/ Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố *“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số có chữ số tận cùng là 2 ”* đó là 2 và 12  Vì thế xác suất của biến cố đó là  2/20 = 1/10  b/ Có 9 kết quả thuận lợi cho biến cố *“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số có một chữ số”* đó là 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9.  Vì thế xác suất của biến cố đó là 9/20  c/ Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố *“ Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số có hai chữ số với tích các chữ số bằng* 4 *”* đó là 14. Vì thế xác suất của biến cố đó là 1/20  2.2. a**/** Xác suất thực nghiệm của biến cố  “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 6 chấm” là: 18/40 = 9/20  b/ Xác suất thực nghiệm của biến cố  “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm” là: 8/20 = 2/5 |
| **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh:** Thông qua việc xác định được tình huống, cách thức, nhận xét để làm các bài tập. Từ đó góp phần phát triển năng lực: *tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.* | |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (khoảng 12 phút):

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về thống kê và xác suất để ứng dụng vào thực tế.

**b) Nội dung:** - Học sinh được yêu cầu làm theo cá nhân bài tập 3

**Bài tập 3**.

1. Gieo ngẫu nhiên xúc xắc một lần. Tính xác suất của các biến cố sau :

a/ *“ Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia hết cho* *”.*

b/ *“ Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia hết cho* *”.*

c/ *“ Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia hết cho*  *dư* *”.*

2. Một hộp có  *quả bóng vàng,*  *quả bóng hồng và*  *quả bóng đỏ;* các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần lấy ngẫu nhiên  quả bóng trong hộp, ghi lại màu của quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp.

Trong50 lần lấy bóng liên tiếp, quả bóng vàng xuất hiện 8 lần; quả bóng hồng xuất hiện 10 lần.

a/ Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu vàng*”.

b/ Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu hồng*”.

c/ Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu đỏ*”.

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài tập 3

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  *GV chiếu nội dung bài tập số 3 lên màn hình và yêu cầu học sinh:* Làm  *việc* theo nhóm bàn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Học sinh làm việc nhóm bàn trong thời gian quy định và làm vào BP.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Là các kết luận trong phiếu học tập  - Học sinh cùng bàn bài kiểm tra kết quả  - GV chọn đại diện 1 bài của 1 bàn học sinh chiếu lên bảng chữa  - Các bàn khác thu để GV chấm sau.  **\* Kết luận, nhận định:**  Là các kết luận trong phiếu học tập  GV: Chốt kiến thức liên quan | **3. 1.** a/ Có 3 kết quả thuận lợi cho biến cố *“ Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia hết cho 2”* đó là mặt 2 chấm ; mặt 4 chấm; mặt 6 chấm.  Vì thế xác suất của biến cố đó là  .  b/ Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố *“ Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia hết cho 3”* đó là mặt 3 chấm; mặt 6 chấm.  Vì thế xác suất của biến cố đó là  .  c/ Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố *“ Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia hết cho 5 dư 1”* đó là mặt 6 chấm. Vì thế xác suất của biến cố đó là  .  **2.** a) Xs thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu vàng*” là:  8/50 = 2/25  b) Xác suất thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu hồng*” là: 10/50 = 1/5  c) Số lần xuất hiện quả bóng màu đỏ là:  50 – 8 – 10 = 32 (lần)  Xác suất thực nghiệm của biến cố “*Quả bóng lấy ra là quả bóng màu đỏ*”là: 32/50 = 16/25 |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (5 phút)

- Xem lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Bài tập về nhà:

**Bài 1**. Một hộp đựng 30 quả bóng cùng kích thước và khối lượng, với ba màu xanh, đỏ và trắng, trong đó số bóng đỏ gấp 2 lần số bóng xanh, số bóng trắng gấp 3 lần số bóng xanh. An lấy ngẫu nhiên một quả bóng từ trong hộp. Tính xác suất để An lấy được quả bóng màu trắng.

**Bài giải**

Vìsố bóng đỏ gấp 2 lần số bóng xanh, só bóng trắng gấp 3 lần số bóng xanh nên số quả bóng xanh có trong hộp là: (quả)

Số quả bóng trắng có trong hộp là: (quả)

An lấy ngẫu nhiên một quả bóng từ trong hộp. Nên xác suất để An lấy được quả bóng màu trắng là 

**Bài 2.**Biểu đồ cột biểu diễn trị giá xuất khẩu hàng hóa của ngành khai khoáng qua các năm 2018, 2019, 2020, 2021.

a/ Lập bảng thống kê trị giá xuất khẩu hàng hóa của ngành khai khoáng qua các năm trên *(đơn vị: triệu đô la Mỹ)* theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | | Trị giá xuất khẩu  ( triệu đô la Mỹ) | ? | ? | ? | ? | | *(Nguồn : Tổng cục thống kê)* |

b/ Tính tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của nghành khai khoáng qua các năm 2018, 2019, 2020, 2021.

c/ Căn cứ vào số liệu thống kê trên: *“Năm 2021 trị giá xuất khẩu hàng hóa của ngành khai khoáng tăng bao nhiêu triệu đô la Mỹ so với năm 2020*?

Ký duyệt:

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: |  |

**TIẾT 61 + 62 + 64 + 65.**

**CHƯƠNG VII. Bài 1: PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN (Phần 1)**

Thời gian thực hiện: 4 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:** Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.

Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất.

- Thực hiện giải được phương trình bậc nhất một ẩn.

**2. Về năng lực:**

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận diện được phương trình bậc nhất một ẩn; nhận biết nghiệm của phương trình.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn, nhận diện nghiệm của phương trình.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ hoặc máy chiếu, hình ảnh minh họa một số bài toán thực tiến liên quan đến phương trình bậc nhất một ẩn.

**2. Học sinh:** SGK, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày dạy:

**Tiết 61:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** *HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới. Gợi động cơ tìm hiểu về phương trình bậc nhất một ẩn.*

**b) Nội dung:** *HS quan sát hình ảnh 1 (sgk trang 39) để tìm ra sự đặc biệt của hệ thức vừa tìm được.*

**c) Sản phẩm:** *HS phát hiện ra được hệ thức vừa tìm được là một phương trình bậc nhất một ẩn.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV giới thiệu bài toán, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  Ta có thể tìm được khối lượng của hộp màu tím không? Tìm bằng cách nào?  Do cân thăng bằng nên ta có hệ thức nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động cặp đôi thực hiện nghiệm vụ GV vừa yêu cầu.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số cặp HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung  **\* Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới. | - Quan sát *hình 1,* mỗi hộp màu tím đặt lên đĩa cân có khối lượng là *,* còn mỗi hộp màu vàng có khối lượng là . Gọi lần lượt là các biểu thức biểu thị tổng khối lượng của các hộp xếp ở đĩa cân bên trái, đĩa cân bên phải.    Ta có thể tìm được khối lượng của hộp màu tím *.*Tìm bằng cách: Do cân thăng bằng nên ta có hệ thức .  - Hệ thức  gợi nên khái niệm nào trong toán học? |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (10 phút)

**Hoạt động 1: Nhận biết phương trình một ẩn**

a) Mục tiêu: *Học sinh viết được biểu thức, hệ thức về sự bằng nhau của hai biểu thức này từ Hoạt động 1.*

b) Nội dung: *HS quan sát hoạt động 1 trong SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.*

c) Sản phẩm: *HS phát hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn.*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV giới thiệu nội dung mật thư 1 cần hoàn thiện (phần màu đỏ là nội dung học sinh điền).  - Chia lớp thành 7 nhóm ( mỗi nhóm 6-7 HS).  - Đánh số thứ tự của mỗi thành viên trong nhóm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Tham gia giải mật thư 1 (3p)  - Trao đổi thống nhất trong nhóm. (2p)  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV gọi số thứ tự tùy ý, tất cả các bạn cùng một số thứ tự trong 7 nhóm mang mật thư 1 dán lên bảng  - GV chiếu nội dung đáp án mật thư  - 2 HS lên bảng kiểm tra nội dung mật thư của các bạn trên bảng, nhận xét, bổ sung ( nếu cần)  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét chung quá trình giải mật thư và trao đổi thống nhất của nhóm.  ? Sau nội dung của mật thư 1 chúng ta tìm được kiến thức trọng tâm nào?  - Khái niệm phương trình một ẩn | **I. Mở đầu về phương trình một ẩn**  **1. Nhận biết phương trình một ẩn.**  **\*Nội dung mật thư 1**  **a) Hoạt động 1.** *Quan sát hình 1 (sgk/ 39)*  - Biểu thức  biểu thị tổng khối lượng của các hộp xếp ở đĩa cân bên trái là:    - Biểu thức  biểu thị tổng khối lượng của các hộp xếp ở đĩa cân bên phải là:    - Hệ thức thể hiện sự bằng nhau của hai biểu thức trên là:  **b)** **Nhận xét**: Hệ thức  là một phương trình với ẩn số , trong đó vế trái là biểu thức  và vế phải là biểu thức  **c) Khái niệm**  Một phương trình với ẩn  có dạng , trong đó vế trái  và vế phải  là hai biểu thức của cùng một biến . |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (22 phút)

a) Mục tiêu: *Học sinh củng cố kiến thức đã học qua một số bài tập: Nhận diện phương một ẩn. Viết phương trình một ẩn.*

b) Nội dung: *Học sinh hoàn thành các bài tập.*

*Bài 1; 2;3*

c) Sản phẩm: *Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.*

*- Nhận diện vế trái, vế phải của phương trình một ẩn.*

*- Viết phương trình một ẩn.*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu HS làm bài tập 1:  **Bài 1 (Bài 6. Sgk. Tr 44).** Hình tam giác và hình chữ nhật ở hình 3 có cùng chu vi . Viết phương trình biểu thị sự bằng nhau của chu vi hình tam giác, hình chữ nhật đó.  - Viết biểu thức biểu thị chu vi hình tam giác, hình chữ nhật.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện cá nhân theo yêu cầu của gv  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Với mỗi yêu cầu của GV, GV yêu cầu một số HS xung phong trả lời.  - Hs lắng nghe, HS nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa đáp án, chữa các lỗi sai HS hay mắc phải, chốt kiến thức | **1. Dạng 1 : Viết phương trình một ẩn**  **Bài 1 (Bài 6. Sgk. Tr 44).**    **Giải**  Chu vi hình tam giác là:  Chu vi hình chữ nhật là  Phương trình biểu thị sự bằng nhau của chu vi hình tam giác, hình chữ nhật đã cho là: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Yêu cầu HS làm bài tập 2:  **Bài 2**. Bác An gửi tiết kiệm  triệu đồng với kì hạn 12 tháng và lãi suất là . Đến cuối kì (tức là sau  năm), bác An thu được thu được số tiền cả vốn lẫn lãi là  triệu đồng.  a) Viết biểu thức tính số tiền lãi mà bác An nhận được sau  năm theo .  b) Viết phương trình ẩn  biểu thị số tiền bác An thu được là  triệu đồng.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện yêu cầu của GV (nhóm 4)  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Với mỗi yêu cầu của GV, GV yêu cầu HS đại diện mỗi nhóm trả lời.  - Hs lắng nghe, hs nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa đáp án, chữa các lỗi sai HS hay mắc phải, chốt kiến thức | **Bài 2**.  **Giải**  a) Số tiền lãi mà bác An nhận được sau  năm là:  (triệu đồng).  b) Số tiền bác An thu được sau  năm cả vốn lẫn lãi là:  (triệu đồng). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Yêu cầu HS làm bài tập 3:  **Bài 3:** (Bài 7. Sgk.Tr 44) Trong một cửa hàng bán thực phẩm, bạn Loan nhìn thấy cô bán hàng dùng một chiếc cân đĩa. Bên đĩa thứ nhất cô đặt một quả nặng ; bên đĩa thứ hai cô đặt hai gói hàng cùng cân nặng  và ba quả cân nhỏ, mỗi quả cân đó nặng . Bạn Loan thấy cân thăng bằng. Viết phương trình biểu thị sự thăng bằng của cân khi đó.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện yêu cầu của GV (nhóm đôi)  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Với mỗi yêu cầu của GV, GV yêu cầu HS đại diện ba nhóm trả lời.  - Hs lắng nghe, hs nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa đáp án, chữa các lỗi sai HS hay mắc phải, chốt kiến thức | **Bài 3.**  **Giải**  Cân nặng bên đĩa cân thứ hai là  Phương trình biểu thị sự thăng bằng của cân khi đó là |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

a) Mục tiêu: *Hs luyện tập các kiến thức vừa học: nhận diện được phương trình một ẩn; Viết được phương trình một ẩn.*

b) Nội dung: *HS chơi trò chơi “Rùa và Thỏ” bằng cách trả lời các câu hỏi về nhận diện và viết phương trình một ẩn, từ đó hiểu rõ hơn về phương trình một ẩn .*

c) Sản phẩm: *Học sinh:*

*- Nhận biết được phương trình một ẩn.*

*- Viết được phương trình một ẩn.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV chia lớp thành 2 đội, chơi trò chơi “Rùa và Thỏ” xem đội nào trả lời được nhiều câu hỏi hơn.  + Mỗi câu là đáp án của mỗi câu hỏi nhỏ, có tổng  câu hỏi.  + Đội nào giơ tay nhanh hơn sẽ được trả lời, sai thì sẽ chuyển cho đội kia trả lời.  + Mỗi câu trả lời đúng được ghi nhận 1 điểm. Đội nào trả lời được nhiều câu hơn sẽ dành chiến thắng.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chơi trò chơi trên theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV ghi nhận và nhận xét từng câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả, ghi nhận đội thắng cuộc, nhấn mạnh lại các kiến thức đã học. | **Câu 1:** Trong các phương trình sau, phương trình nào không phải là phương trình một ẩn  A.  B.  C.  D.  **Đáp án: D**  **Câu 2:** Một số có hai chữ số, trong đó chữ số hàng đơn vị là  và chữ số hàng chục gấp  lần chữ số hàng đơn vị. Nếu đổi chỗ hai chữ số cho nhau thì được một số nhỏ hơn số đã cho  đơn vị. Phương trình ẩn  thể hiện điều trên là:  A.  B.  C.  D.  **Đáp án: A**  **Câu 3:** Năm nay mẹ 39 tuổi, gấp 3 lần tuổi của Lan năm ngoái. Bằng cách kí hiệu  là tuổi của Lan năm nay, phương trình ẩn  để biểu thị điều này là: A. B.  C.  D.  **Đáp án: C**  **Câu 4.** Bạn Mai mua cả sách và vở hết nghìn đồng. Biết rằng số tiền mua sách nhiều gấp rưỡi số tiền mua vở. Kí hiệu nghìn đồng là số tiền mua vở, phương trình ẩn  thể hiện điều trên là:  A.  B.  C.  D.  **Đáp án: A** |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- GV nhấn mạnh HS cần học thuộc khái niệm phương trình một ẩn. Cách nhận diện phương trình một ẩn.

- GV yêu cầu HS đọc trước phần “II. Phương trình bậc nhất một ẩn”.

- Làm bài tập sau:

**Bài 1.** Năm nay tuổi bố gấp  lần tuổi Nam. Bố tính rằng sau  năm nữa tuổi bố chỉ còn gấp lần tổi Nam. Gọi  là số tuổi của Nam năm nay, hãy viết phương trình ẩn  thể hiện điều trên.

**Bài 2.** Một đội thợ mỏ theo kế hoạch mỗi ngày phải khai thác than. Do cải tiến kĩ thuật, mỗi ngày đội đã khai thác được than. Vì thế đội đã hoàn thành kế hoạch xong trước một ngày và còn vượt mức dự định . Biết số than theo kế hoạch phải khai thác là . Hãy viết phương trình thể hiện điều trên.

Ngày dạy:

**Tiết 62**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo hứng thú cho học sinh đi vào tìm hiểu kiến thức mới: nhận biết nghiệm của phương trình.

**b) Nội dung:** HS chơi trò chơi ô chữ may mắn để ôn lại về tính giá trị của biểu thức tại giá trị cụ thể của biến, từ đó nảy sinh tình huống về khía niệm nghiệm của phương trình.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại cách tính giá trị của biểu thức, so sánh giá trị biểu thức.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phổ biến nội quy trò chơi “Ô may mắn”.  + Mỗi ô tương ứng là một câu hỏi nhỏ, có tổng 5 câu hỏi + 1 ô may mắn  + HS nào giơ tay nhanh hơn sẽ được trả lời, sai thì sẽ chuyển cho HS khác trả lời.  + Mỗi câu trả lời đúng lật mảnh ghép.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chơi trò chơi trên theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV ghi nhận và nhận xét từng câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả, ghi nhận đội thắng, nhấn mạnh lại các kiến thức đã học.  **\* ĐVĐ**: Tại  biểu thức  và  đều có giá trị bằng , khi đó  được gọi là nghiệm của phương trình .  *Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay để biết nghiệm của phương trình và cách kiểm tra.* | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | | **N** | **G** | **H** | **I** | **Ệ** | **M** |   Ô chữ gồm:   * 1 ô may mắn * 5 ô còn lại ứng với các câu hỏi sau:   **Câu 1:** Tính giá trị của biểu thức  tại  **Đ/S:**  **Câu 2:** Tính giá trị của biểu thức  tại  **Đ/S:**  **Câu 3:** Tính giá trị của biểu thức  tại  **Đ/S:**  **Câu 4:** Tính giá trị của biểu thức  tại  **Đ/S:**  **Câu 5:** Tính giá trị của biểu thức  và  tại  **Đ/S:**  và |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (10 phút)

**Hoạt động 1: Nhận biết khái niệm nghiệm của phương trình.**

a) Mục tiêu: *HS ghi nhớ khái niệm nghiệm của phường tình. Biết cách kiểm tra nghiệm của phương trình.*

b) Nội dung: *HS quan sát hoạt động  trong SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.*

c) Sản phẩm: *HS phát biểu được khái niệm nghiệm của phương trình.*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV giới thiệu nội dung mật thư 2 cần hoàn thiện (phần màu đỏ là nội dung học sinh điền).  - Chia lớp thành 7 nhóm ( mỗi nhóm 6-7 HS).  - Đánh số thứ tự của mỗi thành viên trong nhóm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Tham gia giải mật thư 1 (3p)  - Trao đổi thống nhất trong nhóm. (2p)  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV gọi số thứ tự tùy ý, tất cả các bạn cùng một số thứ tự trong 7 nhóm mang mật thư 2 dán lên bảng  - GV chiếu nội dung đáp án mật thư  - 2 HS lên bảng kiểm tra nội dung mật thư của các bạn trên bảng, nhận xét, bổ sung ( nếu cần)  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét chung quá trình giải mật thư và trao đổi thống nhất của nhóm.  ? Sau nội dung của mật thư 2 chúng ta tìm được kiến thức trọng tâm nào?  - Khái niệm nghiệm của phương trình một ẩn.  - Giới thiệu nội dung chú ý. | **I. Mở đầu về phương trình một ẩn**  **2. Nhận biết khái niệm nghiệm của phương trình**  **a) Hoạt động 2:**  - Khi , giá trị vế trái của phương trình là  .  - Khi , giá trị vế phải của phương trình là  .  - Khi , giá trị hai vế của phương trình  bằng nhau và bằng .  **b) Nhận xét:** Hai vế của phương trình nhận cùng một giá trị khi . Ta nói rằng số  thỏa mãn (hay nghiệm đúng) phương trình đã cho và gọi  (hay ) là một nghiệm của phương trình đó.  **c) Khái niệm:** Nếu hai vế của phương trình (ẩn ) nhận cùng một giá trị khi  thì số  gọi là một nghiệm của phương trình đó.  **d) Chú ý:**  - Khi bài toán yêu cầu giải một phương trình, ta phải tìm tất cả các nghiệm của phương trình đó.  - Tập hợp tất cả các nghiệm của một phương trình được gọi là *tập nghiệm* của phương trình đó và thường được kí hiệu là . |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (22 phút)

a) Mục tiêu: *Học sinh củng cố kiến thức đã học qua một số bài tập: Nhận diện nghiệm phương một ẩn.*

b) Nội dung: *Học sinh hoàn thành các bài tập.*

*Bài 1; 2;3*

c) Sản phẩm: *Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.*

*- Nhận diện nghiệm của phương trình một ẩn.*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu HS làm bài tập 1:  **Bài 1 (Sgk. Tr 43).** Kiểm tra xem số nào là nghiệm của phương trình tương ứng sau đây:  a)  với .  b)  với  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện cá nhân theo yêu cầu của gv  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Với mỗi yêu cầu của GV, GV yêu cầu một số HS xung phong lên bảng làm.  - HS nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa đáp án, chữa các lỗi sai HS hay mắc phải, chốt kiến thức | **1. Dạng 2 : Nhận biết nghiệm của phương trình**  **Bài 1 (Sgk. Tr 43).**  a) - Khi , vế trái của phương trình là  khác với vế phải là . Vậy  không là nghiệm của phương trình .  - Khi , vế trái của phương trình là  bằng với vế phải là . Vậy  là một nghiệm của phương trình .  b) - Khi , vế trái, vế phải của phương trình là ;    Khi  vế trái và vế phải của phương trình không bằng nhau. Vậy không là nghiệm của phương trình .  - Khi , vế trái, vế phải của phương trình là ;    Khi  vế trái và vế phải của phương trình bằng nhau. Vậy  là một nghiệm của phương trình . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Yêu cầu HS làm bài tập 2:  **Bài 2**. Kiểm tra xem số nào là nghiệm của phương trình tương ứng sau đây.  a)  với .  b)  với  c)  với  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện yêu cầu của GV (nhóm 4)  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Với mỗi yêu cầu của GV, GV yêu cầu HS đại diện mỗi nhóm trả lời.  - Hs lắng nghe, hs nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa đáp án, chữa các lỗi sai HS hay mắc phải, chốt kiến thức | **Bài 2**. **Giải**  a) – Khi , hai vế của phương trình có : ; , đều có giá trị bằng . Do đó là nghiệm của phương trình.  **-** Khi , hai vế của phươg trình có : ; , không bằng nhau. Do đó  không là nghiệm của phương trình.  b) – Khi , hai vế của phương trình có : ; , đều có giá trị bằng . Do đó là nghiệm của phương trình.  **-** Khi , hai vế của phương trình có : ; , không bằng nhau. Do đó  không là nghiệm của phương trình.  c) - Khi , vế trái của phương trình là  khác với vế phải là . Vậy  không là nghiệm của phương trình.  - Khi , vế trái của phương trình là  khác với vế phải là . Vậy  không là nghiệm của phương trình.  - Khi , vế trái của phương trình là  bằng với vế phải là . Vậy  là một nghiệm của pt trình |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

a) Mục tiêu: *Hs luyện tập các kiến thức vừa học: Kiểm tra được một số cho trước có là nghiệm của phương trình đã cho hay không.*

b) Nội dung: *HS chơi trò chơi “Rùa và Thỏ” bằng cách trả lời các câu hỏi về kiểm tra nghiệm của phương trình một ẩn .*

c) Sản phẩm: *Học sinh:*

*- Nhận biết được phương trình một ẩn.*

*- Viết được phương trình một ẩn.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV chia lớp thành 2 đội, chơi trò chơi “Rùa và Thỏ” xem đội nào trả lời được nhiều câu hỏi hơn.  + Mỗi câu là đáp án của mỗi câu hỏi nhỏ, có tổng  câu hỏi.  + Đội nào giơ tay nhanh hơn sẽ được trả lời, sai thì sẽ chuyển cho đội kia trả lời.  + Mỗi câu trả lời đúng được ghi nhận 1 điểm. Đội nào trả lời được nhiều câu hơn sẽ dành chiến thắng.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chơi trò chơi trên theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV ghi nhận và nhận xét từng câu trả lời.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả, ghi nhận đội thắng cuộc, nhấn mạnh lại các kiến thức đã học. | **Câu 1:** Phương trình  có nghiệm là:  A.  B.  C.  D.  **Đáp án: B**  **Câu 2:** Phương trìnhcó nghiệm là:  A.  B.  C.  D.  **Đáp án: C**  **Câu 3:** Phương trình  có nghiệm là:  A.  B.  C.  D.  **Đáp án: D**  **Câu 4.** Phương trình có nghiệm là :  A.  B.  và  C.  D.  **Đáp án: B** |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- GV nhấn mạnh HS cần học thuộc định nghĩa nghiệm của phương trình một ẩn. Cách nhận diện nghiệm của phương trình một ẩn.

- GV yêu cầu HS đọc trước phần “II. Phương trình bậc nhất một ẩn”.

- Làm bài tập 1; 2 (Sách bài tập, trang 41)

Ngày dạy:

**Tiết 63:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU :** (thời gian: 6p)

**a) Mục tiêu** : HS nhắc lại được một số kiến thức liên quan tới phần 1 của bài thông qua trò chơi.

**b) Nội dung** : thông qua trò chơi "Đoán ý đồng đội" học sinh đoán được cụm từ khóa dưới sự diễn đạt của đồng đội sau đó nhắc lại phần kiến thức liên quan tới cụm từ khóa.

**c) Sản phẩm** : đáp án các từ khóa của học sinh và kiến thức bài cũ có liên quan.

**d) Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  - GV cho phép HS được chọn người bạn cùng chơi để tạo được 3 cặp đôi.  - GV phổ biến luật chơi và chiếu cụm từ khóa  - Gv yêu cầu HS nhắc lại 1 số kiến thức có liên quan khi HS tìm được từ khóa.  **\* Thực hiện nhiệm vụ :**  - Một HS quay lưng vào màn hình, bạn đứng đối diện khi nhìn thấy từ khóa thì tìm cách diễn đạt để bạn hiểu mà không được nhắc tới bất kì từ nào trong cụm từ khóa.  - Mỗi từ khóa HS có 1 phút để diễn đạt và trả lời, nếu trong lúc gợi ý cho bạn mà nói tới 1 từ trong từ khóa cặp đôi đó sẽ phạm qui.  - Mỗi từ khóa được tìm ra cặp đôi sẽ nhận được một phần quà.  **\* Nhận xét: GV** NX phần tham gia trò chơi của HS. | \* HS tìm được từ khóa :  ***1. Phương trình một ẩn.***  ***2. Nghiệm***  ***3. Vế trái - vế phải***  \* Nhắc lại kiến thức :  - Một phương trình với ẩn có dạng trong đó  là vế trái, là vế phải.  - Nếu hai vế của phương trình nhận cùng một giá trị khi  thì số  gọi là một nghiệm của phương trình đó. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1 : Phương trình bậc nhất một ẩn. (Thời gian : 15 phút)**

**a) Mục tiêu** : HS hiểu được định nghĩa phương trình bậc nhất một ẩn.

**b) Nội dung** : HS giải được mật thư tìm được định nghĩa phương trình bậc nhất một ẩn, tìm được phương trình nào là PT bậc nhất một ẩn ( chỉ ra được hệ số a,b), PT nào không là PT bậc nhất 1 ẩn ( chỉ ra được lý do) và kiểm tra xem một giá trị cho trước có là nghiệm của PT bậc nhất đã cho hay không.

**c) Sản phẩm** : mật thư của HS và nội dung thống nhất của nhóm

**d) Tổ chức thực hiện** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ :***  - Chia lớp thành 7 nhóm ( mỗi nhóm 6-7 HS).  - Đánh số thứ tự của mỗi thành viên trong nhóm.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ :***  - Tham gia giải mật thư 1 (6p)  - Trao đổi thống nhất trong nhóm. (3p)  ***\* Báo cáo, thảo luận :***  - GV gọi số thứ tự tùy ý, tất cả các bạn cùng một số thứ tự trong 7 nhóm mang mật thư 1 dán lên bảng  - GV chiếu nội dung đáp án mật thư  - 2 HS lên bảng kiểm tra nội dung mật thư của các bạn trên bảng, nhận xét, bổ sung ( nếu cần)  ***\* Nhận xét :***  - GV nhận xét chung quá trình giải mật thư và trao đổi thống nhất của nhóm.  ? Tại sao PT b, d trong bài 3 của mật thư không là PTBN 1 ẩn?  ? Sau nội dung của mật thư 1 chúng ta tìm được kiến thức trọng tâm nào?  - Định nghĩa PT bậc nhất 1 ẩn  - Khi nào một giá trị của ẩn là nghiệm của PTBN 1 ẩn. | ***\* Nội dung mật thư 1:***  1. Cho 2 phương trình sau đây, nhận xét bậc của đa thức ở vế trái của phương trình đó.   |  |  | | --- | --- | | **Phương trình** | **Bậc cần tìm** | | a, |  | | b, |  |   2. Dựa vào SGK/ T40, điền vào chỗ chấm :  Phương tình dạng :  với  là hai số đã cho và được gọi là phương trình bậc nhất một ẩn.  3. Chỉ ra phương trình bậc nhất một ẩn trong các phương trình sau, khi đó chỉ rõ hệ số a, b   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PT** | **Là PTBN 1 ẩn** | **Không là PTBN 1 ẩn** | **a** | **b** | | a, | x |  |  |  | | b, |  | x |  |  | | c, | x |  |  |  | | d, |  | x |  |  |   4. Kiểm tra xem  có là nghiệm của phương trình bậc nhất sau đây không?    Thay vào vế trái của PT ta được :  VT = = VP  Vậy là nghiệm của phương trình bậc nhất |

**Hoạt động 2 : Cách giải phương trình bậc nhất một ẩn.(11p)**

**a) Mục tiêu** : HS hiểu và giải được phương trình bậc nhất một ẩn.

**b) Nội dung** : HS giải được mật thư tìm được quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân với một số trong một đẳng thức số, thông qua bài tập cụ thể để tìm ra các bước giải tổng quát phương trình bậc nhất một ẩn.

**c) Sản phẩm** : mật thư của HS và nội dung thống nhất của nhóm

**d) Tổ chức thực hiện** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Hoạt động 2.1 (7 phút)** |  |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  - Gv chia lớp thành 7 nhóm ( từ 6-7 HS một nhóm)  - Đánh số thứ tự bất kì trong nhóm  ***\* Thực hiện nhiệm vụ :***  - Tham gia giải mật thư 2 (3p)  - Trao đổi thống nhất trong nhóm (1p)  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Một HS có STT bất kì trong một nhóm trả lời  - HS có đúng STT đó trong nhóm khác nhận xét  ***\* Nhận xét :***  - GV nhận xét quá trình giải mật thư và trao đổi nhóm của các nhóm.  - GV chiếu đáp án mật thư 2 và nhận xét câu trả lời của HS  - Chiếu nội dung suy ra từ mật thư  + Quy tắc chuyển vế  + Quy tắc nhân với một số  + Chú ý : chia cùng một số khác 0 | \* Nội dung mật thư 2:  ?1. Nêu quy tắc chuyển vế trong một đẳng thức số  ?2. Xét đẳng thức số Tính giá trị mỗi vế của đẳng thức đó khi nhân cả hai vế với 5 và so sánh hai giá trị nhận được.  **Trả lời :**  ?1. Trong một đẳng thức số, ta có thể chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia và đổi dấu số hạng đó.  ?2. Xét đẳng thức :  VT =  VP =  Trong một đẳng thức số ta có thể nhân hai vế của phương trình với cùng một số khác 0.  \* Quy tắc chuyển vế :  Trong một phương trình, ta có thể chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia và đổi dấu số hạng đó.  \* Quy tắc nhân với một số:  Trong một phương trình, ta có thể nhân hai vế của phương trình với cùng một số khác 0.  \* Chú ý :  Trong một phương trình, ta có thể chia hai vế của phương trình cho cùng một số khác 0. |
| **Hoạt động 2.2 (5 phút)** |  |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ :**  GV chiếu bài tập :  Tìm  biết :  Một HS giải như sau :        Vậy  Bài làm của bạn đúng hay sai?  **\* Thực hiện nhiệm vụ :**  - Hs đọc kĩ yêu cầu bài toán, suy ngẫm và đưa ra đáp án  **\* Báo cáo, thảo luận:**  GV chiếu lời giải chi tiết và cách giải tổng quát cho PT  **\* Nhận xét:** | GV khẳng định : quá trình đi tìm  như lời giải bên chính là giải phương trình :  => là PT bậc nhất một ẩn  => chuyển  từ trái sang phải và đổi dấu  => chia cả hai vế cho  => là nghiệm của phương trình  Giải phương trình :    Vậy phương trình có nghiệm  \* Tổng quát :  Phương trình ()  được giải như sau :        \* Chú ý : PT bậc nhất  () luôn có nghiệm duy nhất: |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP : (6 phút)**

**a) Mục tiêu** : HS giải được phương trình bậc nhất một ẩn.

**b) Nội dung** : HS thực hiện luyện tập 3/SGK

**c) Sản phẩm** : lời giải của HS trên bảng và trong vở

**d) Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS thực hiện nội dung luyện tập 3.  **\* Thực hiện nhiệm vụ :**  - HS hoạt động cá nhân.  Giải các phương trình:  a,  b,  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - 2 HS lên bảng trình bày  **\* Nhận xét:**  - HS nhận xét bài của bạn trên bảng.  - GV nhận xét quá trình thực hiện của HS và đánh giá kết quả | **Bài 3 ( Sgk)**  a,      Vậy phương trình có nghiệm  b,        Vậy phương trình có nghiệm |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)**

**a) Mục tiêu** : HS vận dụng được kiến thức phương trình bậc nhất một ẩn vào bài toán cụ thể

**b) Nội dung** : HS trả lời được các câu hỏi trong phần kiểm tra trắc nghiệm bằng phần mềm plicker

**c) Sản phẩm** : câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu câu hỏi củng cố kiến thức  **\* Thực hiện nhiệm vụ :**  - HS trả lời các câu hỏi, lựa chọn phương án và giơ bảng mã plicker để GV quét câu trả lời  - Mỗi câu hỏi phần mềm tự tổng hợp số bạn đúng - sai  **\* Nhận xét:**  - GV nhận xét việc tham gia trả lời câu hỏi của HS.  - Đánh giá việc tiếp nhận kiến thức tiết học của HS. | \* Nội dung gói câu hỏi:  **Câu 1**: Phương trình bậc nhất một ẩn là:  A.  B.  C.  D.  **Câu 2**: là nghiệm của phương trình. Đúng hay sai?  A. Đúng B. Sai  **Câu 3**: Nghiệm của phương trình:  là :  A. -24 B. 6 C. - 6 D. 24 |

**\* Hướng dẫn về nhà (2p)**

GV giao nhiệm vụ về nhà

- Bài 3,4/ SGK/T44

- GV chiếu bài tập 4, HS quan sát.

? PT bài tập 4 có gì khác so với các PT mà các em đã làm trong tiết học hôm nay? => PT có mẫu

? Khi đó ta cần thực hiện thêm bước làm gì?

Ngày dạy:

**TIẾT 64:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS được nhắc lại các kiến thức về phương trình bậc nhất một ẩn và tạo tâm thế cho HS bước vào tiết học mới.

**b) Nội dung**: HS tham gia trò chơi vòng quay may mắn, vòng quay dừng lại tại tên bạn nào thì bạn đó trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm** : câu trả lời của học sinh về phường trình bậc nhất một ẩn.

**d) Tổ chức thực hiện** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ :***  - GV yêu cầu một HS lên bảng là người điều hành, GV chỉ là người tư vấn về kiến thức khi cần.  - Yêu cầu toàn bộ HS tham gia trò chơi vòng quay may mắn.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ :***  - 1 HS lên làm người điều hành.  - Vòng quay dừng lại tại tên bạn nào thì bạn đó trả lời câu hỏi. Nếu trả lời đúng thì nhận được một phần quà, câu trả lời sai thì chuyển quyền trả lời cho bạn khác.  ***\* Nhận xét :***  - GV nhận xét quá trình tham gia trò chơi của HS ( người điều hành cũng như người chơi)  - Một HS nhắc lại toàn bộ kiến thức của tiết trước thông qua hệ thống câu hỏi trong trò chơi. | \* Nội dung câu hỏi trong trò chơi:  **Câu 1**: Tìm ra phương trình bậc nhất một ẩn trong các phương trình sau :  A.  **B.**  C.  D.  **Câu 2**: là nghiệm của phương trình:  **A**.  B.  C.  D.  **Câu 3**: Nghiệm của phương trình  là :  A.  B.  **C**.  D. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: (11p)**

**a) Mục tiêu** : HS HS hiểu được các bước giải phương trình dạng 

**b) Nội dung** : HS thông qua hoạt động nhóm để tìm ra các bước giải phương trình dạng() áp dụng giải được bài tập cụ thể.

**c) Sản phẩm** : bài tập của nhóm và của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV chia lớp thành 7 nhóm ( từ 6-7 HS trong một nhóm)  - Chuyển nội dung thảo luận nhóm cho HS.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ*** :  - HS thực hiện cá nhân trong thời gian 4 phút  - HS thảo luận nhóm trong thời gian 5 phút  - Nhóm hoàn thành bảng nhóm nhanh nhất lên trình bày.  - Các nhóm đổi chéo bảng nhóm để kiểm tra, bổ sung.  ***\* Báo cáo, thảo luận :***  - 1 nhóm trình bày  - Nhóm khác nhận xét  - Gv chiếu đáp án, các nhóm kiểm tra bài của nhóm bạ  ***\* Nhận xét***  - GV nhận xét quá trình thảo luận của các nhóm  - Nhận xét bài làm của nhóm  ? Những lưu ý khi giải phương trình luyện tập 4?  - Chú ý quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế. | \* Nội dung thực hiện:  1. Sử dụng SGK, nghiên cứu hoạt động 7 sau đó trả lời câu hỏi " để giải Phương trình dạng  () ta làm như thế nào?"  2. Giải PT :    Trả lời :  1. Bước 1: chuyển các số hạng chứa ẩn sang một vế.  Bước 2: chuyển các hằng số sang vế còn lại.  Bước 3: Thu gọn 2 vế.  Bước 4: Tìm x  2. Giải PT: (đây là ND của LT4)    Vậy phương trình có nghiệm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (10p)**

**a) Mục tiêu** : HS hiểu được các bước giải phương trình dạng

**b) Nội dung** : HS tìm được lỗi sai trong bài giải cụ thể, áp dụng các bước làm giải được bài tập.

**c) Sản phẩm** : bài tập của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  - GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện cá nhân.  **\* Thực hiện nhiệm vụ :**  - HS làm bài tập: Tìm lỗi sai và giải lại cho đúng.  a,    Vậy phương trình có nghiệm  b,    Vậy phương trình có nghiệm  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS phát hiện lỗi sai và 2HS lên bảng chữa lại cách làm đúng.  **\* Nhận xét :**  - HS nhận xét bài làm của bạn.  - GV đánh giá quá trình làm bài tập của HS và chú ý cho HS cách làm bài (đổi dấu khi chuyển vế) | a,    Vậy phương trình có nghiệm  b,    Vậy phương trình có nghiệm |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (16 phút)**

**a) Mục tiêu** : HS vận dụng được kiến thức phương trình bậc nhất một ẩn vào bài toán thực tế có nội dung vật lý.

**b) Nội dung** : HS lập được phương trình ẩn x thông qua các dữ kiện và giải được phương trình.

**c) Sản phẩm** : bài tập của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV chia lớp thành 7 nhóm ( từ 6-7 HS trong một nhóm)  - Đánh số thứ tự HS trong từng nhóm  - Chuyển nội dung thảo luận nhóm cho HS.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ*** :  - HS thực hiện cá nhân trong thời gian 3 phút  - HS thảo luận nhóm trong thời gian 5 phút  - Nhóm hoàn thành bảng nhóm nhanh nhất lên trình bày.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - 1 HS có số thứ tự được gọi ngẫu nhiên lên trình bày sản phẩm của nhóm.  - GV chiếu đáp án, nhóm khác nhận xét và sửa lại nếu sai.  ***\* Nhận xét :***  - GV nhận xét quá trình thảo luận nhóm của các nhóm  - Nhận xét bài làm của các nhóm | \* Nội dung thảo luận :  Trong phòng thí nghiệm chị Loan sử dụng cân Roberval để cân : bên đĩa thứ nhất đặt một quả nặng cân nặng 500 (g). Bên đĩa thứ 2 đặt hai vật cùng cân nặng là  (g) và ba quả cân nhỏ, mỗi quả cân đó nặng 50 (g). Chị Loan thấy cân thăng bằng. Viết phương trình ẩn biểu thị sự thăng bằng của cân khi đó. Tính giá trị của  **Đáp án :**  Bên đĩa thứ 2:  - Hai vật nặng : *2x* (g)  - Ba quả nặng nhỏ nặng : 3.50 =150 (g)  Khi cân thăng bằng ta có phương trình:    Vậy |

**\* Hướng dẫn về nhà (3p)**

GV giao nhiệm vụ về nhà

- Bài 8/ SGK/T44

- GV chiếu bài tập 8.SGK/44,yêu cầu HS xác định dạng toán. => Toán thực tế liên quan tới nội dung vật lý.

+ Tốc độ ban đầu của nước là bao nhiêu? *=>* ft/s

+ Tốc độ của nước khi đạt được độ cao tối đa là bao nhiêu? *=>* 

+ Tốc độ của nước được cho bởi công thức nào? => 

+ Dựa vào 3 gợi ý trên HS viết phương trình.

Ký duyệt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: |  |  |

**TIÊT 65 + 66: ỨNG DỤNG CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN**

**( PHẦN I )**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức: -**HS biết biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn

**-** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).

**2. Về năng lực:**

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học và tự chủ: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập tại lớp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS giải quyết các vấn đề trong câu hỏi tình huống,yêu cầu của bài kiểm tra

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS biểu diễn được một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn, biết lập phương trình biểu diễn mối quan hệ giữa các đại lượng.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa,... để biểu diễn các đại lượng chưa biết và đã biết thông qua ẩn, từ đoa lập được phương trình, từ đó giải quyết được yêu cầu của bài toán. Vận dụng các kiến thức đã học để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

- Năng lực mô hình hóa toán học: chuyển đổi ngôn ngữ những tình huống, bài toán đặt ra trong thực tế sang kí hiệu toán học, giải các bài toán, đưa ra kết quả chính xác.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, máy chiếu ( tivi thông minh), phiếu học tập.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, dụng cụ học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày dạy:

**Tiết 65:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** *Học sinh hiểu được phương trình bậc nhất một ẩn giúp chúng ta giải quyết được nhiều vấn đề trong toán học và thực tiễn.*

**b) Nội dung:** *HS xử lý tình huống trong bài toán cổ Hy Lạp: “ Hỏi nhà toán học Pythagore có bao nhiêu học trò”.*

**c) Sản phẩm:** *các câu trả lời của HS về câu hỏi của tình huống trên*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập: -**GV tổ chức cho HS đọc và quan sát câu hỏi khởi động SGK Trang 45.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc và thảo luận cặp đôi trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS đại diện trả lời câu hỏi  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hoá câu trả lời của HS và nhận xét thái độ làm việc của các cặp đôi.  **-** GV đặt vấn đề vào bài mới: Giới thiệu trong thực tế có nhiều đại lượng phụ thuộc lẫn nhâu vì thế ta có thể biểu diễn đại lượng này thông qua một đại lượng khác. | Trong kho tàng văn hoá dân gian Hy Lạp có bài toán cổ như sau:  Một người hỏi nhà toán học Pythagore rằng ông có bao nhiêu học trò. Ông trả lời: “ Một nửa số học trò của tôi học Toán, một phần tư học Nhạc, một phần bảy đăm chiêu, ngoài ra còn có ba cô gái”. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (15 phút)

**Hoạt động 1:** Bài toán hoạt động 1(8 phút)

a) Mục tiêu: *HS biểu diễn được các đại lượng chưa biết bởi biểu thức chứa ẩn thông qua Hoạt động 1.*

b) Nội dung: *HS viết được các biểu thức biểu thị số học trò học Toán, số học trò học Nhạc, số học trò đăm chiêu thông qua biến*  *là số học rò của nhà toán học Pythagore*

c) Sản phẩm: *lời giải hoạt động 1.*

d) Tổ chức thực hiện: *Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu cá nhân HS đọc và làm hoạt động 1 vào phiếu học tập trong vòng 3 phút  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV chiếu bài làm của một HS và yêu cầu các HS khác thảo luận và nhận xét .  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chốt và chiếu kết quả đúng  - GV chốt và nêu nhận xét (chiếu): Trong thực tế nhiều đại lượng biến đổi phụ thuộc lẫn nhau. Nếu kí hiệu một trong các đại lượng đó là  thì các đại lượng khác có thể biểu diễn dưới dạng một biểu thức của biến . | **I. Biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn**  1) Bài toán hoạt động 1:Trong bài toán cổ trên, gọi  là số học trò của nhà toán học Pythagore ( là số nguyên dương). Viết biểu thức biến  biểu thị:  a) Số học trò học Toán;  b) Số học trò học Nhạc;  c) Số học trò đăm chiêu.  **Bài giải**  Gọi là số học trò của nhà toán học Pythagore( là số nguyên dương) thì:  a) Số học trò học Toán là:  b) Số học trò học Nhạc là:  c) Số học trò đăm chiêu là:  \* **Nhận xét:** Trong thực tế nhiều đại lượng biến đổi phụ thuộc lẫn nhau. Nếu kí hiệu một trong các đại lượng đó là thì các đại lượng khác có thể biểu diễn dưới dạng một biểu thức của biến . |

**Hoạt động 2: Ví dụ 1** (8 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS viết đúng biểu thức biểu thị đại lượng chưa biết thông qua ẩn.

**b) Nội dung:**

- GV đưa ra bài toán thực tế khi bác Ánh đi siêu thị mua quạt và lời giải của bài toán đó ( Ví dụ 1/SGK trng 45), từ đó yêu cầu HS nghiên cứu lời giải và cho biết: để viết biểu thức biểu thị số tiền bác Ánh phải trả khi mua bốn chiếc quạt thông qua giá bán của chiếc quạt đầu tiên là  (nghìn đồng) người ta đã làm như thế nào?

**c) Sản phẩm:**

- Các bước giải bài toán trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV chiếu nội dung ví dụ 1 / SGK trang 45, yêu cầu HS đọc đề bài và nghiên cứu lời giải trong SGK.  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi:  Người ta đã giải bài toán trên như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS đọc đề bài và nghiên cứu lời giải, thảo luận và trả lời câu hỏi của GV?  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - 1 HS đại diện trả lời, các nhóm khác theo dõi bổ sung  - sau đó GV yêu cầu HS gấp sách vở tự trình bày lại lời giải ví dụ 1.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chốt và nhận định kết quả:  Để viết được biểu thức biểu thị tổng số tiền bác Ánh phải trả khi mua 4 chiếc quạt ta phải viết được biểu thức biểu thị số tiền mua chiếc quạt thứ hai, thứ ba, thứ tư thông qua giá của chiếc quạt đầu tiên.  - GV một lần nữa chốt lại nhận xét /SGK trang 45 | **2. Ví dụ 1/ SGK trang 45**  Bác Ánh đi siêu thị mua bốn chiếc quạt điện cùng loại. Do siêu thị thực hiện khuyến mãi nên giá bốn chiếc quạt đó như sau: Hai chiếc quạt đầu tiên không được giảm giá, chiếc quạt thứ ba có giá bán được giảm nghìn đồng so với giá bán của chiếc quạt thứ hai, chiếc quạt thứ tư có giá bán được giảm  nghìn đồng so với chiếc quạt thứ ba. Gọi  (nghìn đồng) là giá bán của chiếc quạt đầu tiên. Viết biểu thức với biến  biểu thị tổng số tiền bác Ánh phải trả**.**  **Bài giải**  Ta thấy:  - Giá bán của hai chiếc quạt đầu tiên đều là  (nghìn đồng);  - Giá bán của chiếc quạt thứ ba là (nghìn đồng);  - Giá bán của chiếc quạt thứ tư là(nghìn đồng).  Tổng số tiền bác Ánh phải trả khi mua bốn chiếc quạt là:  (nghìn đồng). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (8 phút)

a) Mục tiêu: *HS viết được biểu thức biểu thị một đại lượng thông qua ẩn.*

b) Nội dung: *GV đưa nội dung bài luyện tập vận dụng 1/SGK trang 45*

c) Sản phẩm: *Lời giải bài luyện tập vận dụng 1/SGK trang 45*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV chiếu bài toán, yêu cầu HS đọc và làm bài  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - 1 HS lên bảng làm bài, các HS khác làm vào vở  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu các HS khác theo dõi và nhận xét bài làm của HS trên bảng  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chốt lại lời giải chính xác cho bài toán | **3) Bài luyện tập 1**  Bạn An dành mỗi ngày  phút để chạy bộ. Viết biểu thức với biến  biểu thị:  a) Quãng đường( đơn vị: m) bạn An chạy được trong  phút, nếu bạn An chạy với tốc độ là m/phút;  b) Tốc độ của bạn An( đơn vị: m/phút), nếu trong  phút bạn An chạy được quãng đường là m. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút)

a) Mục tiêu: *Vận dụng các kiến thức đã học để giải toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực. Rèn kỹ năng biểu diễn các đại lượng thông qua ẩn.*

b) Nội dung: *GV chiếu bài toán, yêu cầu HS làm vào phiếu học tập 2, sau đó chiếu đáp án biểu điểm và cho HS chấm chéo.*

c) Sản phẩm: *Lời giải bài toán và điểm số của HS*

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ** (1phút)

- GV phát phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS làm việc cá nhân

**Bài toán***: “* Tuổi anh năm nay gấp ba lần tuổi em. Sau sáu năm nữa tuổi của anh chỉ gấp đôi tuổi của em. Gọi tuổi của anh hiện nay là . Viết biểu thức với biến biểu thị tuổi của anh và của em sau sáu năm nữa”.

- HS làm bài trong 5 phút

- Sau đó GV yêu cầu HS đổi chéo bài, sau đó GV chiếu đáp án và biểu điểm, hướng dẫn HS chấm bài(3 Phút)

- GV thống kế điểm và nhận xét.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- HS xem lại các ví dụ và bài toán đã làm

- Làm các bài tập sau:

**Bài 1.** Nếu một ô tô đi với vận tốc ( km/h). Hãy viết biểu thức với biến biểu thị:

a) Quãng đường ôtô đi được trong  giờ.

b) Thời gian ô tô đi hết quãng đường km.

**Bài 2.** Gọi  là số tự nhiên có hai chữ số. Hãy viết biểu thức với biến biểu thị:

a) Số tự nhiên sau khi viết thêm chữ số vào bên trái số tự nhiên .

b) Số tự nhiên sau khi viết thêm chữ số vào bên phải số tự nhiên .

**Bài 3.** Một công nhân dự định phải làm một số sản phẩm trong 18 ngày. Nhưng thực tế mỗi ngày công nhân đã làm vượt mức 5 sản phẩm nên anh đã làm xong trước dự định và làm thêm 20 sản phẩm nữa ngoài kế hoạch. Gọi là số sản phẩm làm được theo dự định. Hãy viết biểu thức với biến biểu thị số ngày hoàn thành kế hoạch theo thực tế.

**Phụ lục**

**PHIẾU HỌC TẬP**

1. Bài toán cổ như sau: Một người hỏi nhà toán học Pythagore rằng ông có bao nhiêu học trò. Ông trả lời: “ Một nửa số học trò của tôi học Toán, một phần tư học Nhạc, một phần bảy đăm chiêu, ngoài ra còn có ba cô gái”.

Trong bài toán cổ trên, gọi là số học trò của nhà toán học Pythagore (là số nguyên dương). Viết biểu thức biến  biểu thị:

a) Số học trò học Toán; b) Số học trò học Nhạc; c) Số học trò đăm chiêu

**2. Bài toán***:* Tuổi anh năm nay gấp ba lần tuổi em. Sau sáu năm nữa tuổi của anh chỉ gấp đôi tuổi của em. Gọi tuổi của anh hiện nay là . Viết biểu thức với biến biểu thị tuổi của anh và của em sau sáu năm nữa.

**Bài giải**

Ta thấy tuổi của anh hiện nay là ( tuổi) thì:

- Tuổi của em hiện nay là ( tuổi)

- Sau sáu năm nữa tuổi của anh là ( tuổi)

- Sau sáu năm nữa tuổi của em là ( tuổi)

Ngày dạy:

**Tiết 66:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (7 phút)

**a) Mục tiêu:** *tạo hứng thú học tập cho HS*

**b) Nội dung:** *GV gọi HS trả lời các câu hỏi dạng lựa chọn đáp án đúng*

**c) Sản phẩm:** *các câu trả lời của HS.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập: -**GV chiếu các câu hỏi dưới dạng gameshow. Yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi sau:  **-Câu hỏi 1:** Hàng ngày Nam đi từ nhà đến trường hết phút với vận tốc km/h. Quãng đường tư nhà Nam đến trường dài số km là: A. B. C.  D.  **-Câu hỏi 2:** Một vòi nước chảy đầy một bể cạn không có nước sau giờ. Trong giờvòi đó chảy được số phần bể là: A.  B. C. D.  **Câu hỏi 3:** Mẹ dẫn Hoa đến siêu thị mua sách. Hoa đã mua một cuốn sách với giá niêm yết là  đồng. Khi thanh toán Hoa được giảm giá , số tiền Hoa phải trả khi mua cuốn sách đó là:  A.  đồng B.đồng  C. đồng D. đồng  **Câu hỏi 4:** Một đội công nhân mỗi ngày sửa được m đường. Thời gian đội công nhân đó sửa xong km đường là:  **A.** ngày B.ngày **C.** ngày D.ngày  **Câu hỏi 5:** Lớp 8A có 36 học sinh, lớp 8B có 40 học sinh. Trong một đợt quyên góp sách cũ để ủng hộ trẻ em vùng cao, mỗi bạn lớp 8A quyên góp được  quyển sách, mỗi bạn lớp 8B quyên góp được ít hơn mỗi bạn lớp 8A là 2 quyển sách. Tổng số quyển sách hai lớp quyên góp được là:  A.  B. C. D.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc và trả lời nhanh các câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS trả lời, có thể yêu cầu học sinh giải thích cho việc lựa chọn đáp án của mình.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hoá câu trả lời của HS  **-** GV đặt vấn đề : Ta tìm hiểu cách biểu diễn đại lượng này thông qua một đại lượng khác của một số bài toán trong thục tiễn. | **Đáp án**  **Câu hỏi 1:D**  **Câu hỏi 2:B**  **Câu hỏi 3: C**  **Câu hỏi 4:B**  **Câu hỏi 5: D** |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (30 phút)

a) Mục tiêu: *HS viết được biểu thức biểu thị một đại lượng thông qua ẩn thông qua các bài toán thực tế.*

b) Nội dung: *GV đưa nội dung các bài tập*

c) Sản phẩm: *Lời giải của học sinh*

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV chiếu bài toán, yêu cầu HS đọc và làm bài theo nhóm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thảo luận và làm bài vào bảng nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  -GV chiếu bài của các nhóm  - GV yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày bài làm của mình. Các nhóm khác theo bõi bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chốt lại lời giải chính xác cho bài toán, cách giải bài toán và nhận xét thái độ làm việc của các nhóm. | **Bài toán 1**  Một cuộc thi có  câu hỏi, với quy định cho điểm như sau: Với mỗi câu hỏi nếu trả lời đúng thì được cộng  điểm, nếu trả lời sai thì bị trừ . Không trả lời thì không được điểm. Biết bạn Minh đã trả lời tất cả các câu và đúng  câu , hãy viết biểu thức biểu thị số điểm đạt được của bạn Minh.  **Bài giải**  -Vì bạn Minh đã trả lời tất cả các câu và đúng  câu nên:  +Số điểm bạn được cộng là (điểm)  + Số câu trả lời sai là (câu)  + Số điểm bạn Minh bị trừ là (điểm)  -Vậy tổng số điểm bạn Minh đạt được là: (điểm) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV chiếu bài toán, yêu cầu HS đọc và làm bài vào phiếu học tập số 2  **Bài toán 2.** Một số tự nhiên có hai chữ số, tổng các chữ số của nó là , gọi chữ số hàng chục của số đó là .  Hãy viết biểu thức của biến biểu thị:  a) Giá trị của số đã cho;  b) Giá trị của số sau khi đổi chỗ hai chữ số của số đã cho;  c) Giá trị của số sau khi viết thêm chữ số vào bên trái số đã cho;  d) Giá trị của số sau khi viết thêm chữ số vào bên phải số đã cho.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS làm bài vào phiếu học tập  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  -GV chiếu phiếu của một số HS lên yêu cầu các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chấm và cho điểm các bài đã chiếu, chốt lại lời giải chính xác cho bài toán và nhận xét . | **Bài toán 2**  **Bài giải**  -Vì chữ số hàng chục của số đó là nên a) Giá trị của số đã cho là    b) Giá trị của số sau khi đổi chỗ hai chữ số của số đã cho là:    c) Giá trị của số sau khi viết thêm chữ số vào bên trái số đã cholà:    d) Giá trị của số sau khi viết thêm chữ số vào bên phải số đã cho. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV chiếu bài toán, yêu cầu HS đọc và làm bài theo nhóm 4HS  **Bài toán 3:** Cho một tam giác vuông có độ dài một cạnh góc vuông là cm; cạnh góc vuông còn lại dài hơn cạnh góc vuông đó cm Viết biểu thức với biến x biểu thị  a) Diện tích và chu vi của tam giác vuông;  b) Độ dài cạnh huyền của tam giác vuông;  c) Khoảng cách từ trọng tâm đến đỉnh của tam giác vuông đó.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm bài theo nhóm vào bảng nhóm  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  -GV chiếu bài của các nhóm cho HS thảo luận, nhận xét  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chốt lại lời giải chính xác cho bài toán và nhận xét kết quả làm việc của các nhóm.  GV chốt lại cách làm và lưu ý: để viết được các biểu thức chứa ẩn biểu thị đại lượng này thông qua đại lượng kia ta phải biết được mối liên hệ giữa các đại lượng đó | **Bài toán 3:**  **Bài giải**  Ta có độ dài một cạnh góc vuông của tam giác vuông là cm nên:  Độ dài của cạnh góc vuông còn lại là cm.  a) Diện tích của tam giác vuông đó là:  (cm2).  Chu vi của tam giác vuông đó là:  (cm)  b) Độ dài cạnh huyền của tam giác vuông đó là:(cm)  c) Khoảng cách từ trọng tâm đến đỉnh của tam giác vuông đó. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (6 phút)

a) Mục tiêu: *Vận dụng các kiến thức đã học để giải toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực. Rèn kỹ năng biểu diễn các đại lượng thông qua ẩn.*

b) Nội dung: *GV chiếu bài toán, yêu cầu HS làm bài*

c) Sản phẩm: *Lời giải bài toán*

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ** (1phút)

- GV chiếu bài tập 4 và yêu cầu HS làm việc cá nhân

**Bài tập 4***: “*Bác An đã gửi tiết kiệm  đồng kì hạn một năm ở một ngân hàng với lãi suất /năm(cứ sau kì hạn 1 năm, tiền lãi của kì hạn đó lại được cộng vào tiền vốn). Sau khi gửi năm, bác An rút được số tiền gốc và lãi là bao nhiêu đồng? ( Biết lãi suất không đổi trong hai năm đó)”.

**Bài giải .** Ta có số tiền ban đầu bác An gửi vào ngân hàng là  (đồng)

Số tiền sau một năm gửi ngân hàng là  (đồng);

Số tiền sau hai năm gửi ngân hàng là  (đồng).

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- HS xem lại các ví dụ và bài toán đã làm

- Làm các bài tập sau:

Bài 1. Một xe ô tô tải đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu với tốc độ trung bình là . Sau đó 45 phút, trên cùng tuyến đường, một xe taxi cũng xuất phát đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu với tốc độ lớn hơn tốc độ trung bình của xe tải là . Viết biểu thức biểu thị thời gian xe tải đi từ Cần thơ đến Bạc Liêu, biết quãng đường từ Cần Thơ đến Bạc Liêu dài km.

**Bài 2.**Mẹ Bắc đã gửi tiết kiệm đồng kì hạn một năm ở một ngân hàng với lãi suất /năm(cứ sau kì hạn 1 năm, tiền lãi của kì hạn đó lại được cộng vào tiền vốn). Sau khi gửi năm, mẹ Bắc rút được số tiền gốc và lãi là bao nhiêu đồng?( Biết lãi suất không đổi trong hai năm đó) .

Ký duyệt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: |  |  |

**TIẾT 67 + 68 §2. ỨNG DỤNG CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN. (PHẦN 2)**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:** *Sau bài này học sinh sẽ:*

- Thực hiện được các bước giải một bài toán giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất một ẩn

- Ôn lại và củng cố kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất

- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất.

**2. Năng lực:**

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học: So sánh, phân tích dữ liệu tìm ra mối liên hệ giữa các đối tượng đã cho và các phương pháp đã học, từ đó có thể áp dụng kiến thức đã học để nhận biết và tính toán các bài toán ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn.

- Mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

- Sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo viên: Giáo án, sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Học sinh: Vở, nháp, bút.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động 1: Khởi động** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Gợi động cơ vào bài mới.

**b) Nội dung:** Thực hiện một số bài tập trắc nghiệm để ôn lại: Biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm và cho mỗi nhóm bốc thăm một câu hỏi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS cử đại diện lên bốc thăm chủ đề và thứ tự trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS cả nhóm lần lượt xem câu hỏi của nhóm mình ghi câu trả lời ra bảng nhóm.  - Các nhóm còn lại nhận xét, góp ý và chấm điểm cho nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV chốt kiến thức qua từng câu hỏi.  Câu 1: B Câu 2: D Câu 3: D  Câu 4: B Câu 5: C Câu 6: B  **ĐVĐ**: Các em đã thực hiện biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn qua phần trò chơi trên, vậy với bài toán: Một người hỏi nhà toán học Pythagore rằng ông có bao nhiêu học trò. Ông trả lời: “Một nửa số học trò của tôi học toán, một phần tư học Nhạc, một phần bảy đăm chiêu, ngoài ra có ba cô gái” Nếu gọi số học trò của ông là x thì khi đó các em biểu diễn số học trò học Toán, học trò học Nhac, học trò đăm chiêu như thế nào và làm thế nào để tìm ra số học trò của ông là bao nhiêu học sinh ? chúng ta hãy cùng đi tìm hiểu nội dung bài học ngày hôm nay | Câu 1: Tổng của  số bằng . Gọi số thứ nhất  thì số thứ  là:  A. 120 + x B. 120 -x  C. x – 120 D. 120x  Câu 2: Tuổi cha gấp  lần tuổi con.  Gọi tuổi con là  thì tuổi cha là:  A. 3+x B. 3/x C. x/3 D. 3x  Câu 3: Tuổi cha gấp  lần tuổi con. Gọi tuổi cha là  thì tuổi con là:  A. 3x B. 3+x C. 3/x D. x/3  Câu 4: Gọi là số tự nhiên có chữ số. Nếu thêm chữ số  vào bên phải số  thì ta được số mới bằng:  A. x2 + 1000 B. x1000 + 2  C. x + 1002 D. 2000 + x  Câu 5: Gọi là độ dài quãng đường , nếu đi với tốc độ  thì thời gian đi hết quãng đường là:  A. 40 + x B. 40x  C. x/40 D. 40/x  Câu 6: Gọi là độ dài quãng đường , để đi hết quãng đường trong  thì cần đi với tốc độ là:  A. 7 +x B. x/7 C. 7/x D. 7 |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** ( 40 phút)

**2. Hoạt động 2: Một số ví dụ về ứng dụng phương trình bậc nhất một ẩn**

**a) Mục tiêu:**

- HS thực hiện được các bước giải một bài toán giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất một ẩn

- HS vận dụng được các kiến thức đó để làm một số bài tập trong phần vận dụng và giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- Làm các bài tập: Hoạt động 2, Ví dụ 1, Ví dụ 2. Luyện tập 2, Ví dụ 3, Ví dụ 4. Luyện tập 3, (SGK trang 46, 47, 48,49)

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện các bài tập của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các Luyện tập 2 SGK trang 47, Luyện tập 3 SGK trang 49

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Thực hiện HĐ2 SGK trang 46  - Nêu các bước giải bài toán.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu vài cặp đôi HS trình bày kết quả thực hiện HĐ2 lên bảng  - GV yêu cầu một số HS dưới lớp nhận xét.  - GV gọi một vài HS đứng tại chỗ nhận xét bài của bạn bên cạnh.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của các hoạt động trên, từ đó rút ra cách viết một số tự nhiên theo hệ thập phân. | **2/ Một số ví dụ về ứng dụng phương trình bậc nhất một ẩn**  **Ví dụ 1**  **Bước 1:** Lập phương trình  Gọi số học trò của nhà toán học Pythagore là  Khi đó, số học trò học Toán là ; Số học trò học Nhạc là ; Số học trò đăm chiêu là . Theo giả thiết, ta có phương trình  **Bước 2:** Giải phương trình    **Bước 3:** Kết luận  Giá trị  thỏa mãn điều kiện của ẩn. Vậy số học trò của nhà toán học Pythagore là |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động theo cặp làm ví dụ 2 (SGK trang 47).  - Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 2 SGK trang 47.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Lời giải.  - Kết quả luyện tập 2, luyện tập 3.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - Nêu chú ý về các bước để giải mật bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất một ẩn | **Ví dụ 2:**  Gọi tuổi của em hiện nay là , điều kiện: .  Khi đó, tuổi của anh hiện nay là  Sau 6 năm nữa, tuổi của em là  và tuổi của anh là  Theo giả thiết, ta có phương trình: .  Giải phương trình:    Giá trị  thỏa mãn điều kiện của ẩn. Vậy tuổi của em hiện nay là 6 và tuổi của anh hiện nay là .  Luyện tập 2:  Gọi tuổi của cháu hiện nay là ,  Khi đó, tuổi của ông hiện nay là .  Cách đây 5 năm, tuổi của cháu là , tuổi của ông là .  Theo giả thiết, ta có phương trình:    Giải phương trình: .  Giá trị thỏa mãn điều kiện của ẩn. Vậy hiện nay cháu  tuổi. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 3 SGK trang 48.  - Hoạt động theo cặp đôi làm bài Ví dụ 3.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Lời giải ví dụ 3.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - GV nhấn mạnh thêm cho HS nhớ các bước để giải bài toán phương trình bấc nhất nột ẩn | **Ví dụ 3 (SGK trang 48)**  Đổi  phút =  h  Gọi thời gian xe máy khởi hành đến lúc hai xe gặp nhau là (h), điều kiện. Khi đó, thời gian ô tô đi từ lúc khởi hành đến khi gặp xe máy là  (h). Khi hai xe gặp nhau, xe máy đã đi được quãng đường là  (km), ô tô đã đi được quãng đường là  (km).  Đến lúc hai xe gặp nhau, tổng quãng đường đi được của hai xe đúng bằng quãng đường Hà Nội – Hải Phòng dài  km nên ta có phương trình:.  Giải phương trình:    Giá trị  thỏa mãn điều kiện của ẩn. Vậy kể từ khi xe máy khởi hành, hai xe gặp nhau sau  giờ, tức là  giờ  phút |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 4 SGK trang 48.  - Hoạt động theo cặp làm bài Ví dụ 4.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - Lời giải ví dụ 4.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **Ví dụ 4 (SGK trang 48)**  Nếu hành khách di chuyển quãng đường  (km) thì số tiền phải trả là:  (đồng)  Do  nên cô Hạnh đã di chuyển quãng đường nhiều hơn  km hay  Do đó, tổng số tiền cô Hạnh phải trả (tính theo ) là:  (đồng)  Theo giả thiết, ta có phương trình:    Giải phương trình:    Vậy cô Hạnh đã di chuyển được quãng đường là  km |
| .  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  - Làm bài Luyện tập 3 SGK trang 49.  **Luyện tập 3:** Một tổ may áo theo kế hoạch mỗi ngày phải may  cái áo. Nhờ cải tiến kĩ thuật, tổ đã may được mỗi ngày  cái nên đã hoàn thành trước thời hạn  ngày và còn may thêm được  cái áo nữa. Tính số áo mà tổ đó phải may theo kế hoạch.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả thực hiện lên bảng  - GV yêu cầu một số HS dưới lớp nhận xét.  - GV yêu cầu HS làm luyện tập 3 vào vở, sau đó hai bạn ngồi cạnh kiểm tra chéo bài của nhau.  - GV gọi một vài HS đứng tại chỗ nhận xét bài của bạn bên cạnh.  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV chính xác hóa kết quả của các hoạt động trên, từ đó rút ra cách giải bài toán. | **Luyện tập 3:**  Gọi số áo theo kế hoạch là (cái)  Số ngày hoàn thành may áo theo kế hoạch là  (ngày)  Nhờ cải tiến kĩ thuật, tổ đã may thêm được  cái áo nên tổng số áo may được là  (cái). Do đó số ngày hoàn thành trước kế hoạch là  (ngày)  Vì tổ đã hoàn thành trước thời hạn 3 ngày nên ta có phương trình:    Vậy số áo mà tổ đó phải may theo kế hoạch là  cái. |

Ngày dạy:

**Tiết 68**

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (khoảng 40 phút)

**a) Mục tiêu:**

HS nhắc lại và hiểu được phần lý thuyết của bài. Từ đó có thể áp dụng giải toán một cách dễ dàng.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 1 đến 4 SGK trang 49.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 1 đến 4 SGK trang 49.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV giao nhiệm vụ: Làm bài tập 1 (SGK trang 49)  **Bài tập 1 trang 49 sgk Toán 8 tập 2 CD:** Một cuộc thi có câu hỏi với quy định cho điểm như sau: Với mỗi câu hỏi, nếu trả lời đúng thì được cộng điểm, trả lời sai thì bị trừ  điểm, không trả lời thì không được điểm. Bạn Minh được  điểm trong cuộc thi đó. Hỏi bạn Minh đã trả lời đúng được bao nhiêu câu? Biết rằng bạn Minh đã trả lời tất cả các câu trong cuộc thi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày lần lượt các bài, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của hoạt động và đánh giá hoạt động nhóm. | Bài tập 1 (SGK trang 49)  Vì bạn Minh đã trả lời tất cả các câu trong cuộc thi nên không có câu nào bạn Minh không trả lời được. Do đó, bạn Minh chỉ có thể trả lời đúng hoặc sai.  Gọi số câu đúng là  Khi đó, số câu sai là .  Suy ra: Số điểm nhận được cho câu trả lời đúng là ; số điểm nhận được cho câu trả lời sai là.  Ta có phương trình:    Vậy bạn Minh đã trả lời đúng được  câu. |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - Làm bài tập 2 SGK trang 49.  **Bài tập 2 trang 49 sgk Toán 8 tập 2 CD:** Giá niêm yết của một máy lọc nước và một nồi cơm điện có tổng là  triệu đồng. Bác Bình mua hàng vào đúng dịp tri ân khách hàng nên so với giá niêm yết máy lọc nước được giảm giá và nồi cơm điện được giảm giá . Do đó, tổng số tiền bác phải trả là triệu đồng. Tính giá tiền niêm yết của mỗi sản phẩm đã nêu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV yêu cầu một HS nhắc lại về các bước giải bài toán.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 1 Hs lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | Bài tập 2 (SGK trang 49)  Giả sử gọi giá tiền niêm yết của máy lọc nước là .  Khi đó, giá tiền niêm yết của nồi cơm điện là .  Giá của máy lọc nước sau khi được giảm giá còn: ; giá của nồi cơm điện sau khi được giảm giá là    Vì tổng số tiền bác Bình phải trả sau khi được giảm giá là  triệu đồng nên ta có phương trình:    (thỏa mãn điều kiện)  Vậy giá tiền niêm yết của máy lọc nước là  triệu đồng; giá tiền niêm yết của nồi cơm điện là triệu đồng. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  Yêu cầu HS làm bài tập 3 / SGK-tr 49 theo nhóm đôi.  **Bài tập 3 trang 49 sgk Toán 8 tập 2 CD:**  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  HS làm bài vào vở theo nhóm đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:** HS nộp vở.  **\* Kết luận, nhận định 3:** GV chiếu một số bài (dùng máy chiếu đa vật thể), nhận xét, chính xác kết quả, rút kinh nghiệm. | Bài tập 3 (SGK trang 49)  Gọi số tiền ban đầu bác An gửi vào ngân hàng là  (đồng)  Số tiền sau một năm gửi ngân hàng là  Số tiền sau hai năm gửi ngân hàng là .  Ta có phương trình:    Vậy ban đầu bác An đã gửi vào ngân hàng số tiền là  đồng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 4:**  - Làm bài tập 4 SGK trang 49. Nhóm 4 bạn  **Bài tập 4 trang 49 sgk Toán 8 tập 2 CD:** Một xe ô tô tải đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu với tốc độ trung bình là . Sau đó 45 phút, trên cùng tuyến đường, một xe taxi cũng xuất phát đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu với tốc độ trung bình là  và đến Cần Thơ cùng lúc với xe ô tô tải. Tính quãng đường mà xe ô tô tải đã đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: HS lưu ý các bước giải bài toán.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu nhóm Hs lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | Bài tập 4 (SGK trang 49)  Đổi 45 phút =  giờ.  Gọi quãng đường mà xe ô tô tải đã đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu là  (km)  ()  Thời gian xe ô tô tải đi hết quãng đường là  (giờ)  Thời gian xe taxi đi hết quãng đường là  (giờ)  Ta có phương trình:    Vậy quãng đường xe ô tô tải đã đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu là  km. |

**D.** **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học giải thích một số bài toán liên quan trong thực tế.

**b) Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà:

- Giải bài toán cổ sau: GV đưa ra câu thơ đố với HS như sau, và cho HS trình bày cách giải

Vừa gà vừa chó

Bó lại cho tròn

Ba mươi sáu con

Một trăm chân chẵn

Hỏi có bao nhiêu con gà? Bao nhiêu con chó?

- Sưu tầm các bà toán thực tế cuộc sống.

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ học tập 6: như mục Nội dung

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

- HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (khoảng 5 phút)

- Làm bài 5 SGK trang 49.

- Làm bài tập bổ sung.

- Đọc trước bài: Bài tập cuối chương VII.

**Bài tập bổ sung:**

**Bài tập bổ sung:** Một xe khách di chuyển từ Huế (gọi là địa điểm A) đến Quảng Nam (gọi là B) với tốc độ , sau khi trả khách thì từ B quay trở về A với tốc độ . Tổng thời gian cho quãng đường đi và về hết . Hãy tìm chiều dài đoạn đường từ A đến B.

Ký duyệt:

Ngày soạn:

**TIẾT 69 + 70. BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VII**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:** Sau khi học song bài này HS:

Được củng cố khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.

Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất ( ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên qian đến Hóa học,...)

**2. Về năng lực:**

- Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển một số năng lực chung như: Năng lực tự học thông qua hoạt động cá nhân; NL hợp tác thông qua trao đổi với bạn bè và hoạt động nhóm.

- Góp phần phát triển một số NL toán học như: NL giao tiếp toán học thông qua HĐ nhóm và trả lời, nhận xét các hoạt động; NL tư duy và lập luận toán học thông qua việc thực hiện thực hành luyện tập; NL mô hình hóa toán học thông qua thực hiện các phép biến đổi biểu thức đại số và vận dụng giải bài toán thực tiễn; NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc sử dụng máy tính cầm tay.

**3. Về phẩm chất:** Qua bài học giúp học sinh chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, tự chủ, yêu quê hương.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, thước thẳng, máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, máy tính cầm tay, ôn tập các kiến thức cơ bản của chương đã giao về nhà từ tiết trước.

**III. Tiến trình dạy học:**

Ngày dạy:

**Tiết 69:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Hs nhớ được các kiến thức cơ bản về mặt lí thuyết của chương về phương trình bậc nhất một ẩn; Phương trình một ẩn, nghiệm của phương trình, phương trình bậc nhất một ẩn, cách giải phương trình bậc nhất một ẩn; Ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn; các bước giải.

**b) Nội dung:** Học sinh thảo luận nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung chương VII. Phương trình bậc nhất 1 ẩn trên giấy A0

**c) Sản phẩm:** Học sinh hoàn thành được sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung chương VII

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập:  - Chia lớp thành từng nhóm 4 học sinh. |  |
| - Các nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung chương VII. Phương trình bậc nhất một ẩn.  \* HS thực hiện nhiệm vụ:  - Học sinh thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát giúp đỡ ( nếu cần )  \* Báo cáo, thảo luận:  - Gọi đại diện các nhóm lên bảng thuyết trình .  - Đại diện nhóm trình bày kết quả; HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  - Các nhóm nhận xét bài chéo nhau  - Nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa kiến thức.  \* Kết luận, nhận định:  - Đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS.  - Chốt kiến thức treo bảng phụ: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức chương VII. | *Description: C:\Users\BA COMPUTER\Pictures\Screenshots\Screenshot (95).png* |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (28 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng quy tắc chuyển vế quy tắc nhân vào giải được phương trình và tìm được nghiệm của bậc nhất một ẩn và phương trình dạng . Ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn giải bài toán tìm số và tìm tuổi.

b) Nội dung:

- Chơi trò chơi **Giúp ong về tổ** thực hiện theo nội dung bài tập 1 SGK-50;

- Hoạt động nhóm đôi thực hiện bài tập 2; 3 (SGK-50)

- Hoạt đông cá nhân thực hiện bài tập 5 và 7 (SGK-50-51)

c) Sản phẩm:

**Phần trắc nghiệm: Câu 1:** A **Câu 2:** B **Câu 3:** D **Câu 4:** C **Câu 5:** B

**Bài 2 SGK-50** a)  b)  c) 

**Bài 3 SGK- 50**

a)  b)  c)  d) 

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập 1  Trò chơi: Giúp ong về tổ ( Gồm 5 câu trắc nghiệm)  Luật chơi: Ai nhanh nhất sẽ trả lời được câu hỏi, nếu sai sẽ nhường quyền cho bạn khác. Trả lời đúng các câu hỏi sẽ giúp 5 chú ong về được tổ của mình.  Thời gian : 1 câu là 1 phút.  \* HS thực hiện nhiệm vụ 1:  Bắt đầu trò chơi  \* Báo cáo, thảo luận 1:  - Ai nhanh nhất sẽ trả lời câu hỏi, nếu sai nhường quyền cho bạn khác.  \* Kết luận, nhận định 1:  Câu 1: A Câu 2: B  Câu 3: D Câu 4: C  Câu 5: B | **1. Dạng 1 : Tìm và nhận biết nghiệm của phương trình.**  **Câu 1:** Nghiệm của phương trình  là:  A.  B.  C.  D.  **Câu 2:** Nghiệm của phương trình  là:  A.. B.. C.. D. .  **Câu 3:** Nghiệm của phương trình  là:  A.. B.. C.. D.  **Câu 4:** Nghiệm của phương trình  là:  A.  B.  C.  D.  **Câu 5:**  là nghiệm của phương trình:  A.. B..  C. . D. . |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập 2:  GV chia lớp thành các nhóm đôi. Mỗi nhóm làm 1 phần của bài tập 2;3 SGK -50  \* HS thực hiện nhiệm vụ 2:  Các nhóm thảo luận làm bài tập được giao.  Gv quan sát giúp đỡ các nhóm ( nếu cần)  \* Báo cáo, thảo luận 2:  - Các nhóm đổi chéo trao đổi nhau thống nhất kết quả.  - Đại diện nhóm lên bảng trình bày kết quả.  \* Kết luận, nhận định 2:  - Gv thống nhất kết quả củng cố cách giải của từng dạng cho hs. | **Dạng 2 : Giải phương trình bậc nhất 1 ẩn và phương trình dạng**  **Bài 2 (SGK-50).** Giải các phương trình:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **a)** | b) | c) |   **Bài 3 (SGK-50)**.Giải các phương trình:  a)  b)         |  |  | | --- | --- | | c) | d) | |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập 3:  Làm bài tập 5;7 SGK (50-51).  Gv hướng dân hs giải bài tập:  - Đọc kĩ nội dung bài.  - Trả lời các câu hỏi sau:  ? Đề bài cho gì, hỏi gì.  ? Chọn yếu tố nào làm ẩn (điều kiện của ẩn).  ? Biểu diễn các đại lượng đã biết và chưa biết qua ẩn.  ? Lập phương trình biểu thị mối quan hệ giữa các đại lượng.  \* HS thực hiện nhiệm vụ 3:  - Học sinh thảo luận nhóm đôi thực hiện các nhiệm vụ trên.  - Gv quan sát giúp đỡ (nếu cần)  \* Báo cáo, thảo luận 3:  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét chéo nhau, phản biện kết quả  \* Kết luận, nhận định 2:  - Gv chốt phương án đúng thống nhất kết quả.  - Hai em đại diện lên trình bày bài giải hoàn chỉnh.  - Hs khác dưới lớp hoàn thành bài vào vở. | **Dạng 3: Ứng dụng phương trình bậc nhất một ẩn giải bài toán tìm số và tìm tuổi.**  **Bài 5 (SGK-50).**  Gọi  là chữ số hàng chục (điều kiện). Khi đó chữ số hàng đơn vị là . Khi đólà số có hai chữ số. Nếu đổi chỗ hai chữ số của số đó cho nhau thì ta nhận được số mới nhỏ hơn số ban đầu 18 đơn vị. Ta có phương trình:  **-** = . Giải phương trình:  **-** = .      ( thỏa mãn đ/k)  Vậy số cần tìm là .  **Bài 7(SGK-51)**  Gọi  là tuổi của Diofantos .  Thời thơ ấu của Diofantos là ; thời thanh niên là ; những năm sống độc thân là ; tuổi của con trai là . Theo bài ra ta có tuổi của Diofantos là : .  Giải phương trình:    (thỏa mãn đ/k)  Vậy nhà toán học Diofantos sống được 84 tuổi. |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua phân tích tìm yếu tố để giải bài toán mang yếu tố thực tế khi vận dụng nội dung Ứng dụng của phương trình bậc nhất một ẩn.

b) Nội dung: Phân tích nội dung đề bài và lập phương trình cho bài toán số 6 (SGK-50)

c) Sản phẩm: Học sinh phân tích được đề bài chọn ẩn đặt điều kiện cho ẩn. Biểu diễm các đại lượng chưa biết qua ẩn và đã biết. Lập được phương trình dạng một ẩn biến có bậc là 1. 

d) Tổ chức thực hiện: Yêu cầu cá nhân hs về nhà hoàn thiện đầy đủ lời giải. Báo cáo trước lớp vào tiết học sau.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn tập lại các kiến thức cơ bản của chương VII.

- Cách giải các bài tập cơ bản đã được luyện,

- Hoàn thiện bài số 6 (SGK-50). Chuẩn bị bài 4(SGK-50)

Ngày dạy:

**Tiết 70:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Giải quyết được vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất thông qua bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, bài toán rót nước.

**b) Nội dung:** Học sinh báo cáo nội dung bài tập 6 được giao về nhà từ tiết học trước.

**c) Sản phẩm:** Học sinh giải được bài tập 4; 6(SGK-50).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| GV giao nhiệm vụ học tập:  - Hai học sinh lên bảng trình bày lời giải bài tập số 4; 6(SGk-50)  - Hs khác theo dõi nhận xét bài làm của bạn.  \* HS thực hiện nhiệm vụ:  Một học sinh trình bày lời giải trên bảng.  Học sinh khác theo dõi bài làm của bạn.  \* Báo cáo, thảo luận:  - 3 Học sinh nhận xét bài làm của bạn  \* Kết luận, nhận định:  *-* Gv chốt kiến thức lời giải đúng. Để củng cố và giải quyếtđược một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất thông qua bài toán có nội dung thực tế chúng ta tiếp tục luyện tập | **Bài 6 (SGk-50).** Đổi  giờ  phút =  giờ  Gọi vận tốc riêng của canô là  (km/h)  Vận tốc của canô khi xuôi dòng là  (km/h)  Vtốc của canô khi ngược dòng là  (km/h).  Do quãng đường lúc đi bằng quãng đường lúc về nên ta có phương trình:  Giải phương trình:    (tm đ/k).  Vậy vận tốc riêng của canô là  (km/h).  **Bài 4 ( SGK-50)**  Gọi lượng nước ở can thứ nhất là (l) . Thì lượng nươc ở can thứ hai là  (l).  Nếu rót (l) từ can thứ nhất sang can thứ hai thì lượng nước ở can thứ nhất bằng  lượng nước ở an thứ hai. Ta có phương trình:  .        ( thỏa mãn đ/k).  Vậy ban đầu can thứ nhất đựng  (l) ; can thứ hai đựng 15 (l) nước. |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** ( 28 phút)

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học toán học thông qua giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất ( như: tính tiền lãi trong kinh doanh, tính sản phẩm nhà máy sản xuất theo kế hoạch và thực tế, tính khối lượng dung dịch khi hòa tan, nhiệt độ khi cân bằng nhiệt,...)

b) Nội dung: Thực hiện các bài tập 8;9;10;11( SGK-50;51)

c) Sản phẩm: Lời giải hoàn chỉnh của các bài tập trên.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV giao nhiệm vụ học tập :  Với mỗi bài gv đều giao nhiệm vụ:  - Học sinh đọc kĩ nội dung đề bài.  - Thảo luận nhóm đôi tìm yếu tố đã biết, yếu tố chưa biết.  - Chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn. Biểu diễn các đại lượng đã biết và chưa biết qua ẩn.  - Lập phương trình biểu thị mối quan hệ giữa các đại lượng.  \* HS thực hiện nhiệm vụ :  Học sinh thực hiện các nhiệm vụ đã được giao.  Giáo viên theo dõi giúp đỡ (nếu cần)  \* Báo cáo, thảo luận :  - Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.  - Nhóm khác nhận xét chéo nhau.  \* Kết luận, nhận định :  - Gv chốt kết quả là phương trình được lập đúng.  - Đại diện từng học sinh lên bảng hoàn thành lời giải hoàn chỉnh của bài toán.  - Các học sinh khác trình bày vào vở.  **Bài toán tính khối lượng dung dịch khi hòa tan.**  **Bài toán tính nhiệt độ khi cân bằng nhiệt áp dụng phương trình cân bằng nhiệt.** | **Bài toán tính tiền lãi trong kinh doanh.**  **Bài 8 ( SGK-51).**  Gọi số tiền ông Ba có lúc đầu là  ( triệu đồng), . Số tiền ông Ba đầu tư vào công ty rau sạch và thu lãi là . Số tiền ông Ba đầu tư vào nhà hàng và thu lãi là . Tổng số tiền lài hàng tháng ông Ba nhận được là ( triệu đồng). Ta có phương trình:    ( thỏa mãn đ/k).  Vậy ông ba lúc đầu có ( triệu đồng).  **Bài toán tính sản phẩm nhà máy sản xuất theo kế hoạch và thực tế**  **Bài 9 (SGK-51).**  Gọi số sản phẩm mà đội phải sản xuất theo kế hoạch trong một ngày là  ( sản phẩm) . Theo kế hoạch số sản phẩm phải mà đội phải làm trong  ngày là . Thực tế mỗi ngày sản xuất vượt mức  sản phẩm nên làm được  ( sản phẩm). Sau 16 ngày dây truyền hoàn thành trước kế hoạch mà còn thêm  sản phẩm nữa. Ta có phương trình:  Giải phương trình:  ( thỏa mãn đ/k).  Vậy theo kế hoạch một ngày đội phải sản xuất . Thực tế làm được là  ( sản phẩm).  **Bài 10 (SGk-51).**  Công thức tính nồng độ dung dịch là.  Với (kg) dung dịch có lượng acid nguyên chất là  (kg). Gọi là khối lượng dung dịch acid ;  là khối lượng dung dịch acid cần để pha (kg) dung dịch . Ta có phương trình: .  Giải phương trìn    ( thỏa mãn đ/k).  Vậy cần (kg) dung dịch acid ; (kg) và dung dịch acid để được (kg) dung dịch nồng độ  **Bài 11(SGK-51).** Khi cân bằng nhiệt thì lượng nhiệt mà nước nóng tỏa ra sẽ bằng lượng nhiệt mà nước lạnh thu vào nên:        .  Vậy nhiệt độ khi cân bằng là |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (5 phút)

a) Mục tiêu: Tiếp tục củng cố năng lực tư duy, và lập luận toán học thông qua một số bài bài toán thực tế.

b) Nội dung: Phiếu học tập.

- Hướng dẫn giải một số bài toán trong phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Học sinh giải hoàn chỉnh bài tập trên phiếu học tập (về nhà làm)

d) Tổ chức thực hiện:

- Về nhà giải hoàn chỉnh bài tập trên phiếu học tập.

- Nộp bài tập cho giáo viên vào trước tiết học sau.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn tập các kiến thức cơ bản của chương.

- Xem lại cách giải các bài tập cơ bản đã được luyện.

- Hoàn thiện phiếu học tập.

**Phiếu học tập**

**Bài 1:** Một đội công nhân sửa một đoạn đường trong  ngày. Ngày thứ nhất đội sửa được , ngày thứ hai đội sửa được một đoạn đường bằng đoạn được làm trong ngày thứ nhất, ngày thứ ba đội sửa 80 m còn lại. Tính chiều dài đoạn đường mà đội phải sửa.

**Bài 2:** Trước đây  năm, tuổi của Dung bằng nửa tuổi của Dung sau năm nữa. Tính tuổi của Dung hiện nay.

**Bài 3:** Nhân ngày  tháng một phân đội thiếu niên được tặng 1 số kẹo, số kẹo này được chia hết và chia đều cho mọi đội viên trong phân đội. Để đảm bảo nguyên tắc chia ấy, đội trưởng đã đề xuất cách chia như sau:

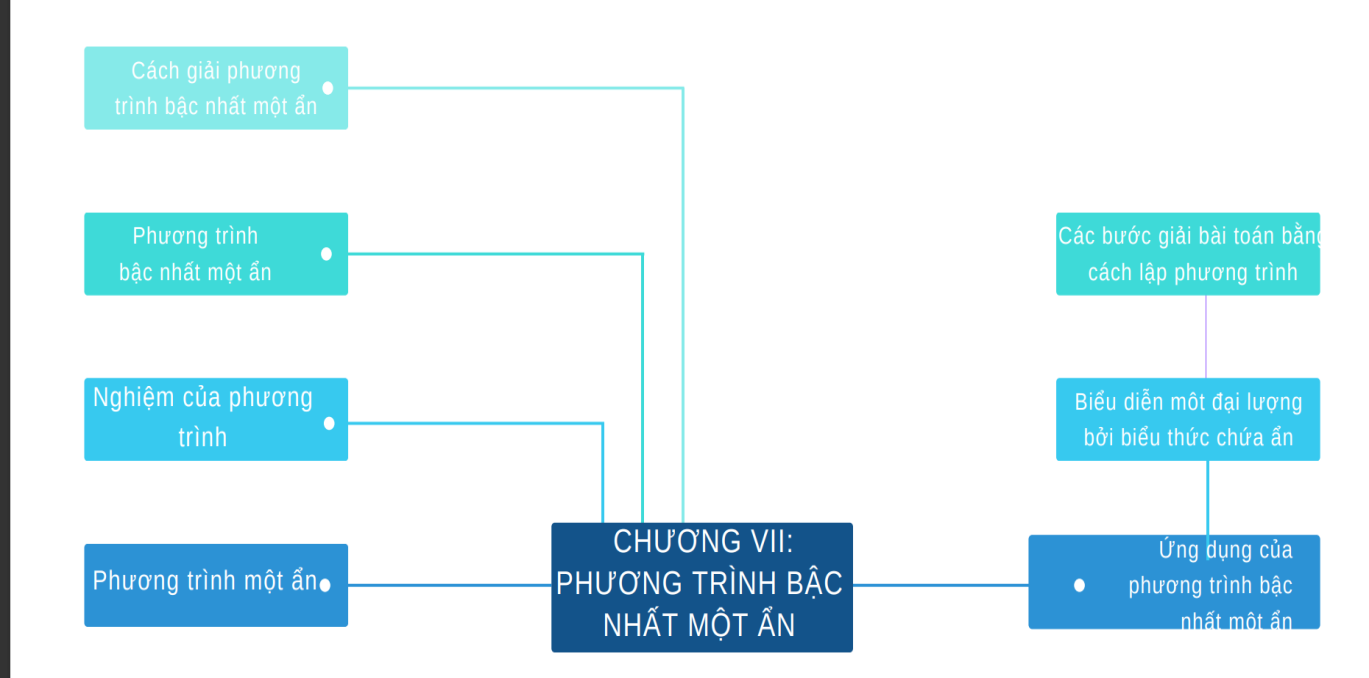
- Bạn thứ nhất nhận  viên kẹo và được lấy thêm số kẹo còn lại.

- Sau khi bạn thứ nhất lấy phần của mình, bạn thứ hai nhận  viên kẹo và được lấy thêm số kẹo còn lại.

Cứ như thế đến bạn cuối cùng, thứ , nhận  viện kẹo và được lấy thêm  số kẹo còn lại.

Hỏi phân đội đó có bao nhiêu đội viên và mỗi đội viên nhận bao nhiêu viên kẹo.

**Sơ dồ tư duy phần mở đầu tiết 1.**

**

Ký duyệt:

Ngày soạn: …/…./ …..

**TIẾT 71 + 72: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VII**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- Tổng hợp lại các kiến thức đã học trong chương VII.

- Giải một số dạng toán cơ bản liên quan đến kiến thức chương này:

* Phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải
* Giải bài toán bằng cách lập phương trình
* Hàm số và đồ thị của hàm số
* Hàm số và đồ thị của của hàm số bậc nhất
* Hệ số góc của đường thẳng

**2. Về năng lực:** Phát triển cho HS:

***- Năng lực chung:***

+ Năng lực tự học: HS hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà và hoạt động cá nhân trên lớp.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tiếp thu kiến thức, trao đổi học hỏi bạn bè thông qua việc thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động cặp đôi, nhóm; trao đổi giữa thầy và trò nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

***- Năng lực đặc thù:***

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực tính toán: thông qua các bài tính toán, vận dụng các kỹ năng để áp dụng tính nhanh, tính nhẩm

+ Năng lực giao tiếp toán học: trao đổi với bạn học về phương pháp giải và báo cáo trước tập thể lớp.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: sử dụng thước đo góc, thước thẳng, eke, rèn luyện năng lực vẽ hình.

- Học sinh biết vận dụng tính sáng tạo để giải quyết tình huống của từng bài toán cụ thể nhằm phát triển năng lực sáng tạo.

**3. Về phẩm chất:** bồi dưỡng cho HS các phẩm chất:

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập và nhiệm vụ được giao một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ và có chất lượng các hoạt động học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Thiết bị dạy học:

**+ Về phía giáo viên:** bài soạn, tivi hoặc bảng phụ về nội dung bài ôn tập, bảng nhóm, phấn màu, máy soi bài.

**+ Về phía học sinh:** Dụng cụ học tập, sách giáo khoa, chuẩn bị bài trước khi đến lớp; vở ghi, phiếu bài tập.

- Học liệu: sách giáo khoa, sách bài tập, …

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

Ngày dạy:

**Tiết 71**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  NV1: Nêu khái niệm phương trình một ẩn, nghiệm của phương trình một ẩn, phương trình một ẩn.  NV2: Nêu cách giải phương trình bậc nhất một ẩn  **Bước 2: Thực hiên nhiệm vụ:**  - Hoạt động cá nhân trả lời.  - 2 HS đứng tại chỗ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  NV1, 2, HS đứng tại chỗ phát biểu  **Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả**  - GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức.  - GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở | **I. Nhắc lại lý thuyết.**  - Một phương trình với ẩn x có dạng  , trong đó vế trái và vế phải là hai biểu thức của cùng một biến x.  - Nếu hai vế của phương trình (ẩn x) nhận cùng một giá trị khi thì số a gọi là một nghiệm của phương trình đó  - Phương trình bậc nhất một ẩn là phương trình có dạng . Trong đó  là hai số đã cho và  - Cách giải phương trình bậc nhất    - Phương trình bậc nhất () luôn có nghiệm duy nhất |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Luyện tập giải phương trình bậc nhất một ẩn và các bài toán liên quan

**b) Nội dung:** Các bài tập trong bài học

**c) Sản phẩm**: Tìm được lời giải của bài toán

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1**  **-** GV cho HS đọc đề bài 1.  Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề và làm bài  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  -4 HS lên bảng giải câu a, b, c và d.  - HS dưới lớp quan sát bạn làm và làm bài tập  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. | **Bài 1:** Giải các phương trình sau  a);  b);  c) ;  d) .  **HD- Đáp số:**   |  |  | | --- | --- | | a) | b) |   c)    d) .    Vậy phương trình có tập nghiệm |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2**  **-** GV cho HS đọc đề bài 2.  Yêu cầu:  - HS làm việc nhóm, trao đổi theo bàn nhiệm vụ của mình  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, và thảo luận theo 4 nhóm để làm bài  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 3 nhóm đổi chéo bài để kiểm tra chéo kết quả.  - GV hỗ trợ chiếu bài tập của học sinh trên Ti-vi.  - 1 đại diện trình bày kết quả bài làm.  - HS quan sát bạn trình bày.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn  - Giải thích những thắc mắc hoặc vấn đề chưa rõ của HS.  - GV chốt kiến thức bài tập | **Bài 2:** Giả sử bên đĩa cân thứ nhất có một hộp nặng g; đĩa cân thứ hai có một hộp nặng g, mỗi viên bi đặt trên đĩa cân ở hình bên đều có khối lượng là  (g). Hai đĩa cân thăng bằng.  a/ Viết phương trình biểu thị sự thăng bằng của cân .  b/ / Giải phương trình vừa tìm được ở câu a.    **Giải**  a) Phương trình biểu thị sự thăng bằng của cân là  b)  Vậy khối lượng của một viên bi là g. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 3.**  **Thi giải toán giữa các bàn.**  Yêu cầu:  **-** HS thực hiện theo nhóm bàn.  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - Đại diện bàn báo cáo kết quả  - Sau khi các nhóm báo cáo kết quả, GV cử 1 HS lên bảng trình bày lời giải, HS dưới lớp làm vào vở ghi chép cá nhân bài giải.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn và phương pháp giải của bài toán.  GV khẳng định lại kết quả bài toán. | **Bài 3:** Cho một mảng tường hình thang có diện tích  . Nếu chiều cao là  và chiều dài của một cạnh đáy là  . Gọi x là chiều dài cạnh đáy còn lại .  Viết phương trình biểu thị diện tích mảng tường hình thang. Từ đó giải phương trình tìm    **HD- Đáp số:**  Phương trình biểu thị diện tích mảng tường hình thang:  Vậy đáy còn lại của hình thang dài |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 4.**  Yêu cầu:  **-** HS thực hiện  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - Đại diện các bàn báo cáo kết quả  - Sau khi các nhóm báo cáo kết quả, GV cử 1 HS lên bảng trình bày lời giải, HS dưới lớp làm vào vở ghi chép cá nhân bài giải.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn và phương pháp giải của bài toán.  GV khẳng định lại kết quả bài toán. | **Bài 4:** Sự phát triển của khoa học kĩ thuật hiện nay, người ta tạo ra nhiều mẫu xe lăn đẹp và tiện dụng cho người khuyết tật . Công ty A đã sản xuất ra những chiếc xe lăn với số vốn ban đầu là đồng, chi phí sản xuất ra một chiếc xe lăn là  đồng, giá bán ra mỗi chiếc là  đồng.  a/ Viết hàm số biểu diễn tổng số tiền đã đầu tư đến khi sản xuất ra được  chiếc xe lăn (gồm vốn ban đầu và chi phí sản xuất ) và hàm số biểu diễn số tiền thu được khi bán ra  chiếc xe lăn.  b/ Công ty A phải bán bao nhiêu chiếc xe mới thu hồi được vốn ban đầu ?  **HD- Đáp số:**   1. Hàm số biểu diễn số tiền đã đầu tư đến khi sản xuất ra được x chiếc xe lăn là:     Hàm số biểu diễn số tiền thu được khi bán ra x chiếc xe lăn là:   1. Để thu hồi vốn thì số tiền đầu tư và số tiền thu được phai bằng nhau nên ta có:     Vậy công ty phải bán 5000 chiếc xe mới thu hồi được vốn ban đầu. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn tập các kiến thức cơ bản của chương.

- Xem lại cách giải các bài tập cơ bản đã được luyện.

- Hoàn thiện phiếu học tập.

Ngày dạy:

**Tiết 72**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1**  **-** Yêu cầu 1 HS nhắc lại các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình  **-** GV cho HS đọc đề bài 1.  Yêu cầu HS nêu định hướng giải của mỗi ý  - HS hoạt động cá nhân làm bài tập  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài và trả lời theo yêu cầu của GV.  - 1 HS lên bảng làm bài tập, HS dưới lớp làm vào vở ghi.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 2 HS đứng tại chỗ trả lời.  HS nhận xét lời giải 2 bài tập trên bảng.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại cách viết các đỉnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng. | * **Các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình**. * Bước 1: Lập phương trình * Chọn ẩn số và đặt điều kiện thích hợp cho ẩn số.   - Biểu diễn các đại lượng chưa biết theo ẩn và các đại lượng đã biết.  - Lập phương trình biểu thị mối quan hệ giữa các đại lượng.   * Bước 2: Giải phương trình. * Bước 3: Kết luận   - Kiểm tra xem trong các nghiệm của phương trình, nghiệm nào thỏa mãn điều kiện của ẩn, nghiệm nào không , rồi kết luận.  **Bài 1:** Hai thư viện có cả thảy  cuốn sách. Nếu chuyển từ thư viện thứ nhất sang thứ viện thứ hai cuốn, thì số sách của hai thư viện bằng nhau. Tính số sách lúc đầu ở mỗi thư viện.  **HD- Đáp số:**  Gọi số sách lúc đầu ở thư viện I là  (cuốn), x nguyên, dương.  Số sách lúc đầu ở thư viện II là:  Sau khi chuyển số sách ở thư viện I là:  (cuốn)  Sau khi chuyển số sách ở thư viện II là:  (cuốn)  Vì sau khi chuyển số sách 2 thư viện bằng nhau nên ta có phương trình:    Giải phương trình ta được:  (thỏa mãn điều kiện).  Số sách lúc đầu ở thư viện I là 10500 cuốn.  Số sách lúc đầu ở thư viện II là:  cuốn. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 2.**  GV phát phiếu học tập, HS hoạt động nhóm giải toán  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, trao đổi thảo luận và trình bày bài ra phiếu học tập  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - HS hoạt động theo nhóm, đại diện 1 hs lên bảng trình bày.  - Các nhóm đổi bài, lắng nghe và theo dõi bài làm của nhóm bạn để nhận xét.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn. | **Bài 2:** Hai tổ công nhân trong một công xưởng, sản xuất được  sản phẩm trong tháng đầu. Sang tháng thứ hai, tổ I làm vượt mức , tổ II vượt mức  do đó cuối tháng cả hai tổ sản xuất dược  sản phẩm. Hỏi trong tháng đầu mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?  **HD- Đáp số:**  Gọi số sản phẩm của tổ I trong tháng đầu là x (sản phẩm)  Số sản phẩm của tổ II là 600 – x  Sang tháng 2, số sản phẩm của tổ I là 1,25x  Số sản phẩm của tổ II là 1,15(600-x)  Vì tổng số sản phẩm của 2 tổ trong tháng 2 là 725 sản phẩm nên ta có phương trình:    Vậy số sản phẩm tổ I sản xuất tháng đầu là , tổ II sản xuất là  sản phẩm. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề bài **bài 3.**  Yêu cầu:  **-** HS thảo luận nhóm bàn tìm định hướng giải  - HS giải bài theo cá nhân  - 1 HS lên bảng trình bày  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm bàn và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 1 HS lên bảng làm bài  HS còn lại làm vào vở  Sau đó nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét . | **Bài 3:** Hai Ô tô cùng khởi hành từ hai bến cách nhau  km để gặp nhau. Xe thứ nhất đi sớm hơn xe thứ hai là giờ phút với vận tốc km/h. Vận tốc của xe thứ hai là km/h. Hỏi sau mấy giờ hai xe gặp nhau?  **HD- Đáp số:**  Gọi thời gian đi của xe 2 là  (giờ) (x > 0)  Thời gian đi của xe 1 là  (giờ)  Quãng đường xe 2 đi là:  km  Quãng đường xe 1 đi là:  km  Vì 2 bến cách nhau 175 km nên ta có phương trình:  Giải phương trình ta được  (tmđk)  Vậy sau 2 giờ xe 2 gặp xe 1. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề bài **bài 4.**  Yêu cầu:  **-** HS thảo luận nhóm bàn tìm định hướng giải  - HS giải bài theo cá nhân  - 1 HS lên bảng trình bày  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm bàn và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 1 HS lên bảng làm bài  HS còn lại làm vào vở  Sau đó nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét .  - Đánh giá mức độ hoàn thành bài tập của bạn. | **Bài 4.** Một ca nô đi từ bến A đến bến B hết 6 giờ; khi đi từ B về A nhanh hơn lúc đi là nên thời gian chỉ mất 5 giờ. Tính quãng đường AB.  **HD- Đáp số:**  Gọi vận tốc lúc đi là x (km/h), x>0.  Quãng đường đi là:  Vận tốc lúc về là:  Quãng đường lúc về là:  Vì quãng đường đi và quãng đường về là như nhau nên ta có phương trình:    Quãng đường AB là: (km) |

**Vận dụng: Bài tập trắc nghiệm.**

Giáo viên phát phiếu bài tập trắc nghiệm.

HS làm theo nhóm bàn, nộp kết quả.

GV chữa nhanh một số bài tập.

**Bài 1.** Phương trình nào sau đây không phải là phương trình bậc nhất một ẩn ?

**A.** **; B.** **;**

**C.**  **D.** 

**Bài 2**. Nghiệm của phương trình  là :

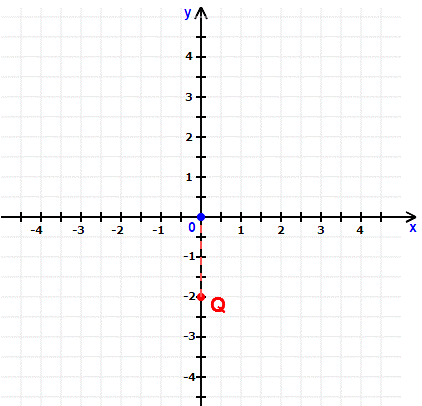
**A.** **; B.** **; C.** **; D.** 

**Bài 3.** Cho hàm số  Tính  .

**A.**0 **B. ** **C.** 50 **D**. 10

**Bài 4.** Nhà bác học Galileo Galilei (1564 – 1642) là người đầu tiên phát hiện ra quan hệ giữa quãng đường chuyển động y (m) và thời gian chuyển động x (giây) của một vật được biểu diễn gần đúng bởi hàm số . Quãng đường mà vật đó chuyển động được sau 3 giây là :

**A.** **B.** **C.** **D.** 

**Bài 5.** Trong mặt phẳng tọa độ Oxy như hình vẽ, tọa độ điểm Q là :

**A. B.** **C. D.** 

**Bài 6.** Đồ thị hàm số là :

A. Một đường thẳng B. Đi qua gốc tọa độ

C. Một đường thẳng đi qua gốc tọa độ D. Cả ba câu đều đúng

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | B | A | C | B | A | D |

**Bài tập về nhà.**

**Bài 1**: Giải phương trình a)  ; b) 

c)  ; d) ;

**Bài 2:** Để hoàn thành bài thi cho môn Kĩ năng sống, bạn Hà phải đi bộ mất 1 giờ, sau đó chạy 30 phút. Biết rằng vận tốc chạy gấp đôi vận tốc đi bộ và tổng quãng đường hoàn thành là . Hãy viết phương trình thể hiện tổng quãng đường Hà đã hoàn thành với vận tốc đi bộ là x (km/h).

**Bài 3.** Giá trị của một chiếc máy tính bảng sau khi sử dụng 1 năm được ước tính bởi công thức :  (đồng).

a/ Hãy tính và cho biết có nghĩa là gì ?

b/ Sau bao nhiêu năm thì giá trị của chiếc máy tính bảng là đồng.

**Bài 4.** Hai rổ trứng có tất cả  quả. Nếu chuyển 5 quả từ rổ thứ nhất sang rổ thứ hai thì số trứng trong rổ thứ nhất bằng  số trứng trong rổ thứ hai. Hỏi lúc đầu mỗi rổ có bao nhiêu quả ?

Ký duyệt:

Ngày soạn: …/…./ …..

**TIẾT 73 +74: ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập một cách hệ thống các kiến thức chương VI, VII, VIII về:

+ Phân thức đại số, tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia phân thức đại số.

+ Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất.

+ Cách tính xác suất của biến cố.

**2. Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: Học sinh xác định đúng đắn động cơ, thái độ học tập; tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; tự nhận ra được những sai sót và khắc phục.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Tiếp thu kiến thức, trao đổi học hỏi bạn bè thông qua việc thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động cặp đôi, nhóm; có thái độ tôn trọng, lắng nghe, có phản ứng tích cực trong giao tiếp.

+ Học sinh xác định được nhiệm vụ của tổ/nhóm, trách nhiệm của bản thân, đề xuất được những ý kiến đóng góp góp phần hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học: giao tiếp, hợp tác để tìm ra cách giải bài toán, hướng chứng minh cho bài toán.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Tư duy, lập luận trong cách giải bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Từ việc biết các phép toán cộng, trừ, nhân, chia phân thức đại số HS biết thực hiện rút gọn biểu thức chứa nhiều phép tính.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực hiện.

- Trung thực: nhìn ra lỗi sai và biết sửa sai.

- Trách nhiệm: Biết chia sẻ, có trách nhiệm với bản thân khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

- Bài soạn, phiếu học tập, thước thẳng, laptop, tivi (màn chiếu).

**2. Học sinh:**

- Dụng cụ học tập, sách giáo khoa, chuẩn bị bài trước khi đến lớp; bảng phụ.

**III. Tiến trình dạy học**

Ngày dạy:

**Tiết 73**

**a) Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức đã học về phân thức đại số, tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia phân thức đại số.

**b) Nội dung:** Nhắc lại lý thuyết cần nhớ. Làm các bài tập tự luận bài 1, 2 và bài 3.

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài 1, 2, 3 và bài 4.

**d) Tổ chức thực hiện:**Làm việc cá nhân, cặp, nhóm, hỏi đáp, gợi mở...

| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| --- | --- |
| **\*GV: Giao nhiệm vụ học tập**  Yêu cầu học sinh nhắc lại kiến thức:  Phân thức đại số ? Hai phân thức bằng nhau ?  - GV : Tính chất cơ bản của phân thức đại số  - GV treo bảng phụ yêu cầu HS nhắc lại một số các phép toán trong bảng    HS làm trong 5’, sau đó gọi 3 em lên trình bày .  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  Nhận xét (bổ sung nếu có) ?  **\* Kết luận, nhận định**  - GV chốt bài | **I. Kiến thức cần nhớ.**  **1. Phân thức đại số**  - Phân thức đại số (hay còn gọi là phân thức) là một biểu thức có dạng , với A và B là các đa thức, B khác đa thức 0.  Trong đó, A được gọi là tử thức (hay tử), B là mẫu thức (hay mẫu).  - Hai phân thức  và  được gọi là bằng nhau nếu .  **2. Tính chất cơ bản của phân thức đại số.**  **a. Tính chất cơ bản**  (M khác 0).  (N là nhân tử chung của A và B).  **b. Quy tắc đổi dấu**  ; .  **3. Cộng, trừ, nhân, chia phân thức đại số.**  **a. Phép cộng hai phân thức đại số.**  *- Quy tắc cộng hai phân thức có cùng mẫu thức*:  *- Quy tắc cộng hai phân thức không cùng mẫu thức*:  **b. Phép trừ hai phân thức đại số.**  - Hai phân thức được gọi là đối nhau nếu tổng của chung bằng 0.  - Phân thức đối của phân thức  là  hay.  - Quy tắc trừ hai phân thức: .  - Quy tắc trừ hai phân thức có cùng mẫu thức:  .  **c. Phép nhân hai phân thức đại số.**    **d. Phép chia hai phân thức đại số.** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  HS làm **Bài 1ID13 2022 KNTT STT110**  **Bài 1**. Thực hiện phép tính  a) .  b) .  c)  d) .  e) . f) .  g) .  - Yêu cầu: Đọc kỹ bài  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày vào vở.  **-** Chú ý thứ tự thực hiện phép tính.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS nên bảng làm bài và nhận xét chéo bài nhau  - Các HS khác nêu những thắc mắc của mình để các bạn giải đáp.  - Các HS hoàn thiện bài làm trong vở, theo dõi, quan sát và nhận xét, đánh giá bài .  **\* Kết luận, nhận định**  - GV chấm chữa, rút ra nhận xét và cho điểm cho từng bài. Rút kinh nghiệm và cách trình bày bài. | **II. Luyện tập**  **Bài 1.**  **Giải.**  a)  b)    c)    d)      e)    f)    g) |
| **Bài 2. Thực hiện phép tính**  a) .  b) .  c) .  d) .  e) .  f) .  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề bài **bài 2**.  Yêu cầu:  **-** HS thực hiện giải toán cá nhân  - HS so sánh kết quả với bạn bên cạnh  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài cá nhân và thảo luận cặp đôi  theo bàn để trả lời câu hỏi.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - HS hoạt động cá nhân, đại diện hs lên bảng trình bày.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.  GV yêu cầu học sinh chốt được cách làm. | **Bài 2.**  **Giải :**  a)  b)  c)    d)    e)    f) |
| **Bài 3.** Cho biểu thức:  với ; .  a) Rút gọn biểu thức ;  b) Tính giá trị biểu thức  tại  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề bài **bài 3**.  Yêu cầu:  **-** HS thực hiện giải theo dãy bàn, nêu phương pháp giải của bài toán  - HS giải toán và chuẩn bị báo cáo.  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm bàn và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - Đại diện các nhóm bàn báo cáo kết quả và cách giải.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn và phương pháp giải. GV chốt lại kiến thức. | **Bài 3.**  **Giải**  **a)**      b) Thay  vào biểu thức  ta được:  Vậy khi  thì P = 2 |
| **Bài 4.** Cho biểu thức:  Với , ;  a) Rút gọn A  b) Tính giá trị biểu thức A khi  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề bài: **bài 4**.  Yêu cầu:  **-** HS thực hiện cá nhân, 2 HS lên bảng làm bài tập  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, hoạt động giải cá nhân.  2 HS lên bảng làm bài tập  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - HS trình bày kết quả  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn và chốt lại một lần nữa cách làm bài | **Bài 4.**  **Giải :**  **a)**    b) Thay  vào biểu thức  ta được:  Vậy  khi |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn tập các kiến thức cơ bản của chương.

- Xem lại cách giải các bài tập cơ bản đã được luyện.

- Hoàn thiện phiếu học tập.

Ngày dạy:

**Tiết 74**

**a) Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức về phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất.

**b) Nội dung:** Nhắc lại lý thuyết và làm các bài tập 1, 2, 3, 4.

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài 1, 2, 3, 4.

**d) Tổ chức thực hiện:**Làm việc cá nhân, cặp, nhóm, hỏi đáp, gợi mở...

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **GV: Giao nhiệm vụ học tập**  Yêu cầu học sinh nhắc lại kiến thức:  - Phương trình bậc nhất một ẩn ?  - Quy tắc cơ bản để biến đổi phương trình ?  - Cách giải phương trình bậc nhất ?  - Các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình ?  - Khái niệm hàm số bậc nhất ? Xác định hệ số góc của hàm số bậc nhất ?  - Khi nào đồ thị của hai hàm số bậc nhất là hai đường thẳng song song ? trùng nhau ? cắt nhau ?  HS làm trong 5’, sau đó gọi 4 em lên trình bày .  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  Nhận xét (bổ sung nếu có) ?  **\* Kết luận, nhận định**  - GV chốt bài | **I. Nhắc lại lý thuyết**  **1. Khái niệm**  Phương trình dạng  với  là các số đã cho và  được gọi là phương trình bậc nhất một ẩn.  **2. Hai quy tắc cơ bản để biến đổi phương trình**  *- Quy tắc chuyển vế*: khi chuyển một hạng tử từ vế này sang vế kia của một phương trình thì phải đổi dấu hạng tử đó.  *- Quy tắc nhân (hoặc chia) với một số khác 0*: trong cùng một phương trình, ta có thể nhân (hoặc chia) hai vế với cùng một số khác 0.  **3. Cách giải phương trình bậc nhất**  - Cách giải phương trình dạng  .  - Dùng quy tắc chuyển vế:  - Chia hai vế cho :  .  **4. Giải bài toán bằng cách lập phương trình**  + Bước 1: lập phương trình  - Đặt ẩn số và điều kiện thích hợp cho ẩn số.  - Biểu diễn các đại lượng chưa biết thông qua ẩn và các đại lượng đã biết.  - Lập phương trình biểu diễn mối quan hệ giữa các đại lượng.  + Bước 2: Giải phương trình đã lập.  + Bước 3: Kiểm tra điều kiện và đưa ra kết luận của bài toán.  **5. Hàm số bậc nhất**  - Hàm số bậc nhất là hàm số cho bởi công thức  - Đồ thị của hàm số bậc nhất là một đường thẳng.  - Hệ số  được gọi là hệ số góc của đường thẳng.  - Hai đường thẳng    +  và  +  và  + cắt |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1**  **-** GV cho HS đọc đề bài 1.  Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài.  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài , thực hiện theo các bước Gv hướng dẫn.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 2 HS lên bảng trình bày và các HS khác quan sát, trình bày ra nháp và nhận xét.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. | **II. Luyện tập**  **Bài 1:** Một số tự nhiên có hai chữ số, tổng các chữ số của nó là 16, nếu đổi chỗ hai chữ số cho nhau được một số lớn hơn số đã cho là 18 đơn vị. Tìm số đã cho.  ***Giải***  Gọi chữ số hàng chục là  Chữ số hàng đơn vị là :  Số đã cho được viết  Đổi vị trí hai chữ số cho nhau thì số mới được viết :  Số mới lớn hơn số đã cho là 18 nên ta có phương trình :  Giải phương trình ta được  (thỏa mãn điều kiện).  Vậy chữ số hàng chục là 7; Chữ số hàng đơn vị là  Vậy số cần tìm là 79. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2**  **-** GV cho HS đọc đề bài 2.  Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài.  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài , thực hiện theo các bước Gv hướng dẫn.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 2 HS lên bảng trình bày và các HS khác quan sát, trình bày ra nháp và nhận xét.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. | **Bài 2:**  Hiệu hai số là 12. Nếu chia số bé cho 7 và lớn cho 5 thì thương thứ nhất lớn hơn thương thứ hai là 4 đơn vị. Tìm hai số đó.  ***Giải:***  Gọi số bé là  . Số lớn là  .  Chia số bé cho 7 ta được thương là :.  Chia số lớn cho 5 ta được thương là:  Vì thương thứ nhất lớn hơn thương thứ hai 4 đơn vị nên ta có phương trình:  Giải phương trình ta được  Vậy số bé là 28. Số lớn là: . |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 3.**  Yêu cầu:  **-** HS thực hiện nhóm  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm việc nhóm  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  Các nhóm báo cáo KQ  Nhóm báo cáo nhanh, chính xác nhất sẽ đạt điểm tối đa.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhóm khác nhận xét bài làm của HS trình bày và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. | **Bài 3.** Cho hàm số  a) Xác định hệ số , biết đồ thị hàm số đi qua điểm  b) Vẽ đồ thị hàm số đã cho với  vừa tìm được ở câu a  **Giải:**  a) Vì đồ thị hàm số đi qua điểm  nên ta có:  hay  b) Với  ta có hàm số . Đồ thị của hàm số là một đường thẳng  Cho  thì  ta được giao điểm của đồ thị với trục tung là  Cho  thì  ta được giao điểm của đồ thị với trục hoành là  M  N  Đồ thị hàm số |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 4.**  Yêu cầu:  - HS lập bảng trên bảng  **-** HS thực hiện cá nhân giải bài tập.  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, HS lần lượt làm theo các bước.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  4 HS lên bảng lần lượt:  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và đánh giá kết quả của HS.  Cần ghi nhớ kiến thức đã học nào? | **Bài 4.** Cho hai hàm số bậc nhất  và . Tìm các giá trị của m để đồ thị của hai hàm số là: a) Hai đường thẳng song song với nhau.  b) Hai đường thẳng cắt nhau.  **Giải:** Ta có hàm số  có  Hàm số  có  a) Hai đường thẳng đã cho là hai đường thẳng song song khi  hay  hay  Kết hợp với điều kiện đã cho, ta được giá trị  cần tìm là: .  b) Hai đường thẳng đã cho là hai đường thẳng cắt nhau khi  hay  hay  Kết hợp với điều kiện đã cho, ta được giá trị  cần tìm là: và |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn tập các kiến thức cơ bản của chương.

- Xem lại cách giải các bài tập cơ bản đã được luyện.

- Hoàn thiện phiếu học tập.

**Bài tập về nhà:**

**Bài 1.** Thực hiện phép tính

a) . b) .

c) . d) .

e) ; f) 

g) . h) .

**Bài 2.** Cho  Với 

a) Rút gọn .

b) Tính giá trị của  khi 

Ký duyệt: